| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN**<br>**CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 51/QĐ-HĐQT | *Bến Tre, ngày 16 tháng 06 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc điều chỉnh, bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

## CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*Căn cứ Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*

*Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 06 năm 2025 về việc thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025,*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Điều chỉnh, bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

Toàn văn tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 điều chỉnh, bổ sung được đăng tải tại website công ty theo đường link: http://congtrinhdothibentre.vn /quan-he-co-dong.

**Điều 2:** Nghị quyết được Hội đồng quản trị thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị, bộ phận và cá nhân có liên quan căn cứ nghị quyết thi hành.

***Nơi nhận:***
- Quý cổ đông,
- Thành viên HĐQT,
- Ban kiểm soát,
- Ban điều hành,
- Website Cty,
- Lưu TK Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

M.S.D.N: 1300113091 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
T.P BẾN TRE - T. BẾN TRE

**NGUYỄN TẤN VŨ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
**Địa chỉ:** Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
**ĐT:** (0275) 3826 358 **Website:** www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

# TÀI LIỆU
# ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

**THÁNG 06 /2025**

# DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.
2. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.
3. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025.
4. Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025.
5. Báo cáo của BKS về Kết quả thực hiện năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025.
6. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 (tóm tắt kết quả Kiểm toán).
7. Tờ trình phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2024 và Kế hoạch năm 2025.
8. Tờ trình tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
9. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.
10. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
11. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
12. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT
13. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
14. Tờ trình bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030.
15. Quy chế bầu cử
16. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358; Website: www.congtrinhdothibentre.vn -bentrepco.vn

# CHƯƠNG TRÌNH
# ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

*(Bắt đầu lúc 7 giờ ngày 26 tháng 06 năm 2025)*

| Thời gian | Nội dung |
|---|---|
| **7h00 - 7h30** | - Đón tiếp đại biểu.<br>- Kiểm tra tư cách đại biểu, lập danh sách đại biểu tham dự. |
| **7h30 – 7h45** | - Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội.<br>- Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa đoàn.<br>- Chủ tọa giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu và xin Đại hội biểu quyết.<br>- Chủ tọa thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.<br>- Chủ tọa thông qua chương trình Đại hội. |
| **7h45 – 8h45** | **Các vấn đề thông qua tại Đại hội:**<br>- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025.<br>- Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện năm 2024 – Kế hoạch hoạt động năm 2025.<br>- Báo cáo của BKS về Kết quả thực hiện năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025.<br>- Báo cáo vấn đề khác (nếu có).<br>**Thông qua các Tờ trình:**<br>- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 (tóm tắt kết quả Kiểm toán).<br>- Tờ trình phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2024 và Kế hoạch năm 2025.<br>- Tờ trình tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.<br>- Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.<br>- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty<br>- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty<br>- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT<br>- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát<br>- Tờ trình bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030. |
| **8h45 - 9h15** | Đại hội thảo luận, góp ý kiến cho các nội dung trên và tiến hành biểu quyết từng vấn đề. |
| **9h15 - 9h45** | **Kiểm phiếu biểu quyết, Ban kiểm phiếu làm việc**<br>- Nghỉ giải lao |
| **9h45 - 10h00** | - Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết |
| **10h00 - 10h30** | **Bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030.**<br>- Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu TV HĐQT và Kiểm soát viên.<br>- Đại hội tiến hành bầu cử. |
| **10h30 - 10h45** | **Ban kiểm phiếu làm việc** (Nghỉ giải lao tại chỗ) |
| **10h45 - 10h55** | - Công bố kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.<br>- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 ra mắt Đại hội. |
| **10h55 - 11h20** | - Thư ký trình bày Biên bản Đại hội.<br>- Chủ tọa trình bày Nghị quyết Đại hội.<br>- Đại hội biểu quyết thông qua.<br>- Chủ tọa đoàn tuyên bố bế mạc Đại hội. |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358; Website: www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

(DỰ THẢO)

# QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE NĂM 2025

**Căn cứ:**

*– Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*

*– Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;*

*– Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;*

*– Điều lệ Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*

*– Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.*

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre năm 2025 được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

**Điều 1. Mục đích**

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

**Điều 2. Đối tượng và phạm vi**

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.

**Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt**

- Công ty : Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông

- Đại hội : Cuộc họp đại hội đồng cổ đông

**Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông**

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 26/05/2025 đều có quyền tham dự Đại hội; có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

- Đại biểu khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với BTC; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do BTC quy định.

- Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, các đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội.

- Các đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tọa cho phép.

**Điều 6. Khách mời tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông/không được nhận ủy quyền của cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

**Điều 7. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa**

- Đoàn Chủ tọa gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 04 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà HĐQT đã dự kiến thông qua trước Đại hội.

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa:

Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

**Điều 8. Ban Thư ký Đại hội**

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

a. Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

b. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;

c. Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

d. Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

e. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

**Điều 9. Ban kiểm tra tư cách đại biểu**

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên do Chủ tọa cử, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có

quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

**Điều 10. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên theo đề nghị của chủ tọa và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.

- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.

- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho Thư ký.

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

**Điều 11. Thảo luận tại Đại hội**

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;

- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn Chủ tọa;

- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, rõ ràng, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng văn bản.

**Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:**

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

  - Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để

thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

- Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025; Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện năm 2024 – Kế hoạch hoạt động năm 2025; Báo cáo của BKS về Kết quả thực hiện năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025; Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,… không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

  - Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;

  - Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Thể lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 26/05/2025) tổng số cổ phần của Công ty là: 3.600.000 cổ phần tương đương với 3.600.000 quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp các vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1, Điều 21 Điều lệ Công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- Lưu ý:

o Cổ Đông/ đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty (ghi trong báo cáo tài chính gần nhất); các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật doanh nghiệp 2020).

o Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản Công ty (ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông**

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

**Điều 14. Thi hành Quy chế**

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

***Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.***

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tấn Vũ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358; Website: congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

Số: 36/BC-CTĐT *Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025

## I. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024:

### 1. Tình hình chung:

Trong năm, Công ty tiếp tục thực hiện sắp xếp, củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức và hoạt động, khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian cho người lao động được học tập nhằm nâng cao tay nghề và năng lực hoạt động của các bộ phận. Đầu năm tổng số CNVC-LĐ Công ty là 225 người, trong đó có 73 nữ, số lao động có trình độ tay nghề từ trung cấp, Đại học, tin học, ngoại ngữ, công nhân lành nghề 90 người đạt tỷ lệ 40%. Ban điều hành Công ty (BĐH CTy) luôn quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, tiếp tục đầu tư, cải tiến máy móc, thiết bị, phương tiện mới, tăng cường các thiết bị bảo hộ an toàn vệ sinh lao động từ đó trong năm không để xảy ra tai nạn lao động. Tuy nhiên, do không trúng gói thầu dịch vụ duy trì duy trì, chăm sóc cây xanh, công viên trên địa bàn thành phố Bến Tre năm 2024, Công ty buộc phải xây dựng và thực hiện phương án giảm 75 lao động, đồng thời có 01 viên chức đại diện vốn Nhà nước xin nghỉ hưu trước tuổi nên Công ty phải tổ chức lại bộ máy hoạt động, điều chuyển, sáp nhập, giảm đầu mối quản lý để tiết kiệm chi phí, số CNVC-LĐ hiện tại còn lại 143 người. Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, thực hiện tốt việc trích nộp đầy đủ, kịp thời BHXH, BHYT, BHTN, tiền lương và thu nhập bình quân đạt 119,28% so với kế hoạch năm, từ đó đã tạo được niềm tin, gắn bó của đội ngũ CNLĐ đối với sự quản lý điều hành của BĐH Cty, cùng với sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng cùng cấp đã góp phần cho Công ty hoàn thành tốt các nhiệm vụ đặt ra. Tình hình thu hồi công nợ tương đối khó khăn đối với các khoản công nợ kéo dài do một số chủ đầu tư chưa bố trí được vốn hoặc đã tạm dừng hoạt động (Nhà máy Xử lý rác) theo quyết định của cơ quan thẩm quyền nên đã ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tài chính của đơn vị, vào thời điểm cuối năm Công ty tập trung tối đa cho công tác thu hồi công nợ.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Công ty tuy tăng trưởng nhưng gặp rất nhiều khó khăn, thách thức do cạnh tranh, khả năng khai thác các nguồn thu rất hạn chế, ... Các lĩnh vực dịch vụ công đô thị thực hiện theo phương thức đấu thầu riêng lẻ nên Công ty đã trượt gói thầu chăm sóc công viên - cây xanh, giá trúng thầu các dịch vụ công, công trình hạ tầng đô thị giảm ngày càng sâu, một số công trình chậm thanh toán vốn, công tác thanh quyết toán khối lượng rác lưu chứa tạm trong nhà xưởng Nhà máy xử lý rác giai đoạn bãi rác An Hiệp huyện Ba Tri tạm ngưng tiếp nhận rác để khắc phục sự cố môi trường chậm, công nợ thu gom, vận chuyển rác các địa phương còn nhiều, giá cả biến động, một số mặt hàng thiết yếu tăng đột biến… đã tác động trực

tiếp đến đời sống của công nhân lao động (CNLĐ). Trong 03 tháng cuối năm, Công ty đã trúng nhiều gói thầu và liên danh, liên kết thực hiện nhiều khối lượng công việc liên quan đến lĩnh vực vệ sinh môi trường, trồng mới cây xanh, lắp đèn chiếu sáng ...qua đó đã góp phần tăng doanh thu vượt cao so với kế hoạch.

Đa số CNVC-LĐ hoàn thành rất tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo mỹ quan đô thị, không tham gia các tệ nạn xã hội, các ca trực đảm bảo 24/24 giờ, tuân thủ các quy định, quy chế nội bộ Công ty, không xảy ra sự cố cháy nổ và tai nạn lao động. Mặt khác, Công ty đã mạnh dạn sắp xếp lại lao động, đầu tư mới phương tiện hoạt động, tiết giảm chi phí nhân công và nhiều chi phí khác nhằm thích ứng linh hoạt với tình hình thực tế tại doanh nghiệp.

Công ty đã tổ chức thành công Hội nghị đại biểu người lao động đúng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc, đồng thời đã phối hợp với Hội đồng quản trị (HĐQT) tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, Đại hội đã biểu quyết thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 2023, các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã chi cổ tức năm 2023 cho cổ đôngvới mức chi 1.000 đồng/cổ phiếu.

Với nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích, cùng với sự hỗ trợ của các cấp chính quyền Tỉnh, Thành phố, Huyện cũng như nỗ lực của tập thể CNVC-LĐ, Công ty đã hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Các đơn đặt hàng trên địa bàn Thành phố Bến Tre và các hợp đồng với các Chủ đầu tư luôn được Công ty hoàn thành đúng hạn, chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích ngày càng nâng cao, được các khách hàng tin cậy, dư luận đánh giá cao.

**2. Kết quả sản xuất kinh doanh 2024:**

| STT | Chỉ tiêu | *ĐVT* | Năm 2023 | Năm 2024 | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | KH | TH | %/2023 | %/KH |
| 1 | Tổng doanh thu | *Tr đồng* | 104.685,42 | 78.000,00 | 107.860,93 | 103,03% | 138,28% |
| | *- Doanh thu dịch vụ công ích* | *"* | *81.230,35* | *60.000,00* | *81.025,25* | 99,75% | 135,04% |
| | *- Doanh thu hoạt động khác* | *"* | *23.455,07* | *18.000,00* | *26.835,68* | 114,41% | 149,09% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | *Tr. đồng* | 9.782,66 | 7.800,00 | 13.440,09 | 137,39% | 172,31% |
| 3 | Nộp ngân sách | *Tr. đồng* | 1.243,15 | 1.020,00 | 1.674,24 | 134,68% | 164,14% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | *Tr. đồng* | 8.539,52 | 6.780,00 | 11.765,84 | 137,78% | 173,54% |
| 5 | Lãi cơ bản trên CP (EPS) | *Đồng* | 1.900 | 1.508 | 2.062 | 108,53% | 136,74% |
| 6 | Lợi nhuận còn lại chia cổ tức/VĐL | *%* | 11,89 | 9,43 | 10,82 | 91,00% | 114,74% |
| 7 | Chia cổ tức/VĐL | *%* | 10 | 7 | 20 | 200,00% | 285,71% |

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chịu tác động bởi nhiều yếu tố đan xen, tóm tắt đánh giá như sau:

*** Thuận lợi:**

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chia sẻ của Chủ sở hữu vốn nhà nước, các Sở Ngành về chuyên môn, Đảng ủy Khối Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh (ĐUKCQ-DN), các Đoàn thể tỉnh về công tác Đảng,công tác công đoàn qua đó đã động viên tập thể cán bộ, đảng viên và CNVC-LĐ toàn Đảng bộ hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

- Sự quyết tâm, nhạy bén trong lãnh đạo, điều hành của Ban Lãnh đạo, sự đoàn kết gắn bó, sự năng nổ, nhiệt tình, tích cực tăng năng suất, chia sẻ khó khăn của đội ngũ CNVC-LĐ là yếu tố góp phần giúp Công ty từng bước vượt qua khó khăn, thách thức, qua đó duy trì, ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Tập thể Ban Lãnh đạo luôn đoàn kết, thống nhất, phát huy tính kế thừa, "đồng thuận - sáng tạo" và linh hoạt trong xử lý các tình huống mới do thay đổi cơ chế, chính sách, đồng thời tích cực quan hệ để tìm kiếm đối tác mới, thị trường tiềm năng song song với việc giữ vững thị trường truyền thống.

*** Khó khăn:**

- Công tác thu gom, vận chuyển rác tại các địa phương vẫn còn nhiều khó khăn, bất cập nhất là công tác cập nhật, điều chỉnh bộ thu dịch vụ (tăng giá theo Quyết định 31/QĐ-UBND), hộ dân, chủ nguồn thải chưa chấp nhận thanh toán giá dịch vụ, luôn phát sinh một số điểm tập kết rác không đúng qui định gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng chi phí do tính đóng các khoản bảo hiểm cho người lao động dựa trên tổng thu nhập thường xuyên và điều chỉnh mức lương tối hiểu vùng.

- Tỷ lệ giảm giá dự thầu các dịch vụ công, công trình hạ tầng đô thị rất cao, trong khi khối lượng thực hiện tăng rất nhiều, cạnh tranh trong đấu thầu chưa lành mạnh.

- Các quy định mới (Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Lao động, Luật Đấu thầu ...) rất khó thực hiện, chưa cụ thể giữa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước và doanh nghiệp cổ phần có vốn nhà nước chi phối nên việc lãnh đạo, điều hành chung của đơn vị kém linh hoạt, chồng chéo.

- Khoản nợ phải thu của Nhà máy xử lý rác là 10.164,5 triệu đồng tương đương 28,23% vốn điều lệ, trong đó lập dự phòng phải thu khó đòi đến ngày 31/12/2024 là 8.998 triệu đồng; sau khi Công ty cổ phần xử lý rác thải Bến Tre tái cơ cấu theo Công văn số 4373/UBND-TCĐT ngày 21/7/2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Công ty đã có văn bản đề nghị xác nhận kế thừa nghĩa vụ tài chính gửi nhà đầu tư là Công ty cổ phần Tập đoàn Amaccao đã ký xác nhận nhưng đến nay có động thái thanh toán.

**3. Kết quả hoạt động năm 2024:**

**3.1. Công tác điều hành, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện tốt việc điều phối lao động, tránh lãng phí nguồn nhân lực cũng như một số chi phí không cần thiết, tập trung phát huy các thế mạnh sẵn có, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích.

**3.2. Công tác tài chính:**

Bộ phận kế toán tài chính của Công ty đã thực hiện cơ bản chức năng nhiệm vụ,

kiểm tra, kiểm soát công tác kế toán - tài chính kịp thời, chặt chẽ, chính xác. Báo cáo tài chính đã cung cấp đầy đủ các thông tin và phản ánh trung thực về hoạt động của các bộ phận nói riêng và của Công ty nói chung. Các khoản phải thu, phải trả, tài sản, nguồn vốn được quản lý một cách hiệu quả đồng thời nghiêm túc thực hiện các quy định về công bố thông tin báo cáo tài chính.

**3.3. Công tác nhân sự:**

- Đội ngũ CNVC-LĐ Công ty tương đối ổn định, người lao động luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao, tích cực làm thêm giờ nhằm đáp ứng tiến độ sản xuất, kinh doanh. Trong năm 2024 Công ty đã giải quyết nghỉ việc theo nguyện vọng 04 trường hợp, chấm dứt hợp đồng lao động 03 trường hợp, chấm dứt hợp đồng theo Phương án lao động 75 trường hợp, bổ nhiệm 03 trường hợp, tinh giảm 03 bộ phận trực thuộc. Tổng số CNVC-LĐ tại thời điểm cuối năm là 143người.

- Các chế độ về tiền lương, tiền thưởng, các khoản phúc lợi cho CNVC-LĐ đều được thực hiện theo quy định hiện hành và chính sách chung của Công ty hướng tới mục tiêu đảm bảo đời sống cho CNVC-LĐ yên tâm công tác, gắn bó với doanh nghiệp.

## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025:

### 1. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025:

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2024 | KH 2025 | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Giá trị | %/2024 |
| 1 | Tổng doanh thu | *Tr đồng* | 107.860,93 | 110.000 | 101,98% |
| | *- Doanh thu dịch vụ công ích* | *"* | *81.025,25* | 75.000 | 92,56% |
| | *- Doanh thu hoạt động khác* | *"* | *26.835,68* | 35.000 | 130,42% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | *Tr. đồng* | 13.440,09 | 13.700 | 101,93% |
| 3 | Nộp ngân sách | *Tr. đồng* | 1.674,24 | 1.918 | 114,56% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | *Tr. đồng* | 11.765,84 | 11.782 | 100,14% |
| 5 | Lãi cơ bản trên CP (EPS) | *Đồng* | 2.062 | 2.085 | 101,12% |
| 6 | Lợi nhuận còn lại chia cổ tức/VĐL | *%* | 10,82 | 12 | 110,91% |
| 7 | Chia cổ tức /VĐL | *%* | 20 | 12 | 60,00% |

Theo Luật doanh nghiệp 2020 thì Công ty là DNNN, tổ chức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% VĐL; phải tổ chức quản lý, điều hành theo quy định chặt chẽ đối với DNNN. Riêng hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung ứng dịch vụ công đô thị, duy trì cảnh quan, bảo vệ môi trường nên không tạo ra giá trị gia tăng nhưng sử dụng số lượng CNLĐ khá lớn mà hầu hết là lao động phổ thông, không yêu cầu cao về trình độ tay nghề nhưng phải bảo đảm mọi quyền lợi hợp pháp theo Bộ Luật lao động. Trong cơ chế thị trường cạnh tranh quyết liệt (về giá dự thầu), nhưng thiếu lành mạnh như hiện nay thì các doanh nghiệp tư nhân

có nhiều lợi thế hơn về chi phí thuê mướn lao động rất thấp, trong khi Công ty phải thực hiện đầy đủ chính sách lao động theo quy định nên khả năng giảm giá (giảm chi phí nhân công là chính) để trúng thầu tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, tạo doanh thu và hiệu quả cho doanh nghiệp là vô cùng khó khăn. Ngoài ra, trong năm 2025, dự kiến các chủ đầu tư sẽ hạn chế đầu tư công, ngân sách dành cho các dịch vụ công ích đô thị địa bàn TPBT, Châu Thành … tiếp tục khó khăn. Mặt khác, doanh thu công trình khó tăng trưởng do Công ty không thuộc đối tượng doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ nên chỉ có thể tham dự thầu các công trình có giá trị trên 5 tỷ đồng, trong khi hồ sơ năng lực thi công các công trình phát triển kết cấu hạ tầng của doanh nghiệp rất hạn chế. Đồng thời, hiện nay các công trình được chỉ định thầu rất ít, các công trình có giá trị dưới 5 tỷ (Công ty con được tham dự thầu) đều thực hiện đấu thầu qua mạng, mức độ cạnh tranh rất gay gắt.

Từ thực tế nêu trên, việc xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng doanh thu 8% so với năm 2024 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với doanh nghiệp là rất khó khăn, Công ty và Ban Điều hành khó có thể hoàn thành nhiệm vụ. nhằm đảm bảo tính khả thi của kế hoạch, phù hợp với năng lực và khả năng phấn đấu của doanh nghiệp, đồng thời đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn Công ty điều chỉnh tỷ lệ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận so với kết quả thực hiện năm 2024 lần lượt là 1,98%, 1,93% và so với kết quả bình quân 05 năm (2020-2024) lần lượt là 17,79%, 42,86% .

**2. Một số giải pháp thực hiện:**

**2.1. Công tác điều hành, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Công ty phải tiếp tục củng cố nâng cao năng lực cạnh tranh về nhân sự quản lý, lao động có tay nghề, máy móc thiết bị ... đảm bảo đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

- Tập trung nguồn lực tài chính, đầu tư mua sắm các thiết bị, phương tiện chuyên dùng để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích truyền thống và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác.

- Tiếp tục thay đổi mô hình quản trị doanh nghiệp, sửa đổi bổ sung các nội quy, quy chế … nhằm thực hiện các quy định mới (nếu có) và thích ứng tình hình mới, sắp xếp lại bộ máy tổ chức, giảm lao động trực tiếp phục vụ công tác công viên cây xanh, tinh giảm lao động các bộ phận còn lại và nâng cao nhận thức về công tác quản lý cho các bộ phận chuyên môn mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Chủ động tìm kiếm các đối tác, khách hàng mới, mở rộng địa bàn hoạt động trong và ngoài tỉnh; hoàn thành các công trình, dịch vụ với đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ, tạo uy tín với các chủ đầu tư.

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên đúng theo quy định.

**2.2 Công tác tài chính:**

Ghi nhận và hạch toán báo cáo tài chính rõ ràng, minh bạch và đúng quy định; Thực hiện cân đối, hợp nhất báo cáo tài chính phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tế tại Công ty; tiếp tục khai thác và sử dụng phần mềm quản lý bộ thu dịch vụ vệ sinh nhằm quản lý bộ thu ngày càng hiệu quả đồng thời với việc sử dụng hóa đơn điện tử đúng quy định.

**2.3 Công tác nhân sự:**

- Rà soát, sắp xếp, bố trí lại lực lượng lao động nhằm thực hiện tốt và hiệu quả hơn công tác dịch vụ công ích, thu dịch vụ vệ sinh, đồng thời tiếp tục rà soát điều chỉnh, bổ sung các nội quy, các quy chế nhằm hướng tới mục tiêu thực hiện đúng quy định hiện hành, phù hợp tình hình và yêu cầu thực tế tại công ty, tạo động lực cho người lao động nâng cao năng suất lao động, thu nhập ổn định và yên tâm công tác.

- Nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, đổi mới phương thức quản lý, xây dựng đội ngũ CNVC-LĐ ngày càng chuyên nghiệp, trách nhiệm, ngang tầm với nhiệm vụ của công ty.

- Tăng cường, khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian cho CNVC-LĐ tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn lực trong điều kiện sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn phải cạnh tranh theo cơ chế thị trường.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2024; phương hướng hoạt động năm 2025 của Ban Tổng Giám đốc xin thông qua trước Đại hội.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

**Lê Văn Vũ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358; Website: www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

Số: 55/BC-HĐQT *Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
## Về kết quả thực hiện năm 2024 - Kế hoạch hoạt động năm 2025

## I. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2024:

### 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hiện có 05 thành viên, trong năm 2024 đã tổ chức 07 cuộc họp. Các thành viên tham dự cụ thể như sau:

| Thời gian | Chức vụ | Số buổi tham dự | Tỷ lệ (%) | Lý do không tham dự |
|---|---|---|---|---|
| 1/ Ông Nguyễn Ngọc Triệu | Chủ tịch | 2 | 28,6% | *Miễn nhiệm 28/6/2024* |
| 2/ Ông Nguyễn Tấn Vũ | Chủ tịch | 7 | 100% | |
| 3/ Ông Lê Văn Vũ | Thành viên | 5 | 71,4% | *Bổ nhiệm 28/6/2024* |
| 4/ Bà Huỳnh Thanh Hải | Thành viên | 5 | 71,4% | *Bổ nhiệm 28/6/2024* |
| 5/ Ông Đào Mạnh Hùng | Thành viên | 7 | 100% | |
| 6/ Ông Nguyễn Thanh Phong | Thành viên | 7 | 100% | |

### 2. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ:

| TT | Số Nghị quyết, Quyết định | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 01 | 16/NQ-HĐQT | 17/4/2024 | Nghị quyết về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 |
| 02 | 17/NQ-HĐQT | 07/5/2024 | Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 |
| 03 | 18/NQ-HĐQT | 04/6/2024 | Nghị quyết về việc công bố thông tin tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 |
| 04 | 19/NQ-HĐQT | 28/6/2024 | Nghị quyết về việc miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Thư ký Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2020 - 2025 |
| 05 | 20/NQ-HĐQT | 28/6/2024 | Nghị quyết về việc bầu Chủ tịch HĐQT, nhiệm kỳ 2020 -2025 |
| 06 | 21/NQ-ĐHĐCĐ | 28/6/2024 | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 |
| 07 | 22/NQ-HĐQT | 07/11/2024 | Nghị quyết về việc chấp thuận ký hợp đồng giao dịch với người có lợi ích liên quan gói thầu: Mua sắm xe ép rác 14m$^3$ chuyên dùng phục vụ công ích đô thị |
| 08 | 23/NQ-HĐQT | 31/12/2024 | Nghị quyết về việc chấp thuận chủ trương thông qua các hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan |

| TT | Số Nghị quyết, Quyết định | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 09 | 33/QĐ-HĐQT | 31/01/2024 | Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế tiền lương và thu nhập của Người lao động Công ty. |
| 10 | 34/QĐ-HĐQT | 31/01/2024 | Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế tiền lương và thu nhập của Người quản lý Công ty. |
| 11 | 35/QĐ-HĐQT | 05/3/2024 | Quyết định về việc phê duyệt quỹ tiền lương năm 2023 |
| 12 | 36/QĐ-HĐQT | 18/6/2024 | Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 |
| 13 | 37/QĐ-HĐQT | 28/6/2024 | Quyết định về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc, nhiệm kỳ 2020 - 2025 |
| 14 | 38/QĐ-HĐQT | 22/7/2024 | Quyết định phê duyệt kết quả xếp loại doanh nghiệp năm 2023 |
| 15 | 39/QĐ-HĐQT | 22/7/2024 | Quyết định về việc phân phối lợi nhuận năm 2023 |
| 16 | 40/QĐ-HĐQT | 22/7/2024 | Quyết định về việc giao nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 Công ty mẹ |
| 17 | 41/QĐ-HĐQT | 22/7/2024 | Quyết định về việc giao nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 Công ty con |
| 18 | 42/QĐ-HĐQT | 24/7/2024 | Quyết định về việc sửa đổi và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre |
| 19 | 43/QĐ-HĐQT | 25/7/2024 | Quyết định về việc sắp xếp, củng cố bộ máy tổ chức và hoạt động Công ty |
| 20 | 44/QĐ-HĐQT | 25/7/2024 | Quyết định về việc hợp nhất Phòng Kỹ thuật và Phòng Kế hoạch - Kinh doanh thành Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật trực thuộc Công ty |
| 21 | 45/QĐ-HĐQT | 25/7/2024 | Quyết định về việc hợp nhất Đội Duy tu cầu đường và Xí nghiệp liên hợp thành Đội Duy tu - Sửa chữa trực thuộc Công ty |
| 22 | 46/QĐ-HĐQT | 25/7/2024 | Quyết định về việc miễn nhiệm, bổ nhiệm Người phụ trách quản trị |
| 23 | 47/QĐ-HĐQT | 25/7/2024 | Quyết định về việc ban hành quy chế kiểm toán nội bộ Công ty |
| 24 | 48/QĐ-HĐQT | 20/8/2024 | Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế tiền lương và thu nhập của Người lao động Công ty |
| 25 | 49/QĐ-HĐQT | 24/9/2024 | Quyết định về việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc nhiệm kì 2020-2025 |

**3. Về hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành:**

- Ban Điều hành và Tổng Giám đốc Công ty luôn chủ động nắm bắt tình hình, nhận biết rõ những khó khăn, thách thức trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt; kịp thời đề ra các giải pháp phù hợp vừa tiết giảm chi phí, vừa tăng cường liên hệ tìm

kiếm thêm nhiều công trình, dự án nhằm duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ công ổn định, liên tục, đảm bảo việc làm và thu nhập cho NLĐ, hoàn thành nhiệm vụ được giao trong năm. Với sự năng động, quyết liệt của Ban Điều hành và nỗ lực của toàn thể CNVC-LĐ nên các chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản suất kinh doanh của Công ty đạt, vượt rất cao so với kế hoạch. HĐQT đã thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành; Tổng Giám đốc thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản lý, điều hành. HĐQT đã cùng với Ban Điều hành thảo luận để thống nhất thực hiện các quyết định quản lý kịp thời, hiệu quả. Hoạt động của Ban Điều hành và Tổng giám đốc luôn tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty cùng với các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

- Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực, phấn đấu, tinh thần làm việc tích cực, hiệu quả trong quá trình quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ kinh doanh năm 2024 do ĐHĐCĐ đề ra. Trong điều kiện hết sức khó khăn (cạnh tranh, cơ chế, chính sách pháp luật có nhiều thay đổi, không trúng thầu cung ứng dịch vụ chăm sóc CV-CX cho Tp Bến Tre phải thực hiện phương án cắt giảm 75 lao động…) nhưng kết quả cả năm vẫn đảm bảo, đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu do Chủ sở hữu vốn Nhà nước và Đại hội đồng cổ đông giao đó là sự cố gắng rất lớn của Ban điều hành và tập thể CNVC-LĐ toàn Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều được Ban điều hành triển khai kịp thời, thận trọng và chắc chắn. Kết quả đạt được trên tất cả các hoạt động cung ứng dịch vụ truyền thống và ngành nghề sản xuất kinh doanh khác đều được củng cố và duy trì tốt; tạo được niềm tin, sự hài lòng từ các Chủ đầu tư, các đối tác khách hàng và cổ đông. Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, quan tâm lãnh đạo đoàn kết nội bộ, cùng nhau ra sức thi đua thực hiện hoàn thành đạt và vượt mức các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu được giao.

- Gần đây, tình hình đấu thầu cung ứng DVCI tại Tp Bến Tre và các địa bàn lân cận diễn ra với mức độ cạnh tranh về giá càng gay gắt, quyết liệt nhưng chất lượng dịch vụ chưa đảm bảo, tới đây Ban điều hành cần phải quyết tâm cao độ để củng cố mọi mặt, phải tích cực nắm bắt thông tin thị trường để tham gia chào giá, dự thầu các công trình, dự án cung ứng dịch vụ đô thị trên phạm vi cả trong và ngoài tỉnh, chủ động cải tiến kỹ thuật - công nghệ, sắp xếp lao động hợp lý theo hướng tinh giảm, cải tiến lề lối làm việc, tiết kiệm chi phí không lương, nâng cao năng suất lao động, giảm giá thành hợp lý …. nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh mới có cơ hội đấu và thắng thầu trong thời gian tới.

- Việc công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP bao gồm các nội dung: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo quản trị doanh nghiệp, báo cáo giao dịch cổ đông có liên quan và những báo cáo khác.

**4. Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2024:**

*Đơn vị: triệu đồng*

| TT | Chỉ tiêu chủ yếu | Kế hoạch | Thực hiện | % |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng doanh thu | 78.000,00 | 107.860,93 | 138,28% |
| *1.1* | *Hoạt động công ích* | *60.000,00* | *81.025,25* | *135,04%* |

| TT | Chỉ tiêu chủ yếu | Kế hoạch | Thực hiện | % |
|---|---|---|---|---|
| *1.2* | *Hoạt động kinh doanh khác* | *18.000,00* | *26.835,68* | *149,09%* |
| 2 | Lợi nhuận thực hiện | 7.800,00 | 13.440,09 | 172,31% |
| 3 | Tổng số nộp ngân sách NN | 1.020,00 | 1.674,24 | 164,14% |
| 4 | Tỷ lệ lợi nhuận còn lại chia cổ tức/VĐL (%) | 9,43 | 10,82 | 114,74% |

**5. Chi phí hoạt động, thù lao của Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty:** Được trình bày chi tiết trong Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán**.**

**6. Báo cáo về các giao dịch giữa:** *Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:*

Trong năm 2024, có phát sinh giao dịch giữa Công ty mẹ với Công ty CP ôtô chuyên dùng Hiệp Hòa với tổng doanh thu cung cấp dịch vụ có giá trị là 2.295 triệu đồng. Giám đốc Công ty này đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị Công ty; giao dịch giữa Công ty con với Công ty CP Công trình đô thị Trà Vinh với tổng doanh thu cung cấp dịch vụ có giá trị là 450 triệu đồng, Công ty có liên quan của Ông Đào Mạnh Hùng (có ông Đào Mạnh Hùng - thành viên HĐQT, đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty)

Trong năm 2024, không có phát sinh giao dịch giữa Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan.

Các giao dịch giữa công ty với công ty con được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và được báo cáo cơ quan quản lý cũng như thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định.

## II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2020-2025

### 1. Nhân sự HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 gồm các thành viên:

| *Họ và tên* | *Chức vụ* | *Ngày bổ nhiệm/bổ nhiệm lại* | *Ngày miễn nhiệm* |
|---|---|---|---|
| Ông Nguyễn Ngọc Triệu | Chủ tịch | 11/08/2020 | 28/06/2024 |
| Ông Nguyễn Tấn Vũ | Thành viên | 11/08/2020 | 28/06/2024 |
| Ông Nguyễn Tấn Vũ | Chủ tịch | 28/06/2024 | |
| Ông Nguyễn Thanh Phong | Thành viên | 11/08/2020 | |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Thành viên | 11/08/2020 | 29/06/2023 |
| Ông Lê Văn Vũ | Thành viên | 28/06/2024 | |
| Bà Huỳnh Thanh Hải | Thành viên | 28/06/2024 | |
| Ông Đào Mạnh Hùng | Thành viên | 11/08/2020 | |

**2. Hoạt động của HĐQT và Chủ tịch HĐQT:**

- Chủ tịch HĐQT đã thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT; gồm việc tổ chức các cuộc họp, thay mặt HĐQT ban hành nghị quyết/quyết định của HĐQT, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, xây dựng và ban hành các quy chế hoạt động của các bộ phận trực thuộc và các quy chế quản lý nội bộ Công ty.

- Trong giai đoạn 2020 - 2025, HĐQT đã cố gắng từng bước hoàn thiện năng lực quản trị Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty; xây dựng và triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đạt và vượt kế hoạch được giao theo Nghị quyết của ĐHCĐ hàng năm; với mức tăng trưởng chung về doanh thu, lợi nhuận thực hiện, tỉ lệ chi cổ tức bình quân ≥ 10%/năm; cụ thể:

+ Đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, số lượng thành viên dự họp đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và trách nhiệm; xác định rõ vai trò của thành viên HĐQT không điều hành và thành viên HĐQT điều hành nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông theo đúng quy định pháp luật.

+ HĐQT thực hiện đầy đủ và thường xuyên việc giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành Công ty, đặc biệt trong vấn đề triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. HĐQT có định hướng chỉ đạo đối với hoạt động của Ban lãnh đạo nói chung, kịp thời phát hiện chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót nhằm bảo đảm sự thống nhất, hiệu quả trong quá trình quản lý, điều hành doanh nghiệp.

+ Xây dựng bộ máy, ổn định tổ chức và hoạt động của Công ty theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; tập trung cho công tác cải cách hành chính; ban hành mới, bổ sung các nội quy, quy chế, quy trình xử lý công việc trong nội bộ cho phù hợp, nhằm phục vụ tốt nhu cầu SXKD và giải quyết kịp thời những ý kiến chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền; phối hợp giải quyết tốt các nội dung công tác có liên quan theo đúng quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT tại công ty cổ phần.

Nhìn chung, giai đoạn 2020 - 2025 tuy tình hình rất khó khăn nhưng với sự nỗ lực, đoàn kết, phấn đấu của HĐQT, Ban Điều hành và tập thể CNLĐ toàn Công ty nên kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đều đạt và vượt so với kế hoạch được giao trong cả nhiệm kỳ; số liệu tăng bình quân như sau: tổng doanh thu 120,35% KH, lợi nhuận thực hiện 129,69% KH, thu nhập bình quân 105,73% KH, mức chi cổ tức b/q = 12,8%/năm. - Kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu:

| Chỉ tiêu chủ yếu | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Năm 2024 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **1.** Vốn chủ sở hữu | Tr/đ | 52.704,17 | 53.432,39 | 54.621,38 | 57.862,19 | 63.875,08 |
| **2.** Tổng doanh thu | | | | | | |
| - Kế hoạch | Tr/đ | 77.350,00 | 75.650,00 | 80.000,00 | 77.000,00 | 78.000,00 |
| - Thực hiện | Tr/đ | 85.095,93 | 89.623,14 | 79.674,48 | 104.685,41 | 107.860,93 |
| **3**. LN sau thuế | | | | | | |
| - Kế hoạch | Tr/đ | 6.624,80 | 6.308,08 | 6.162,50 | 5.655,00 | 6.780,00 |
| - Thực hiện | Tr/đ | 8.325,91 | 6.610,83 | 6.984,59 | 8.539,51 | 11.765,84 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **4**.Chi cổ tức/mệnh giá | | | | | | |
| - Kế hoạch | % | 11,82 | 11,28 | 10,13 | 9,24 | 9,43 |
| - Thực hiện | % | 14,95 | 11,75 | 11,42 | 11,89 | 10,82 |
| **5.** LN sau thuế còn lại | % | 6,24 | 5,99 | 7,41 | 9,30 | 0,12 |

## III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025:

### 1. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | KH 2025 | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **- Tổng doanh thu** | *triệu đồng* | 110.000,00 | |
| 1.1 | . Hoạt động công ích | *nt* | 75.000,00 | |
| 1.2 | . Hoạt động kinh doanh khác | *nt* | 35.000,00 | |
| **2** | **- Lợi nhuận thực hiện** | *nt* | 13.700,00 | |
| **3** | **- Tổng số nộp ngân sách** | *nt* | 1.918,00 | |
| **4** | **-Tỷ lệ lợi nhuận chia cổ tức/VĐL** | % | 12,00 | |

### 2. Kế hoạch công tác:

*** Trong thời gian tới, đề nghị Ban điều hành tập trung thực hiện các nội dung:**

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Nội quy lao động, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế trả lương … cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại Công ty;

- Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh hệ thống quản trị đồng thời nhắc nhở thực hiện nghiêm các quy định quản lý nội bộ, nhất là Quy chế Tổ chức hoạt động sao cho công tác phối hợp giữa Mẹ - Con; Phòng - Đội hiệu quả hơn nữa;

- Quyết liệt chấn chỉnh lề lối, thái độ làm việc, tập trung vào công việc chuyên môn; trong quan hệ phối hợp phải hướng tới mục tiêu hiệu quả công việc mang lại, hỗ trợ cùng nhau để hoàn thành tốt nhiệm vụ chung;

- Tiếp tục liên hệ và phối hợp cùng Sở Tài chính quyết toán, thu hồi chi phí phục vụ 02 đợt chào bán cổ phần, thoái vốn Nhà nước (lần 2 tại DN) theo Quyết định số 1232/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời dự phòng nguồn vốn cần thiết, đảm bảo thủ tục pháp lý chặt chẽ … phù hợp tình hình sắp xếp lại đơn vị hành chính, thay đổi chủ đầu tư.

- Tập trung thực hiện các biện pháp xử lý, xác nhận và đôn đốc thu hồi công nợ phải thu - khó đòi.

- Về kế hoạch năm 2025 và những năm tiếp theo, dự báo sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn; do vậy đề nghị tập thể Ban điều hành cần phải tập trung mọi nguồn lực, tận dụng năng lực kinh nghiệm, lợi thế kinh doanh, quan hệ đối tác truyền thống, mở rộng thị phần, tham gia dự thầu nhiều công trình, dự án tạo doanh thu + hiệu quả cho Công ty và việc làm cho NLĐ, đây là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại và phát triển của Công ty.

*** HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo và giám sát thực hiện các nội dung:**

- Củng cố và đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh truyền thống của Công ty thông qua việc đa dạng hóa sản phẩm chuyên ngành, nâng cao chất lượng dịch vụ

cho khách hàng cũng như tận dụng mọi cơ hội mới về phát triển đô thị của Tỉnh để mở rộng địa bàn hoạt động đến các huyện.

- Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, kiểm soát rủi ro trong công tác tài chính, kế toán và kiểm soát nội bộ; tăng cường công tác quản lý công nợ, hạn chế phát sinh nợ xấu, tích cực thu hồi và tập trung xử lý các khoản nợ khó đòi, nợ dây dưa kéo dài. Tiếp tục chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ của Công ty nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý, kiên quyết xử lý những trường hợp cố ý để xảy ra vi phạm nội quy, quy định của Công ty.

- Xác định chiến lược phát triển Công ty theo hướng bền vững, gắn liền lợi ích Công ty với người lao động, với cổ đông và cộng đồng; chú trọng việc đầu tư mua sắm xe máy chuyên dùng, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất và thu nhập của NLĐ; thực hiện tốt các giải pháp bảo vệ môi trường và an toàn lao động.

- Tích cực hỗ trợ hoạt động của Ban điều hành Công ty nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục đổi mới phương thức quản lý, từng bước hoàn thiện Quy chế chi trả lương phù hợp, khuyến khích các giải pháp tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công ích, bảo đảm hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2025. Định hướng phát triển theo hướng tập trung chủ yếu cho hoạt động cung ứng dịch vụ công ích truyền thống; theo dõi nắm bắt thông tin để tham gia đấu thầu cung ứng dịch vụ công ích đô thị các địa bàn lân cận, khu, cụm công nghiệp …; mở rộng hoạt động kinh doanh chuyên về xây dựng phát triển hạ tầng đô thị và các dịch vụ mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài của DN.

## IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2025-2030

### 1. Tình hình:

Theo quy định của Luật đấu thầu, từ năm 2024 mở rộng các thành phần kinh tế tham gia. Do vậy, dự báo tình hình chung Công ty sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn, cần phải có sự chuyển biến đột phá bằng cách tập trung nâng cao năng lực về mọi mặt, nhất là năng lực cạnh tranh để tiếp tục tồn tại, ổn định và phát triển.

### 2. Mục tiêu chung cho nhiệm kỳ 2025-2030:

Trong 05 năm tới, dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh, cung ứng dịch vụ công của doanh nghiệp sẽ có nhiều thời cơ, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen, đồng thời việc sắp xếp lại đơn vị hành chính theo chủ trương chung sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của doanh nghiệp nên Công ty sẽ nỗ lực, phấn đấu nhiều hơn để thực hiện có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt nhiệm vụ cung ứng dịch vụ công ích đô thị, đảm bảo mức chi cổ tức năm 2025 là 12% và giai đoạn 2026-2030 mức chi cổ tức hàng năm từ 5 - 10%, bảo toàn và phát triển vốn, bảo đảm tiền lương và thu nhập của người lao động luôn tăng ở mức hợp lý, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm đối với cổ đông, người lao động và nhà nước theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### 3. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm nhiệm kỳ 2025-2030:

Quyết liệt đổi mới mô hình quản trị, củng cố nhân sự Ban Điều hành và các cấp quản lý khác trong Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; hoàn thiện Quy chế quản trị và các Quy định khác về quản lý nội bộ đảm bảo công bằng hợp lý và hiệu quả; tập trung đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, tăng NSLĐ, tiết kiệm chi phí quản lý

chung, nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh; tích cực liên hệ tìm kiếm thị trường, mở rộng địa bàn hoạt động, trong đó trọng tâm là cung ứng dịch vụ công ích trong tỉnh, đảm bảo cho sự ổn định và phát triển Công ty.

Trên đây là báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động 2024, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 và phương hướng kế hoạch năm 2025, định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030, xin báo cáo và đề nghị Quí vị cổ đông xem xét thông qua. Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến Chủ sở hữu vốn Nhà nước, các Sở, ngành, quý cổ đông, quý khách hàng, các Chủ đầu tư cùng tập thể CNVC-LĐ trong doanh nghiệp đã quan tâm, tin tưởng, gắn bó, đồng hành cùng Công ty trong những năm vừa qua. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự năng động, tích cực, quyết liệt của HĐQT, BKS, Ban điều hành trong quản trị, quản lý điều hành, cùng với sự nỗ lực, phấn đấu, đoàn kết của tập thể CNVC-LĐ, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thành đạt, vượt các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra cho năm 2025 và nhiệm kỳ 2025-2030. Kính chúc quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

M.S.D.N: 1300113091 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE TP BẾN TRE - T. BẾN TRE

**NGUYỄN TẤN VŨ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358; Website: www.congtrinhdothibentre.vn-bentrepco.vn

Số: 03 /BC-BKS *Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

# BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

***Kính thưa**: Quý vị Cổ đông Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre*

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng Cổ đông giao, đồng thời thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp,

Thay mặt Ban kiểm soát, kính trình báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre các nội dung sau:

## I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

### 1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024; Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế nội bộ đối với HĐQT, BTGĐ trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- Kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con.

- Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực Kế toán Việt nam.

- Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội Đồng Quản Trị trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.

- Ban kiểm soát đã phối hợp với BTGĐ tiến hành xây dựng tiền lương kế hoạch năm 2024, thẩm định tiền lương thực hiện năm 2023 của người lao động và tiền lương của viên chức quản lý.

- Ban kiểm soát kết hợp các Phòng ban và Đội duy tu sửa chữa thẩm định, kiểm tra, giám sát quá trình sửa chữa thường xuyên phương tiện vận tải.

- Kiểm soát hoạt động: Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu của công ty, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Công ty nhằm phát hiện các rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót từ đó đề xuất, kiến nghị các giải pháp phù hợp cho ban lãnh đạo.

- Kiểm soát báo cáo tài chính: kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, phân tích ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính. Giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực hiện những ý kiến do Ban kiểm soát đưa ra.

Đồng thời Ban kiểm soát đã chú trọng đến những hoạt động kiểm tra, giám sát

trên một số lĩnh vực sau:

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024 đã được Đại hội cổ đông thông qua.

- Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát CNVC-LĐ trong việc chấp hành Nội quy lao động công ty, bảo hộ lao động do công ty trang cấp.

Với tinh thần trách nhiệm, trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát luôn khẳng định năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kiểm tra một cách độc lập, khách quan và báo cáo theo ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính, cũng như tính tuân thủ pháp luật của các hoạt động sản suất kinh doanh chung. Thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc khi phát hiện ra sai sót cũng như các hoạt động có tiềm ẩn rủi ro cho Công ty.

Nhìn chung, trong năm 2024, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các Phòng ban nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trong năm, Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

**2 . Các cuộc họp của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát tổ chức họp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật, trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức 4 cuộc họp nội bộ Ban kiểm soát. Tại các cuộc họp định kỳ, bất thường của Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát được mời tham dự nhằm theo dõi diễn biến cuộc họp, nắm bắt tình hình định hướng hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo cho công tác giám sát theo sát tình hình thực tế đang diễn ra tại Công ty.

**3. Thù lao và chi phí hoạt động của ban kiểm soát năm 2024:** Trưởng Ban kiểm soát hưởng lương theo viên chức quản lý và các thành viên hưởng thù lao như sau:

| Ban Kiểm Soát | Chức Vụ | Thù Lao |
|---|---|---|
| Võ Minh Hùng | Thành viên Ban kiểm soát | 57.000.000 |
| Nguyễn Hữu Thuần | Thành viên Ban kiểm soát | 57.000.000 |

**4. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024:**

Ban kiểm soát đã thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre năm tài chính 2024 và thống nhất với Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre đã được thực hiện kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C. Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

**Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2024**:

*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu | 31/12/2023 | 31/12/2024 |
|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **88.483.182.255** | **113.013.645.054** |
| Tài sản ngắn hạn | 78.487.560.187 | 100.569.869.983 |
| Tài sản dài hạn | 9.995.622.068 | 12.443.775.071 |
| **Tổng nguồn vốn** | **88.483.182.255** | **113.013.645.054** |
| Nợ ngắn hạn | 30.620.987.430 | 49.138.562.445 |
| Nợ dài hạn | 0 | 0 |
| Vốn chủ sở hữu | 57.862.194.825 | 63.875.082.609 |
| Vốn khác | **0** | 0 |

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty năm 2024**

*(So sánh với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023)*

*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | % 2024/2023 |
|---|---|---|---|
| Tổng doanh thu | 104.685.424.237 | 107.860.928.800 | 103,03 |
| Lợi nhuận trước thuế | 9.782.662.142 | 13.440.085.022 | 137,39 |
| Lợi nhuận sau thuế | 8.539.515.231 | 11.765.840.251 | 137,78 |

*(So sánh các chỉ tiêu kế hoạch và thực hiện năm 2024)*

*Đơn vị tính: đồng*

| Chỉ tiêu | KH 2024 | TH 2024 | % TH/KH |
|---|---|---|---|
| Tổng doanh thu | 78.000.000.000 | 107.860.928.800 | 138,28 |
| Lợi nhuận trước thuế | 7.800.000.000 | 13.440.085.022 | 172,31 |
| Lợi nhuận sau thuế | 6.780.000.000 | 11.765.840.251 | 173,54 |
| Cổ tức ( %) | 7 | 20 | 285,71 |

## 5. Đánh giá một số chỉ tiêu tài chính của Công ty:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|---|---|---|
| 1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 2,05 | 2,56 |
| + Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 1,92 | 2,21 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số nợ/ Tổng tài sản | % | 43,48% | 34,61% |
| + Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu | % | 76,93% | 52,92% |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 8,92 | 8,23 |
| +Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 1,06 | 1,26 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 11,02% | 8,28% |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu | % | 18,42% | 14,76% |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản | % | 10,41% | 9,65% |
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần | % | 12,59% | 9,14% |

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Năm 2024, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty có sự giảm nhẹ so với năm 2023. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2024 đạt 2,05 (năm 2023 là 2,56), và hệ số thanh toán nhanh năm 2024 là 1,92 (năm 2023 là 2,21). Sự thay đổi này chủ yếu do nợ ngắn hạn tăng, mà hai yếu tố chính là khoản phải trả người lao động và khoản khoán thu dịch vụ vệ sinh đô thị phải nộp ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty vẫn duy trì ở mức trên 1, thể hiện khả năng thanh toán tốt đối với các nghĩa vụ nợ ngắn hạn. Điều này đảm bảo rằng Công ty có đủ nguồn lực để hỗ trợ hoạt động kinh doanh và đầu tư cho tương lai. Công ty đã và đang áp dụng các biện pháp quản lý tài chính nhằm tối ưu hóa tình hình thanh khoản.

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Năm 2024, cơ cấu vốn của Công ty có sự điều chỉnh so với năm 2023. Theo đó, hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 34,61% lên 43,48%, và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 52,92% lên 76,93%. Nguyên nhân chính của sự gia tăng này là do nợ phải trả của Công ty tăng mạnh 60,47%, từ 30,62 tỷ đồng (năm 2023) lên 49,14 tỷ

đồng (năm 2024), trong đó toàn bộ là nợ ngắn hạn. Để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn, Công ty đang chủ động khai thác đòn bẩy tài chính một cách có chọn lọc. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo cũng nhận thức rõ tầm quan trọng của việc duy trì sự cân bằng giữa rủi ro tài chính và lợi ích kinh tế, do đó sẽ tiếp tục theo dõi sát sao cơ cấu vốn.

- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

Trong năm 2024, năng lực hoạt động của Công ty ghi nhận những dấu hiệu tích cực. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho tiếp tục được cải thiện, tăng từ 8,23 vòng năm 2023 lên 8,92 vòng năm 2024, cho thấy hàng tồn kho của Công ty đang được quản lý hiệu quả hơn. Tuy nhiên, vòng quay tổng tài sản lại giảm từ 1,26 vòng năm 2023 xuống còn 1,06 vòng năm 2024. Nguyên nhân của sự giảm sút này là do tổng tài sản của Công ty tăng lên đáng kể, chủ yếu từ các khoản phải thu ngắn hạn phát sinh từ các dự án … đã hoàn thành trong năm..

- Chỉ tiêu sinh lời:

Năm 2024 đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ trong khả năng sinh lời của Công ty. Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần đạt 11,02% (tăng từ 8,28% năm 2023), hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tăng lên 18,42% (từ 14,76% năm 2023), hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản đạt 10,41% (từ 9,65% năm 2023), và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần đạt 12,59% (từ 9,14% năm 2023). Những con số này cho thấy, Công ty đã đạt được những bước tiến đáng kể trong năm 2024. Thứ nhất, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty được cải thiện rõ rệt. Thứ hai, khả năng sinh lời từ vốn đầu tư của cổ đông được nâng cao. Thứ ba, tài sản được sử dụng hiệu quả hơn trong việc tạo ra lợi nhuận. Và cuối cùng, hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ. Đây là minh chứng cho sự tăng trưởng vượt bậc trong hiệu quả kinh doanh của công ty trong năm 2024.

**6. Đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con với Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan.**

BKS thường xuyên theo dõi, giám sát và cập nhật kịp thời danh sách cổ đông lớn, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, người điều hành và Kế toán trưởng và người có liên quan theo quy định.

Trong năm 2024, có phát sinh giao dịch giữa Công ty mẹ với Công ty CP ôtô chuyên dùng Hiệp Hòa với tổng giá trị mua tài sản cố định là 2.295 triệu đồng. Giám đốc  Công ty này đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị Công ty; giao dịch giữa Công ty con với Công ty CP Công trình đô thị Trà Vinh với tổng giá trị cung cấp dịch vụ là 450 triệu đồng, Công ty có liên quan của Ông Đào Mạnh Hùng (có ông Đào Mạnh Hùng – thành viên HĐQT, đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty).

Trong năm 2024, không có phát sinh giao dịch giữa Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan.

Các giao dịch giữa công ty với công ty con được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và được báo cáo cơ quan quản lý cũng như thực hiện công bố thông tin đầy đủ theo quy định.

## II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HĐQT & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2024

Ban Kiểm soát nhất trí với các nội dung trong Báo cáo đánh giá công tác quản lý,

điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty trong năm 2024.

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao theo đúng qui định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

2. Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo kịp thời và sát sao theo mục tiêu chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, công tác quản lý và điều hành sản xuất về cơ bản đều dựa vào Điều lệ của Công ty, Luật doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị đã xây dựng chương trình công tác hàng tháng, quý và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Hội đồng quản trị đã tổ chức họp thường kỳ hàng quý, để kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Hội đồng quản trị đã ban hành các quy chế, quy định và quyết định về công tác quản lý nội bộ đúng với quy định và Điều lệ Công ty. Chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc điều hành trong việc thực hiện và áp dụng các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành. Sửa đổi và bổ sung kịp thời một số văn bản quản lý cho phù hợp với pháp luật hiện hành.

5. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã có sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT, các Nghị quyết đều có tính thực thi cao, tuân thủ theo đúng qui định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và được Ban Tổng giám đốc Công ty tổ chức triển khai một cách nghiêm túc.

6. Song song với nhiệm vụ phát triển Công ty, Ban Tổng giám đốc cũng chú trọng đến việc tăng cường công tác giám sát hoạt động, cùng với việc thành lập Ban, tổ chuyên ngành nhằm nâng cao công tác giám sát hoạt động.

7. Kết quả thẩm định báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty năm 2024:

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đều hoàn thành và vượt với kế hoạch đề ra.

Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty cần chú trọng xây dựng và lập kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư cho những năm tiếp theo để bảo đảm đem lại hiệu quả SXKD cao, tạo việc làm cho CBCNV để Công ty phát triển ổn định, vững chắc.

## III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2024:

Năm 2024, Ban kiểm soát được tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp giao ban của Ban Tổng giám đốc, đồng thời khi có yêu cầu cung cấp cũng nhận được các hồ sơ, tài liệu văn bản chỉ đạo và điều hành của HĐQT và Ban Tổng giám đốc liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhằm để phối hợp, để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, từ đó tham gia ý kiến về các chủ trương chính sách của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, góp phần thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra

## IV. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

Công ty cổ phần Đô thị Bến Tre trong năm qua đã hoàn thành và vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua: hoạt động công ích và ngoài công ích. Trong hoạt động công ích hoàn thành tốt phần việc theo hợp đồng với Chủ đầu tư thành phố Bến Tre, đối với hoạt động ngoài công ích đã có bước phát triển mới trong

công tác điều hành hoạt động cũng như giá trị hoạt động mang lại.

Hội đồng quản trị thông qua đại hội cổ đông cần có các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, mở rộng diện phục vụ các dịch vụ kinh doanh, tận dụng tiềm năng sẵn có về hạ tầng của Công ty để đầu tư, mở rộng địa bàn hoạt động.

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đề ra, Ban Kiểm soát có kiến nghị như sau:

- Tiếp tục cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý và nhân sự cho phù hợp hơn nữa đối với sự phát triển trong tương lai của Công ty.

- Có kế hoạch cụ thể hơn trong công tác triển khai sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, gia tăng các dự án thi công. Đồng thời khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy truyền thống đề xuất sáng kiến mới trong kinh doanh.

- Rà soát các quy chế, định mức kinh tế kỹ thuật kịp thời bổ sung, chỉnh sửa phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của đơn vị mình. Trong đó chú trọng: nâng cao năng suất lao động, công tác kiểm soát vật tư các công trình, giải pháp thu hồi công nợ để đảm bảo luân chuyển dòng tiền hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

## V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025:

Tham dự các cuộc họp giao ban của công ty, các cuộc họp của HĐQT;

Giám sát các hoạt động của Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, thực hiện điều lệ Công ty;

Kiểm tra việc thực hiện chấp hành các quy định, quy chế đã ban hành; Phối hợp với các đoàn kiểm tra, kiểm toán khi có yêu cầu;

Kiểm tra Báo cáo tài chính quý, năm 2025; tình hình sử dụng vốn và bảo toàn vốn của Công ty;

Trên đây là báo cáo năm 2024 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025.

Trân trọng kính chào.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**
**TRƯỞNG BAN**

**TRỊNH VĂN ĐẤU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358; Website: www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

Số: 26/TTr-HĐQT

*Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

# TỜ TRÌNH
## Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024
## (Đã Kiểm toán)

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*

*- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre: điểm a khoản 1 Điều 15 quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty;*

*- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị - lần 2 năm 2025, ngày 02/06/2025,*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C Chi nhánh Cần Thơ như sau:

- Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 *(bản tóm tắt)* được đính kèm Tài liệu đại hội.

- Toàn văn Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 được đăng tải tại website công ty: www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

**NGUYỄN TẤN VŨ**

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
## Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **A - TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **87.188.817.352** | **66.157.905.749** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **V.1** | **25.406.251.865** | **27.383.022.580** |
| 1. Tiền | 111 | | 8.406.251.865 | 4.383.022.580 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 17.000.000.000 | 23.000.000.000 |
| **II. Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | | **6.000.000.000** | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 6.000.000.000 | - |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **51.050.034.093** | **31.068.962.796** |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 56.286.303.963 | 32.578.931.898 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 1.599.109.677 | 2.779.222.677 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 2.661.885.785 | 2.896.273.337 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (9.497.265.332) | (7.185.465.116) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| **IV. Hàng tồn kho** | **140** | | **4.250.851.640** | **7.499.772.290** |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 4.250.851.640 | 7.499.772.290 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| **V. Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **481.679.754** | **206.148.083** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 361.689.549 | 60.127.762 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | 119.990.205 | 146.020.321 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **B- TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **17.268.663.490** | **14.637.013.231** |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| **II. Tài sản cố định** | **220** | | **11.565.970.393** | **7.871.376.359** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 11.565.970.393 | 7.871.376.359 |
| - *Nguyên giá* | *222* | | *35.276.014.586* | *29.024.940.712* |
| - *Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* | | *(23.710.044.193)* | *(21.153.564.353)* |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - *Nguyên giá* | *225* | | - | - |
| - *Giá trị hao mòn lũy kế* | *226* | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - *Nguyên giá* | *228* | | - | - |
| - *Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* | | - | - |
| **III. Bất động sản đầu tư** | **230** | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| **IV. Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | | - | **34.726.800** |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | - | 34.726.800 |
| **V. Đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | | **5.000.000.000** | **5.000.000.000** |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.2b | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| **VI. Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **702.693.097** | **1.730.910.072** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 702.693.097 | 1.730.910.072 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** | | **104.457.480.842** | **80.794.918.980** |

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **C - NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **43.235.889.158** | **25.113.222.106** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | | **43.235.889.158** | **25.113.222.106** |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 1.709.997.388 | 1.619.223.297 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 1.055.388.046 | 904.816.299 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 1.506.484.930 | 882.670.572 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.14 | 11.079.869.330 | 4.189.689.086 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 759.105.373 | 843.068.560 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 20.745.632.080 | 9.966.007.061 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17 | - | 64.545.455 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.18 | 4.510.229.906 | 5.882.196.673 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 1.869.182.105 | 761.005.103 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| **II. Nợ dài hạn** | **330** | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **D - VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **61.221.591.684** | **55.681.696.874** |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** | | **61.221.591.684** | **55.681.696.874** |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.20a | 36.000.000.000 | 36.000.000.000 |
| *- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *36.000.000.000* | *36.000.000.000* |
| *- Cổ phiếu ưu đãi* | *411b* | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.20a | 15.790.659.570 | 11.879.948.946 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.20a | 9.430.932.114 | 7.801.747.928 |
| *- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước* | *421a* | | *3.110.241.574* | *2.668.841.693* |
| *- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này* | *421b* | | *6.320.690.540* | *5.132.906.235* |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| **II. Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** | | **104.457.480.842** | **80.794.918.980** |

Bến Tre, ngày 24 tháng 3 năm 2025

| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Trần Thị Hồng Mai | Trần Thị Vân Nghi | Lê Văn Vũ |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 84.594.104.064 | 85.287.289.608 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 84.594.104.064 | 85.287.289.608 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 58.085.367.808 | 65.089.743.808 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 26.508.736.256 | 20.197.545.800 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.555.265.241 | 2.751.868.272 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.4 | 15.744.651.462 | 15.039.429.358 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 12.319.350.035 | 7.909.984.714 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.5 | 84.256.649 | 128.456.661 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.6 | 32.723.793 | 209.270.941 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 51.532.856 | (80.814.280) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 12.370.882.891 | 7.829.170.434 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | 1.162.519.259 | 451.689.851 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 11.208.363.632 | 7.377.480.583 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7 | | |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.7 | | |

Bến Tre, ngày 24 tháng 3 năm 2025

| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Trần Thị Hồng Mai | Trần Thị Vân Nghi | Lê Văn Vũ |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

**(Theo phương pháp gián tiếp)**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | | |
| ***1. Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** | | ***12.370.882.891*** | ***7.829.170.434*** |
| ***2. Điều chỉnh cho các khoản:*** | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9 | 2.556.479.840 | 2.249.731.391 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6, V.18 | 4.338.799.048 | 7.430.628.764 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (1.526.771.761) | (903.823.483) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| ***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** | | ***17.739.390.018*** | ***16.605.707.106*** |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (23.333.274.389) | (15.793.445.395) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 3.248.920.650 | (1.449.976.993) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 14.687.427.414 | 1.261.600.792 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 726.655.188 | 110.330.232 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.13 | (800.000.000) | (200.000.000) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.19 | 94.353.833 | 59.480.527 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.19 | (1.054.645.653) | (1.005.483.881) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | | ***11.308.827.061*** | ***(411.787.612)*** |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.10 | (6.216.347.074) | (1.325.635.891) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (6.000.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5, VI.3 | 2.593.204.753 | 903.823.483 |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | | ***(9.623.142.321)*** | ***(421.812.408)*** |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.17 | (64.545.455) | (250.000.000) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.16, V.20a | (3.597.910.000) | (3.568.645.000) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | | ***(3.662.455.455)*** | ***(3.818.645.000)*** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | **50** | | **(1.976.770.715)** | **(4.652.245.020)** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **V.1** | **27.383.022.580** | **32.035.267.600** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **70** | **V.1** | **25.406.251.865** | **27.383.022.580** |

Bến Tre, ngày 24 tháng 3 năm 2025

| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Trần Thị Hồng Mai | Trần Thị Vân Nghi | Lê Văn Vũ |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **A - TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **100.569.869.983** | **78.487.560.187** |
| **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **V.1** | **28.788.215.426** | **31.430.457.171** |
| 1. Tiền | 111 | | 11.288.215.426 | 7.430.457.171 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 17.500.000.000 | 24.000.000.000 |
| **II. Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | | **6.000.000.000** | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 6.000.000.000 | - |
| **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **58.935.776.965** | **35.978.569.752** |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 65.198.648.477 | 39.677.307.081 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 1.699.109.677 | 2.869.222.677 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 2.095.982.235 | 1.178.203.202 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (10.057.963.424) | (7.746.163.208) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| **IV. Hàng tồn kho** | **140** | | **6.344.633.502** | **10.838.974.958** |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 6.344.633.502 | 10.838.974.958 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| **V. Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **501.244.090** | **239.558.306** |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 381.253.885 | 115.586.199 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.13 | 119.990.205 | 123.972.107 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất** (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **B- TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **12.443.775.071** | **9.995.622.068** |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| **II. Tài sản cố định** | **220** | | **11.741.081.974** | **8.229.985.196** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 11.741.081.974 | 8.229.985.196 |
| - *Nguyên giá* | *222* | | *37.752.809.444* | *31.501.735.570* |
| - *Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* | | *(26.011.727.470)* | *(23.271.750.374)* |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - *Nguyên giá* | *225* | | - | - |
| - *Giá trị hao mòn lũy kế* | *226* | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - *Nguyên giá* | *228* | | - | - |
| - *Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* | | - | - |
| **III. Bất động sản đầu tư** | **230** | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| **IV. Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | | - | **34.726.800** |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.10 | - | 34.726.800 |
| **V. Đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| **VI. Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **702.693.097** | **1.730.910.072** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 702.693.097 | 1.730.910.072 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** | | **113.013.645.054** | **88.483.182.255** |

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **C - NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **49.138.562.445** | **30.620.987.430** |
| **I. Nợ ngắn hạn** | **310** | | **49.138.562.445** | **30.620.987.430** |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 4.294.333.772 | 3.715.103.849 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 1.055.388.046 | 880.651.029 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 2.108.034.255 | 863.725.822 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.14 | 12.328.341.309 | 5.547.779.499 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.15 | 806.585.294 | 855.854.552 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16 | 20.755.771.383 | 9.966.007.061 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17 | - | 64.545.455 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.18 | 5.272.565.399 | 7.129.393.978 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.19 | 2.517.542.987 | 1.597.926.185 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| **II. Nợ dài hạn** | **330** | | - | - |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **D - VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **63.875.082.609** | **57.862.194.825** |
| **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** | | **63.875.082.609** | **57.862.194.825** |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.20a | 36.000.000.000 | 36.000.000.000 |
| - *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *36.000.000.000* | *36.000.000.000* |
| - *Cổ phiếu ưu đãi* | *411b* | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.20a | 18.444.150.495 | 14.060.446.897 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.20a | 9.430.932.114 | 7.801.747.928 |
| - *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước* | *421a* | | *3.347.796.405* | *2.668.841.693* |
| - *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này* | *421b* | | *6.083.135.709* | *5.132.906.235* |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| **II. Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** | | **113.013.645.054** | **88.483.182.255** |

Bến Tre, ngày 24 tháng 3 năm 2025

| Trần Thị Hồng Mai | Trần Thị Vân Nghi | Lê Văn Vũ |
|---|---|---|
| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Đơn vị tính: VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 106.753.894.280 | 103.096.032.184 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 106.753.894.280 | 103.096.032.184 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 76.660.350.443 | 76.823.256.237 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 30.093.543.837 | 26.272.775.947 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 563.564.598 | 971.691.546 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| 8. | Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. | Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 10. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.4 | 17.737.338.411 | 17.822.906.292 |
| 11. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 12.919.770.024 | 9.421.561.201 |
| 12. | Thu nhập khác | 31 | VI.5 | 543.469.922 | 617.700.507 |
| 13. | Chi phí khác | 32 | VI.6 | 23.154.924 | 256.599.566 |
| 14. | Lợi nhuận khác | 40 | | 520.314.998 | 361.100.941 |
| 15. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 13.440.085.022 | 9.782.662.142 |
| 16. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | 1.674.244.771 | 1.243.146.911 |
| 17. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 11.765.840.251 | 8.539.515.231 |
| 21. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7a,b | 2.670 | 1.900 |
| 22. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.7a,b | 2.670 | 1.900 |

Bến Tre, ngày 24 tháng 3 năm 2025

| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Trần Thị Hồng Mai | Trần Thị Vân Nghi | Lê Văn Vũ |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

**(Theo phương pháp gián tiếp)**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Đơn vị tính: VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|---|
| **I.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | | |
| ***1.*** | ***Lợi nhuận trước thuế*** | ***01*** | | ***13.440.085.022*** | ***9.782.662.142*** |
| ***2.*** | ***Điều chỉnh cho các khoản:*** | | | | |
| - | Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9 | 2.739.977.096 | 2.433.228.647 |
| - | Các khoản dự phòng | 03 | V.6, V.18 | 4.538.201.228 | 7.995.599.573 |
| - | Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - | Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (530.357.082) | (971.691.546) |
| - | Chi phí lãi vay | 06 | | - | - |
| - | Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| ***3.*** | ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*** | ***08*** | | ***20.187.906.264*** | ***19.239.798.816*** |
| - | Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (25.265.025.527) | (17.341.230.097) |
| - | Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 4.494.341.456 | (3.016.879.559) |
| - | Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 14.820.469.210 | 5.598.797.823 |
| - | Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 762.549.289 | 145.256.873 |
| - | Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - | Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.13 | (1.060.701.325) | (900.000.000) |
| - | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | V.19 | 94.353.833 | 59.480.527 |
| - | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.19 | (1.327.689.498) | (1.276.286.142) |
| | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** | | ***12.706.203.702*** | ***2.508.938.241*** |
| **II.** | **Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | | |
| 1. | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.10 | (6.216.347.074) | (1.325.635.891) |
| 2. | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. | Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (6.000.000.000) | - |
| 4. | Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. | Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.3 | 530.357.082 | 971.691.546 |
| | ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** | | ***(11.685.989.992)*** | ***(353.944.345)*** |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | - | - |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.17 | (64.545.455) | (250.000.000) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.16, V.20a | (3.597.910.000) | (5.427.400.989) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | | ***(3.662.455.455)*** | ***(5.677.400.989)*** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | **50** | | **(2.642.241.745)** | **(3.522.407.093)** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **V.1** | **31.430.457.171** | **34.952.864.264** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **70** | **V.1** | **28.788.215.426** | **31.430.457.171** |

Bến Tre, ngày 24 tháng 3 năm 2025

| Người lập | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Trần Thị Hồng Mai | Trần Thị Vân Nghi | Lê Văn Vũ |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358; Website: www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

Số: 27/TTr- HĐQT

*Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

# TỜ TRÌNH
## Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2024 và Kế hoạch năm 2025

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*

*- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*

*- Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*

*- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*

*- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị - lần 2 năm 2025, ngày 02/6/2025.*

Hội đồng quản trị Công ty Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2024 | TH 2024 | KH 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vốn điều lệ | *Tr/đồng* | 36.000,00 | 36.000,00 | 36.000,00 |
| 2 | Tổng doanh thu | *Tr/đồng* | 78.000,00 | 107.860,93 | 110.000,00 |
| 3 | Tổng chi phí | *Tr/đồng* | 70.200,00 | 94.420,84 | 96.300,00 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | *Tr/đồng* | 7.800,00 | 13.440,09 | 13.700,00 |
| 5 | Lợi nhuận chưa phân phối | *Tr/đồng* | 6.780,00 | 11.765,84 | 11.782,00 |
| 6 | Trích lập các quỹ | *Tr/đồng* | 3.384,09 | 7.871,79 | 7.493,56 |
| | *- Quỹ Đầu tư phát triển* | *Tr/đồng* | *2.034,00* | *3.529,75* | *3.181,14* |
| | *- Quỹ Khen thưởng phúc lợi* | *Tr/đồng* | *1.017,00* | 3.953,97 | 3.521,52 |
| | *- Quỹ thưởng NQL chuyên trách* | *Tr/đồng* | *333,09* | 388,08 | 790,90 |
| 7 | Lợi nhuận còn lại chia cổ tức | *Tr/đồng* | 3.395,91 | 3.894,05 | 4.288,44 |
| 8 | Lợi nhuận còn lại chia cổ tức /*(VĐL)* | *%* | 9,43 | 10,82 | 11,91 |
| 9 | Chi cổ tức/*(VĐL)* | *%* | 7 | 20 | 12 |
| 10 | Lợi nhuận còn lại lũy kế | tr/đồng | 4.223,70 | 41,84 | 10,28 |
| 11 | Tỷ lệ Lợi nhuận còn lại lũy kế/ VĐL | % | 11,73 | 0,12 | 0,03 |

- Quỹ đầu tư phát triển: mức trích kế hoạch và thực hiện 2024 tương đương 30% lợi nhuận sau thuế, mức trích kế hoạch 2025 tương đương 27% lợi nhuận sau thuế;

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: mức trích kế hoạch 2024 tương đương 15% lợi nhuận sau thuế, mức trích thực hiện 2024 tương đương 2 tháng lương thực hiện, mức trích kế hoạch 2025 tương đương 1,5 tháng lương thực hiện;

- Quỹ thưởng Người quản lý chuyên trách và Quỹ khen thưởng - phúc lợi cho Người lao động năm 2024 được trích lập theo Quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; Quỹ thưởng Người quản lý chuyên trách và Quỹ khen thưởng - phúc lợi cho Người lao động kế hoạch năm 2025 được trích lập theo Quy định tại Nghị định 44/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

- Tổng chi phí đã bao gồm chi phí mang tính chất phúc lợi (không quá 01 tháng lương thực hiện) chi trực tiếp cho người lao động theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC và Điều 63 Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

M.S.D.N: 1300113091 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
T.P BẾN TRE - T. BẾN TRE

**NGUYỄN TẤN VŨ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358; Website: www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

Số: 28/TTr-HĐQT

*Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

# TỜ TRÌNH
## Về việc thông qua tiền lương, thù lao năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của người quản lý Công ty

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*

*- Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;*

*- Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;*

*- Căn cứ Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước;*

*- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre;*

*- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị - lần 2 năm 2025, ngày 02/6/2025.*

**Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua tiền lương, thù lao của người quản lý như sau:**

| STT | Chức vụ | Số người | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tiền lương chuyên trách** | | **3.104.611.428** | **4.764.432.000** |
| 1 | - Chủ tịch HĐQT | 1 | 494.251.932 | 744.000.000 |
| 2 | - Trưởng Ban kiểm soát | 1 | 384.362.760 | 624.000.000 |
| 3 | - Quản lý chuyên trách | 6 | 2.225.996.736 | 3.396.432.000 |
| **II** | **Tiền thù lao** | | **302.400.000** | **256.800.000** |
| 1 | - Thành viên HĐQT | 2 | 146.400.000 | 124.800.000 |
| 2 | - Thành viên Ban kiểm soát | 2 | 114.000.000 | 96.000.000 |
| 3 | - Thư ký | 1 | 42.000.000 | 36.000.000 |

**Chi tiết kế hoạch tiền thù lao HĐQT, BKS và thư ký năm 2025 như sau:**

- Thành viên HĐQT: 2 người x 5.200.000đ x 12 tháng

- Thành viên Ban KS: 2 người x 4.000.000đ x 12 tháng

- Thư ký HĐQT: 1 người x 3.000.000đ x 12 tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**




**NGUYỄN TẤN VŨ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (075) 3826 358 ; Website: www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

Số: 01/TTr-BKS

*Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

# TỜ TRÌNH
## Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

*- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*

*- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị lần 2 năm 2025 ngày 02/06/2025.*

**Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:**

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 đạt hiệu quả cao nhất. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty với tiêu chuẩn như sau:

**1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập:**

Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 của Công ty phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Đơn vị kiểm toán phải có trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán các doanh nghiệp là công ty đại chúng.

- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Công ty.

**2. Đề xuất của Ban kiểm soát:**

- Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập nêu tại Mục 1, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng Cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán:

  - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
  - Mã số thuế: 0303128175
  - Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.Hồ Chí Minh

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt là đơn vị kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng. Đây cũng là đơn vị kiểm toán có uy tín, chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ tốt, tính chính xác cao trong ngành tư vấn kiểm toán, chi phí hợp lý và đã thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty năm 2022, 2023

đội ngũ kiểm toán có trình độ cao, có sự hiểu biết nhất định về tình hình hoạt động của Công ty, thực hiện kiểm toán đúng thời hạn, uy tín và chất lượng.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua,

Xin chân thành cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**
**TRƯỞNG BAN**

**TRỊNH VĂN ĐẤU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (075) 3826 358 ; Website: www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

Số : 29/TTr-HĐQT *Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

# TỜ TRÌNH
## Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*

*- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XV thông qua ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự;*

*- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*

*- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị lần 2 năm 2025 ngày 02/06/2025.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre để phù hợp với quy định hiện hành.

(***Nội dung sửa đổi*** và ***Toàn văn Điều lệ Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô Thị Bến Tre đính kèm***).

Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Điều lệ Công ty.

Nội dung Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

**NGUYỄN TẤN VŨ**

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY**
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);*
- *Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XV thông qua ngày 11/01/2022 (Luật số 03/2022/QH15) sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2019);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định 155/2020/NĐ-CP);*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (Thông tư 116/2020/TT-BTC).*

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| **1.** | **Điểm l Điều 1. Giải thích thuật ngữ**<br>l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này **và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua**; | **Điểm l Điều 1. Giải thích thuật ngữ**<br>l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này; | Phù hợp với thực tế của Công ty: "thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn từ ngày thành lập". |
| **2.** | **(Không quy định)** | **Bổ sung Điểm o, Điểm p Điều 1. Giải thích thuật ngữ**<br>***o) Bí mật thương mại* là các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường được giữ kín và sử dụng làm lợi thế kinh doanh của Công ty trong quan hệ cạnh tranh với các doanh nghiệp khác** | Làm rõ các thuật ngữ để tránh xung đột, ảnh hưởng đến lợi ích chung của |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | *p) Bí mật kinh doanh là* những thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, lao động chưa được công bố và có khả năng được sử dụng trong kinh doanh. | các cổ đông |
| 3. | **Khoản 6 Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**<br><br>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với | **Khoản 6 Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**<br>**6. Chào bán cổ phần**<br>**Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.**<br>**Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:**<br>**a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.**<br>**b) Chào bán ra công chúng.**<br>**c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.**<br>**d) Hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**<br>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu **trừ trường hợp trừ trường hợp** Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác. | kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu **trừ trường hợp** Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác. | |
| **4.** | **Khoản 3 Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**<br>3. **Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty** hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo Điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.<br>…<br>**(Không quy định)** | **Khoản 3, Khoản 5 Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**<br>3. **Người sở hữu cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thông báo đã nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật** hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo Điều khoản phát hành quy định). Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.<br>…<br>**5. Trường hợp Công ty hủy đăng ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hiệu lực hủy đăng ký chứng khoán theo thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.** | Phù hợp với quy định về chuyển quyền sở hữu cổ phiếu của Công ty đại chúng. |
| **5.** | **Khoản 1 Điều 12. Quyền của cổ đông**<br>….. | **Khoản 1 Điều 12. Quyền của cổ đông**<br>…… | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:<br>…<br>e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;<br><br>f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; | 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:<br>…<br>e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình. **Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty**;<br><br>f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. **Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty**; | Quy định cụ thể Quy trình (Trình tự, thủ tục yêu cầu) cung cấp thông tin.<br><br>Quy định cụ thể Quy trình (Trình tự, thủ tục yêu cầu) cung cấp thông tin. |
| **6.** | **Khoản 2 Điều 12. Quyền của cổ đông**<br>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:<br>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;<br>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị **và tài liệu khác**, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; | **Khoản 2 Điều 12. Quyền của cổ đông**<br>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:<br>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;<br>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. **Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy** | Bổ sung quy trình cung cấp thông tin. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;<br>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty **chậm nhất là 03 ngày làm việc** trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;<br>e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | **chế nội bộ về quản trị công ty**;<br>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;<br>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty **chậm nhất là 05 ngày làm việc** trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;<br>e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. | Căn cứ khoản 2 Điều 142 Luật doanh nghiệp 2020, đảm bảo đủ thời gian để HĐQT có thể tổ chức họp HĐQT để xem xét các kiến nghị, |
| **7.** | **Khoản 3 Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**<br>3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và **Quy chế quản lý nội bộ của Công ty**. | **Khoản 3 Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**<br>3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và **Quy chế nội bộ của Công ty do đại hội đồng cổ đông thông qua**. | Tránh nhầm lẫn với các Quy chế quản lý nội bộ khác của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| **8.** | **Khoản 4 Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**<br>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường<br>a) Hội đồng quản trị **phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông** trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này; | **Khoản 4 Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**<br>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường<br>a) Hội đồng quản trị **phải xác định ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông** trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này; | Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020.<br>Làm rõ từ "triệu tập", đồng thời thay đổi mốc thời gian phù hợp với quy trình tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. |
| **9.** | **Khoản 1 Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**<br>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:<br>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;<br>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;<br>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;<br>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;<br>e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;<br>f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;<br>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã | **Khoản 1 Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**<br>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:<br>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;<br>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;<br>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;<br>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;<br>e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;<br>f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;<br>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | bán của mỗi loại;<br>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;<br>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;<br>j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;<br>k) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh **Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**;<br>l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thầy cần thiết;<br>m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.<br>**2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:**<br>**a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;**<br>**b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;**<br>**c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng** | bán của mỗi loại;<br>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;<br>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty **và chỉ định người thanh lý**;<br>j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;<br>k) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh **Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;**<br>l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thầy cần thiết; | Tham chiếu Khoản 2 Điều 15 Phụ lục I Điều lệ mẫu – Thông tư 116/2020/TT-BTC.<br>Điều chỉnh câu từ, làm rõ các văn bản quy định của Công ty.<br>Sắp xếp lại nội dung Khoản 1, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ hiện hành, đồng thời lược bỏ bớt các ý bị trùng lắp. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | **thành viên Hội đồng quản trị;**<br>**d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;**<br>**e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;**<br>**f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;**<br>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;<br>**h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;**<br>**i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;**<br>**j) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;**<br>**k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;**<br>**l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;**<br>m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;<br>**n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ** | m) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;<br>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | **định người thanh lý;**<br>**o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;**<br>**p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;**<br>q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;<br>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;<br>**s) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;**<br>**t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.** | o) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;<br>p) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;<br>q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật. | |
| **10.** | **Khoản 2 Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**<br>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:<br>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; | **Khoản 2 Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**<br>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:<br>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty; | Bổ sung để làm rõ hơn quy định về các nội dung phải thông qua tại Đại |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;<br>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;<br>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;<br>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;<br>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;<br>**g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;**<br>**h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;**<br>**i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;**<br>**j) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;**<br>**k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;**<br>**l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;** | b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;<br>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;<br>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;<br>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;<br>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;<br>**g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.** | hội đồng cổ đông thường niên.<br>Sắp xếp lại nội dung Khoản 1, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ hiện hành. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | **m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;**<br>**n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;**<br>**o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;**<br>**p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;**<br>**q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;**<br>**r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;**<br>**s) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;**<br>**t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.** | | |
| **11** | **Khoản 1 Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**<br>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ | **Khoản 1 Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**<br>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. | là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp**, theo quy định cụ thể sau:**<br>**a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho tối đa một (01) người đại diện theo ủy quyền tham dự họp. Cổ đông đã ủy quyền này sẽ không được tham dự đại hội ngay cả trong trường hợp ủy quyền một phần cho người đại diện theo ủy quyền.**<br><br>**b) Đối với cổ đông là tổ chức sẽ thực hiện ủy quyền như sau:**<br>• **Cổ đông nắm giữ dưới 1% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một (01) người dự họp Đại hội đồng cổ đông;**<br>• **Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa hai (02) người dự họp;**<br>• **Cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa ba (03) người dự họp.**<br>**Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy** | Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.<br>Quy định chi tiết đối với ủy quyền của cổ đông là cá nhân.<br><br>Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020.<br>Quy định chi tiết việc ủy quyền và ủy quyền lại phù hợp với Điều 283 Luật Dân sự. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **quyền, số cổ phần và số phiếu sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền, phần lẻ cổ phần (nếu có) sẽ được ưu tiên theo thứ tự ABC cho tên người đại diện theo ủy quyền.** | |
| 12 | **Khoản 2 Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**<br>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền**, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.**<br>**Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.** | **Khoản 2 Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**<br>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền**, chữ ký, ghi rõ họ tên (được viết tay), đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.**<br>***Người được ủy quyền* có thể ủy quyền lại cho người khác trong trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của cổ đông ủy quyền ban đầu. Văn bản này sẽ được người nhận ủy quyền lại xuất trình khi tham dự họp cùng với văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông. Người nhận ủy quyền lại không được ủy quyền cho người khác.** | Bổ sung quy định chặt chẽ hơn đối với việc ủy quyền và nội dung văn bản ủy quyền.<br><br>Bổ sung quy định chặt chẽ hơn đối với việc ủy quyền lại. |
| 13 | **Khoản 1, khoản 2 Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua** | **Khoản 1, khoản 2 Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua** | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **dự họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:<br>…<br>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **dự họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.<br>…. | 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:<br>…<br>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.<br>….. | Căn cứ Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 7 Luật số 03/2022/QH15.<br><br>Căn cứ Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 7 Luật số 03/2022/QH15. |
| **14** | **Khoản 3 Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**<br>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:<br>….<br>…… | **Khoản 3 Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**<br>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:<br>….<br>**f) Phương án bầu cử (nếu có);**<br>…… | Bổ sung để thực hiện Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu cử bổ sung HĐQT hoặc BKS |
| **15** | **Khoản 4 Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**<br>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến | **Khoản 4 Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**<br>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến | Bổ sung căn cứ để |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:<br>…<br>… | Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử **theo thông tin đã đăng ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam** theo quy định sau đây:<br>… | xác định thông tin cổ đông khi nhận Phiếu lấy ý kiến đã trả lời của cổ đông. |
| 16 | **Điểm f Khoản 1 Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**<br>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:<br>…<br>f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; | **Điểm f Khoản 1 Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**<br>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:<br>…<br>f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; **tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;** | Phù hợp với Quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua (Điều lệ mới). |
| 17 | **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**<br>…..<br>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. | **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**<br>….<br>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.** | Bổ sung quy định căn cứ theo Khoản 3 Điều 152 Luật doanh nghiệp 2020. |
| **18** | **Khoản 2 Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**<br>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. | **Khoản 2 Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**<br>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. **Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. **Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.** | Bổ sung quy định, căn cứ theo Điểm a Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020.<br><br>Bổ sung quy trình hướng dẫn việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 19 | **Khoản 4 Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**<br>4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. | **Khoản 4 Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**<br>4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết**, Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ.** H Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày  Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. | Bổ sung quy định cụ thể để có căn cứ thực hiện trong trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết. |
| 20 | **Khoản 4 Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**<br>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.<br>**(Chưa quy định)** | **Khoản 4 Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**<br>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.<br>**Thành viên Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền** | Bổ sung làm rõ quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị khi cần thực hiện |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:**<br>**a) Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.**<br>**b) Thành viên Hội đồng quản trị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.**<br>**c) Hội đồng quản trị có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.** | miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế. |
| **21** | **Khoản 2 Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**<br>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:<br>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; **Bổ sung thêm ngành nghề được phép kinh doanh** | **Khoản 2 Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**<br>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:<br>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; | Nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | theo qui định của pháp luật;<br>…<br>q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.<br>… | …<br>q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.<br>… | Điều chỉnh lại trích dẫn văn bản phù hợp với Dự thảo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty mới. |
| 22 | (Không quy định) | **Khoản 6 Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**<br>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty. | Tham chiếu Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT – BTC. |
| 23 | **Khoản 5 Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**<br>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải | **Khoản 5 Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**<br>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức | Làm rõ vấn đề triệu tập họp Hội đồng |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. | **không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đề nghị**. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, **quy trình triệu tập tương tự như Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập theo đề nghị**. | quản trị sau khi nhận được đề nghị. |
| 24 | **Khoản 6 Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**<br>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. | **Khoản 6 Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**<br>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, **hình thức họp,** chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. | Cập nhật phù hợp với Thông báo mời họp. |
| 25 | **Khoản 8 Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**<br>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định **thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất**. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. | **Khoản 8 Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**<br>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định **thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp lần thứ hai đến thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp.** | Làm rõ vấn đề triệu tập họp Hội đồng quản trị khi không đủ điều kiện tiến hành. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **Cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ hai phải được tổ chức không quá 12 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.** Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. | |
| 26 | **Khoản 11 Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**<br>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. **Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.** | **Khoản 11 Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**<br>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. **Thành viên được ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc cho người khác (không phải thành viên Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận) dự họp và biểu quyết.** | Căn cứ theo khoản 11 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020, làm rõ quy định về việc ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị |
| 27 | **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**<br>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng**, các Tổng Giám đốc điều hành** và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. | **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**<br>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 28 | **Khoản 4 Điều 32. Người phụ trách quản trị, Thư ký Công ty**<br>4. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:<br>… | **Khoản 4 Điều 32. Người phụ trách quản trị, Thư ký Công ty**<br>**Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty.** Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:<br>… | Căn cứ theo Khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020 |
| 29 | **Khoản 1 Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**<br>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; **trên** 30% được đề cử đủ số ứng viên. | **Khoản 1 Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**<br>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; **từ** 30% được đề cử đủ số ứng viên. **Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 70 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.** | Điều chỉnh lại để chặt chẽ hơn<br>Quy định cụ thể về việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát. |
| 30 | **Khoản 3 Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**<br>3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các | **Khoản 3 Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**<br>3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, **Ban kiểm soát công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.** Ban kiểm soát đương nhiệm tổ | Quy định cụ thể về việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. | chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. | |
| 31 | **Khoản 2 Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**<br>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các tiêu chuẩn sau:<br>a) **Không được** làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;<br>b) **Không được** là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó. | **Khoản 2 Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**<br>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và **không thuộc các trường hợp sau:**<br>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;<br>b) Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó. | Điều chỉnh lại câu từ, tham chiếu Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 116/2020/TT – BTC. |
| 32 | **(Chưa quy định)** | **Khoản 5 Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**<br>**5. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và quyền nhận thù lao của thành viên Ban kiểm soát ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:**<br>**a) Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực** | Bổ sung làm rõ quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát khi cần thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.**<br>**b) Thành viên Ban kiểm soát đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.**<br>**c) Ban kiểm soát có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Ban kiểm soát, thực hiện tương tự quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.** | |
| **33** | **Khoản 8 Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**<br>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác**;** có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. | **Khoản 8 Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**<br>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác **có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao;** có quyn quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được**. Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ** | Quy định chi tiết quyền yêu cầu cung cấp thông tin của Ban kiểm soát. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **về quản trị công ty.** | |
| 34 | **Khoản 9 Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**<br>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. | **Khoản 9 Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**<br>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. **Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.** | Bổ sung trình tự, thủ tục chi tiết khi Ban kiểm soát yêu cầu cung cấp thông tin. |
| 35 | **(Chưa quy định)** | **Khoản 2 Điều 46. Phân phối lợi nhuận**<br>**2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ theo ủy quyền của Đại hội cổ đông nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.** | Bổ sung quy định để có căn cứ thực hiện khi cần thiết. |
| 36 | **Khoản 3 Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**<br>…..<br>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên **đã soát xét** và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin **trên thị trường chứng khoán** và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | **Khoản 3 Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**<br>….<br>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | Điều chỉnh phù hợp với Quy định về việc lập báo cáo tài chính và công bố thông tin hiện hành. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 37. | **Điều 54. Giải thể Công ty**<br>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:<br>**a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;**<br>b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;<br>c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;<br>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.<br>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn **(kể cả thời hạn đã gia hạn)** do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. | **Điều 55. Giải thể Công ty**<br>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:<br>a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;<br>b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;<br>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.<br>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định. | Phù hợp với thực tế của Công ty: "thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn từ ngày thành lập".<br>Phù hợp với thực tế của Công ty: "thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn từ ngày thành lập". |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# (Dự thảo)

# ĐIỀU LỆ
## CÔNG TY CỔ PHẦN
## CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre)*

*Bến Tre, ngày 26 tháng 6 năm 2025*

# PHẦN MỞ ĐẦU

**CHƯƠNG I. ..... 5**
**ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ ..... 5**
**Điều 1. Giải thích thuật ngữ ..... 5**
**CHƯƠNG II. ..... 6**
**TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY ..... 6**
**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty ..... 6**
**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty ..... 6**
**CHƯƠNG III. ..... 7**
**MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ..... 7**
**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty ..... 7**
**Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty ..... 9**
**CHƯƠNG IV. ..... 9**
**VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP ..... 9**
**Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập ..... 9**
**Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu ..... 10**
**Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác ..... 10**
**Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần ..... 10**
**Điều 10. Thu hồi cổ phần ..... 11**
**CHƯƠNG V. ..... 11**
**CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT ..... 11**
**Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát ..... 11**
**CHƯƠNG VI. ..... 11**
**CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG ..... 11**
**Điều 12. Quyền của cổ đông ..... 11**
**Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông ..... 13**
**Điều 14. Đại hội đồng cổ đông ..... 14**
**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông ..... 15**
**Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông ..... 16**
**Điều 17. Thay đổi các quyền ..... 17**
**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông ..... 18**
**Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông ..... 19**
**Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 19**
**Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua ..... 21**
**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ..... 22**
**Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ..... 24**
**Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ..... 24**
**CHƯƠNG VII. ..... 25**
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..... 25**
**Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị ..... 25**
**Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị ..... 26**
**Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị ..... 27**
**Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ..... 29**
**Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị ..... 29**
**Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị ..... 30**
**Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị ..... 31**
**Điều 32. Người phụ trách quản trị, Thư ký Công ty ..... 32**
**CHƯƠNG VIII. ..... 33**

**TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC** ..... 33
**Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý** ..... 33
**Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp** ..... 33
**Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc** ..... 33
**CHƯƠNG IX.** ..... 34
**BAN KIỂM SOÁT** ..... 34
**Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát** ..... 34
**Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát** ..... 34
**Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát** ..... 35
**Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát** ..... 36
**Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát** ..... 36
**Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát** ..... 37
**CHƯƠNG X.** ..... 37
**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,** ..... 37
**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ** ..... 37
**NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC** ..... 37
**Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi** ..... 37
**Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường** ..... 38
**CHƯƠNG XI.** ..... 39
**QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY** ..... 39
**Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ** ..... 39
**CHƯƠNG XII.** ..... 39
**CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN** ..... 39
**Điều 45. Công nhân viên và công đoàn** ..... 39
**CHƯƠNG XIII.** ..... 39
**PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN** ..... 39
**Điều 46. Phân phối lợi nhuận** ..... 39
**CHƯƠNG XIV.** ..... 40
**TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN** ..... 40
**Điều 47. Tài khoản ngân hàng** ..... 40
**Điều 48. Năm tài chính** ..... 40
**Điều 49. Chế độ kế toán** ..... 40
**CHƯƠNG XV.** ..... 41
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ** ..... 41
**TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN** ..... 41
**Điều 50. Báo cáo tài chính năm** ..... 41
**Điều 51. Báo cáo thường niên** ..... 41
**CHƯƠNG XVI.** ..... 41
**KIỂM TOÁN CÔNG TY** ..... 41
**Điều 52. Kiểm toán** ..... 41
**CHƯƠNG XVII** ..... 41
**DẤU CỦA DOANH NGHIỆP** ..... 41
**Điều 53. Dấu của doanh nghiệp** ..... 42
**CHƯƠNG XVIII.** ..... 42
**GIẢI THỂ CÔNG TY** ..... 42
**Điều 54. Giải thể Công ty** ..... 42
**Điều 55. Gia hạn hoạt động** ..... 42
**Điều 56. Thanh lý** ..... 42
**CHƯƠNG XIX.** ..... 43
**GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ** ..... 43
**Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ** ..... 43
**CHƯƠNG XX.** ..... 43

**BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ..... 43**
**Điều 58.Điều lệ Công ty ..... 43**
**CHƯƠNG XXI. ..... 43**
**NGÀY HIỆU LỰC ..... 43**
**Điều 59.Ngày hiệu lực ..... 43**

# PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số …… ngày 26 tháng 6 năm 2025.

## Chương I.
## ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

g) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

h) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

i) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;

j) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên;

l) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

m) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con;

n) *Địa chỉ liên lạc* là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc;

o) *Bí mật thương mại* là các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường được giữ kín và sử dụng làm lợi thế kinh doanh của Công ty trong quan hệ cạnh tranh với các doanh nghiệp khác.

p) *Bí mật kinh doanh* là những thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, lao động chưa được công bố và có khả năng được sử dụng trong kinh doanh.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## Chương II.

## TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

### Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE.**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **BENTRE URBAN PROJECT JOINT STOCK COMPANY.**

- Tên Công ty viết tắt: BENTREPCO.

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 26, Nguyễn Trung Trực, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.

- Điện thoại: (0275) 3826358

- Fax: (0275) 3817 770

- E-mail: ctdt_bt@yahoo.com

- Website: www.congtrinhdothibentre.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn từ ngày thành lập.

### Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 2 người đại diện theo pháp luật là **Chủ tịch Hội đồng quản trị** và **Tổng Giám đốc**.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác thay thế.

Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ cử người khác thay thế.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

a) Phụ trách các công việc liên quan đến quản trị Công ty, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, quan hệ cổ đông và công tác quản lý nguồn vốn chủ sở hữu;

b) Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 và 3, Điều 29 của Điều lệ này.

2. Tổng Giám đốc:

a) Phụ trách điều hành hoạt động kinh doanh;

b) Ký kết các hợp động kinh doanh, thương mại, lao động … và tài chính trong thẩm quyền;

c) Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4, Điều 35 của Điều lệ này.

## Chương III.
## MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

| Mã ngành, nghề kinh doanh | Tên ngành, nghề kinh doanh |
|---|---|
| | Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. |
| 7110 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật. |
| 0118 | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh<br>Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh. |
| 0130 | Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp |

| | |
|---|---|
| 0161 | Hoạt động dịch vụ trồng trọt |
| 2012 | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ |
| **3811 (Chính)** | **Thu gom rác thải không độc hại** |
| 2592 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại |
| 3821 | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại |
| 3830 | Tái chế phế liệu<br>Chi tiết: Xử lý (làm sạch, nóng chảy, nghiền) rác thải bằng nhựa hoặc cao su để nghiền thành hạt nhỏ. |
| 3900 | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác |
| 4100 | Xây dựng nhà các loại |
| 4210 | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ |
| 4220 | Xây dựng công trình công ích |
| 4290 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác |
| 4321 | Lắp đặt hệ thống điện |
| 4329 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác |
| 4330 | Hoàn thiện công trình xây dựng |
| 4390 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác |
| 4520 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác |
| 4620 | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn hoa và cây. |
| 4649 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. |
| 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, đọng cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). |
| 4663 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. |
| 7730 | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác |

| | |
|---|---|
| | Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. |
| 8130 | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan |
| 9321 | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề |

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

**Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

## Chương IV.
## VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

**Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là **36.000.000.000 đồng** đồng (bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.600.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300113091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 18/12/2006. Căn cứ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

6. Chào bán cổ phần

Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.

b) Chào bán ra công chúng.

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

d) Hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường

hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Người sở hữu cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam thông báo đã nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo Điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Trường hợp Công ty hủy đăng ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày hiệu lực hủy đăng ký chứng khoán theo thông báo của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

**Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật và dấu của Công ty.

**Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát

hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## Chương V.
## CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

**Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

3. Tổng Giám đốc.

## Chương VI.
## CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

**Điều 12. Quyền của cổ đông**

Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình

thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình. Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả

nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này.

**Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ của Công ty do đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải phải xác định ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên

Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;

j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

p) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo quy định cụ thể sau:

a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho tối đa một (01) người đại diện theo ủy quyền tham dự họp. Cổ đông đã ủy quyền này sẽ không được tham dự đại hội ngay cả trong trường hợp ủy quyền một phần cho người đại diện theo ủy quyền.

b) Đối với cổ đông là tổ chức sẽ thực hiện ủy quyền như sau:

- Cổ đông nắm giữ dưới 1% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một (01) người dự họp Đại hội đồng cổ đông;

- Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa hai (02) người dự họp;

- Cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa ba (03) người dự họp.

Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần và số phiếu sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền, phần lẻ cổ phần (nếu có) sẽ được ưu tiên theo thứ tự ABC cho tên người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được

lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký, ghi rõ họ tên (được viết tay), đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

Người được ủy quyền có thể ủy quyền lại cho người khác trong trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của cổ đông ủy quyền ban đầu. Văn bản này sẽ được người nhận ủy quyền lại xuất trình khi tham dự họp cùng với văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông. Người nhận ủy quyền lại không được ủy quyền cho người khác.

3. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

**Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp **chậm nhất 21 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết/bầu cử;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/ Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định

khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

11. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

**Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

f) Gia hạn hoạt động Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Lưu ý, Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

b) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

c) Định hướng phát triển Công ty;

d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm

h) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

k) Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Phương án bầu cử (nếu có);

g) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

h) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo thông tin đã đăng ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông

có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ

đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## Chương VII.
## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

**Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

Thành viên Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

b) Thành viên Hội đồng quản trị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

c) Hội đồng quản trị có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

**Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các công ty con của Công ty;

c) Trong phạm vi quy định những vấn đề phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh (trừ các khoản bảo đảm, bảo lãnh: dự thầu, thực hiện hợp đồng, tạm ứng thực hiện hợp đồng) và bồi thường của Công ty;

f) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 03 tỷ VNĐ hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày

31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

**Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f) Phê chuẩn các khoản bảo đảm, bảo lãnh: dự thầu, thực hiện hợp đồng, tạm ứng thực hiện hợp đồng;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

**Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Các trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn **07 ngày** làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, quy trình triệu tập tương tự như Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập theo đề nghị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **05 ngày** làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, hình thức họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo

đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp lần thứ hai đến thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ hai phải được tổ chức không quá 12 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc cho người khác (không phải thành viên Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận) dự họp và biểu quyết.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá ½) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Lưu ý, Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 42 Điều lệ công ty.

13. Biên bản họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 158, Luật Doanh nghiệp năm 2020.

**Điều 31.Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

**Điều 32. Người phụ trách quản trị, Thư ký Công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ Công ty.

## Chương VIII.
## TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

### Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5, Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

6. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

## Chương IX.

## BAN KIỂM SOÁT

### Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% được đề cử đủ số ứng viên. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 70 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và quyền nhận thù lao của thành viên Ban kiểm soát ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:

a) Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

b) Thành viên Ban kiểm soát đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

c) Ban kiểm soát có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Ban kiểm soát, thực hiện tương tự quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ngoài các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

**Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

**Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

## Chương X.

## TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

**Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

**Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## Chương XI.
## QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

### Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## Chương XII.
## CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

### Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## Chương XIII.
## PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

### Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ theo ủy quyền của Đại hội cổ đông nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch/đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## Chương XIV.
## TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

### Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

### Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đó.

### Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## Chương XV.
## BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

### Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## Chương XVI.
## KIỂM TOÁN CÔNG TY

### Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## Chương XVII.
## DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

**Điều 53. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## Chương XVIII.
## GIẢI THỂ CÔNG TY

**Điều 54. Giải thể Công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

**Điều 55. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

**Điều 56. Thanh lý**

1. Tối thiểu [06 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## Chương XIX.
## GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

### Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## Chương XX.
## BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

### Điều 58. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## Chương XXI.
## NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương, 59 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre nhất trí thông qua ngày 26 tháng 06 năm 2025 tại Bến Tre và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật**

| | |
|---|---|
| **CHỦ TỊCH HĐQT** | **TỔNG GIÁM ĐỐC** |
| **Nguyễn Tấn Vũ** | **Lê Văn Vũ** |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (075) 3826 358 ; Website: www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

Số : 30/TTr-HĐQT

*Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

# TỜ TRÌNH
## Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*

*- Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XV thông qua ngày 11/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự;*

*- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;*

*- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*

*- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị lần 2 năm 2025 ngày 02/06/2025.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre để phù hợp với quy định hiện hành.

(***Đính kèm Nội dung sửa đổi*** và ***Toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre***).

Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Công trình Đô Thị Bến Tre.

Các nội dung được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

**NGUYỄN TẤN VŨ**

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);*
- *Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XV thông qua ngày 11/01/2022 (Luật số 03/2022/QH15) sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2019);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định 155/2020/NĐ-CP);*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (Thông tư 116/2020/TT-BTC).*

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | **Khoản 18 Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt**<br>18. **VSD là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/**Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam | **Khoản 18, Khoản 24, Khoản 25 Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt**<br>18. ***VSDC* là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam** | Phù hợp với Quy định hiện hành |
| **1.** | **(Chưa quy định)** | …<br>**24. *Địa chỉ liên lạc* là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc**<br>**25. *Bí mật kinh doanh* là những thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, lao động chưa được công bố và có khả năng được sử dụng trong kinh doanh.** | Khoản 13 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020<br>Làm rõ các thuật ngữ để tránh xung đột, ảnh hưởng đến lợi ích chung của các cổ đông, phù hợp với nội |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | | dung sửa đổi Điều lệ. |
| **2.** | **Khoản 2 Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**<br>2. HĐQT phải **triệu tập họp** Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty; | **Khoản 2 Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**<br>2. HĐQT phải **xác định ngày khai mạc họp** Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty; | Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020.<br>Làm rõ từ "triệu tập", đồng thời thay đổi mốc thời gian phù hợp với quy trình tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| **3.** | **Điểm a Khoản 4 Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông**<br>**4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:**<br>a. Người triệu tập đại hội cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm tối thiểu 02 người, **bao gồm … người, bao gồm 01 Trưởng Ban và … thành viên**. | **Điểm a Khoản 4 Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông**<br>**4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:**<br>a. Người triệu tập đại hội cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội **bao gồm tối thiểu 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và một số thành viên.** | Bổ sung số lượng cụ thể |
| **4.** | **Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**<br>(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty; Quy chế thực hiện quyền của **VSD**) | **Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**<br>(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty; Quy chế thực hiện quyền của **VSDC**) | Phù hợp với Quy định hiện hành |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | 1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.<br>2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc các Quy định khác của pháp luật (áp dụng khi Công ty chưa đăng ký chứng khoán tại VSD). | 1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.<br>2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc các Quy định khác của pháp luật (áp dụng khi Công ty chưa đăng ký chứng khoán tại VSDC). | Phù hợp với Quy định hiện hành |
| **5.** | **Khoản 2 Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**<br>2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty**; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty**. | **Khoản 2 Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**<br>2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. | Hiện tại không còn quy định về việc đăng báo |
| **6.** | **Khoản 3 Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông**<br>3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | **Khoản 3 Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông**<br>3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. **Trong trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc người kiến nghị đề nghị trao đổi/thảo luận thì hai bên** | Bổ sung quy định rõ ràng hơn |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | … | **phải trao đổi/thảo luận trước khi người triệu tập họp trả lời bằng văn bản về việc từ chối.**<br>… | |
| **7.** | **Khoản 2 Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**<br>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% **tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên**. | **Khoản 2 Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**<br>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% **tổng số phiếu biểu quyết trở lên**. | Điều chỉnh thuật ngữ phù hợp với Khoản 2 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2020. |
| **8.** | **Khoản 2 Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**<br>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (Quy định tại Phần II – Chương này). | **Khoản 2 Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**<br>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (Quy định tại Phần II – Chương này):<br>**a. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng gửi thư, fax hoặc thư điện tử;**<br>**b. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử;**<br>**c. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng gửi thư, fax hoặc thư điện tử kết hợp bỏ phiếu điện tử.** | Bổ sung các hình thức thực hiện Lấy ý kiến bằng văn bản, để có căn cứ thực hiện khi cần thiết. |
| **9.** | **Khoản 1, Khoản 2 Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**<br>*(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)* | **Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**<br>(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)<br>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua | Căn cứ Khoản 2 Điều |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **dự họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:<br>…<br>2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ **đông dự họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. | nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:<br>…<br>2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông **tham dự và biểu quyết tại cuộc họp** tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. | 148 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 7 Luật số 03/2022/QH15, phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ.<br>Căn cứ Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 7 Luật số 03/2022/QH15, phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| **10** | **Điểm g Khoản 1 Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**<br>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:<br>…<br>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; | **Điểm g Khoản 1 Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**<br>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:<br>…<br>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; **tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông** | Phù hợp với Quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua (Điều |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **tham dự và biểu quyết;** | lệ mới). |
| **11** | **Khoản 2 Điều 19. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**<br>2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử<br>(Chưa quy định)<br><br>a. Phiếu biểu quyết<br>- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,… không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này **và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu**. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.<br><br>- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không | **Khoản 2 Điều 19. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**<br>2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử<br>**a. Thẻ biểu quyết :**<br>**- Thẻ biểu quyết hợp lệ: là thẻ theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,… không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho Thẻ này.**<br>**- Thẻ biểu quyết không hợp lệ: Nội dung không đúng theo các quy định của Thẻ biểu quyết hợp lệ.**<br>b. Phiếu biểu quyết<br>- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, **có đóng dấu treo của Công ty**, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,… không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này. **Trường hợp bỏ phiếu trực tiếp/bỏ phiếu từ xa (thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ công ty) phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (được viết tay) của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu.** Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. | Bổ sung quy định về Thẻ biểu quyết để đầy đủ hơn.<br><br>Bổ sung quy định khi thực hiện bỏ phiếu điện tử. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.<br>b. Phiếu bầu cử<br>- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; **phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.**<br>… | - **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.<br>c. Phiếu bầu cử<br>- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu. **Trường hợp bỏ phiếu trực tiếp/bỏ phiếu từ xa (thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ công ty) phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (được viết tay) của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu.** | Bổ sung quy định khi thực hiện bỏ phiếu điện tử. |
| **12** | **Khoản 2 Điều 20. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**<br>2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết<br>a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban | **Khoản 2 Điều 20. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**<br>2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết<br>a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên | Điều chỉnh lại câu từ |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng **cổ đông** Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.<br>b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức **điền vào Phiếu biểu quyết**, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "□" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết **về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội** theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu. | Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng **đại biểu** Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.<br>b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết:<br>- Khi biểu quyết bằng hình thức **bỏ phiếu trực tiếp**: đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "□" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết **về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu** theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên **(được viết tay)** của đại biểu.<br>**- Khi biểu quyết được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.** | Điều chỉnh lại câu từ<br>Điều chỉnh lại nội dung để có thể thực hiện trong trường hợp không có thùng phiếu<br>Bổ sung quy định khi thực hiện bỏ phiếu điện tử. |
| **13** | **Khoản 1 Điều 21. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**<br>*(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)* | **Khoản 1 Điều 21. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**<br>*(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)* | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | 1. Nguyên tắc chung<br>- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;<br>**(Chưa quy định)**<br>- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát. | 1. Nguyên tắc chung<br>- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;<br>**- Việc bầu cử được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.**<br>- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát. | Bổ sung quy định khi thực hiện bỏ phiếu điện tử. |
| **14** | **Điều 21. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**<br>*(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)*<br>1. Nguyên tắc chung<br>Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;<br>**Chưa quy định**<br>Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.<br>2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử<br>a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu<br>- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở | **Điều 21. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**<br>*(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)*<br>1. Nguyên tắc chung<br>Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;<br>**Việc bầu cử được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.**<br>Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.<br>2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử<br>a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu<br>- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở | Điều chỉnh lại nội |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | hữu nhân với số thành viên được bầu;<br>- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;<br>- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);<br>- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;<br>- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu **được hướng dẫn cụ thể như sau:**<br>**Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;**<br>• **Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" của các ứng viên tương ứng;**<br>• **Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.**<br>**Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" vừa ghi số lượng ở ô "Số phiếu bầu" thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô "Số phiếu bầu".** | hữu nhân với số thành viên được bầu;<br>- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;<br>- Trường hợp thay đổi ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);<br>- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;<br>- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được **hướng dẫn cụ thể tại Quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;**<br>… | dung để linh động hơn trong việc thực hiện. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | … | | |
| 15 | **Khoản 3 Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**<br>3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 24 Quy chế này **và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.** | **Khoản 3 Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**<br>3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 24 Quy chế này **và đã thực hiện xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.** | Bổ sung quy định khi thực hiện bỏ phiếu điện tử. |
| 16 | **Khoản 2, Khoản 3 Điều 24. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử**<br>2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: **trực tiếp hoặc email/điện thoại**. **Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.**<br><br>3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện | **Khoản 2, Khoản 3 Điều 24. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử**<br>2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: **trực tiếp, gửi thư, thư điện tử, điện thoại hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Việc cung cấp thông tin đăng nhập được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ của Công ty.**<br>3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử **để xác nhận tham dự** | Bổ sung quy định khi thực hiện bỏ phiếu điện tử.<br><br>Bổ sung quy định khi thực hiện bỏ phiếu |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến. | **ĐHĐCĐ trực tuyến** và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến. | điện tử. |
| **17** | **Khoản 2 Điều 25. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**<br>2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:<br>- Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.<br>- Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:<br>• Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.<br>• **Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.**<br>• **Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.** | **Khoản 2 Điều 25. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**<br>2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:<br>- Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.<br>- Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:<br>• Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.<br>• **Giấy ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên (được viết tay), đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.**<br>• **Giấy ủy quyền bản chính phải được gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Trường hợp cổ đông chưa tham dự đại hội và đã tiến hành ủy quyền trực tuyến thì việc ủy quyền có hiệu lực khi Công ty nhận được Giấy ủy quyền** | Bổ sung quy định về giấy ủy quyền để chặt chẽ hơn. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | - Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. **Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.**<br>**- Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.** | **bản chính gửi về cho đến khi bế mạc Đại hội.**<br>- Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. **Trường hợp bên nhận ủy quyền đã tham dự Đại hội thì thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.** | |
| **18** | **Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến**<br>1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:<br>- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc **không ý kiến** với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.<br>- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.<br>2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:<br>- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu **(bầu dồn đều hoặc bầu ghi số)**. **Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô "Bầu** | **Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến**<br>1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:<br>- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "**không có ý kiến**" với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.<br>- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.<br>2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:<br>- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. **Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử theo hướng dẫn tại Quy chế bầu cử trực tuyến được** | Điều chỉnh câu từ<br><br>Điều chỉnh lại nội dung để linh động hơn trong việc thực hiện. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | dồn phiếu" hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.<br>- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản a Điều này. | thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.<br>- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản 1 Điều này. | Điều chỉnh nội dung cho phù hợp. |
| 19 | **Khoản 1 Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**<br>*(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18; Điều 22, 24 Điều lệ công ty)*<br>1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. | **Khoản 1 Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**<br>*(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18; Điều 22, 24 Điều lệ công ty)*<br>1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tối thiểu mười (10) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. | Căn cứ điểm b Khoản 3 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC |
| 20 | (Chưa quy định) | **Khoản 4 Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**<br>4. Hình thức gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản<br>a. Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử:<br>- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên (được viết tay), đóng dấu (nếu là tổ chức) | Bổ sung quy định về hình thức gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **của đại biểu.**<br>**- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.**<br>**- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.**<br>**b. Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử**<br>**i. Cung cấp tài khoản truy cập**<br>**- Thông tin tài khoản truy cập được Công ty thông báo cho đại biểu kèm theo Phiếu lấy ý kiến cổ đông qua hình thức gửi thư đảm bảo.**<br>**- Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin truy cập, Công ty có thể thông báo qua các hình thức: trực tiếp, gửi thư, thư điện tử, điện thoại hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Việc cung cấp thông tin truy cập được thực hiện dựa trên thông tin từ danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty.**<br>**ii. Thực hiện bỏ phiếu điện tử**<br>**· Nguyên tắc thực hiện** | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | - Đại biểu chỉ có thể thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử kể từ khi nhận được Phiếu lấy ý kiến cổ đông cho đến thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến theo thông báo của Công ty.<br>- Trong thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Công ty, Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.<br>- Trong thời gian bỏ phiếu đã thông báo của Công ty, Đại biểu có thể thay đổi lại quyết định bỏ phiếu của mình trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết thúc thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Công ty, Đại biểu không được thay đổi kết quả bỏ phiếu của mình và kết quả cuối cùng này sẽ được Công ty kiểm phiếu và công bố thông tin.<br>· Cách thức thực hiện<br>- Đại biểu sử dụng tài khoản truy cập do Công ty cấp để truy cập trực tiếp vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung biểu quyết/bầu cử cần lấy ý kiến cổ đông.<br>· Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử kết hợp gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử.<br>Thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này. | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| 21 | **Khoản 4 Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**<br>4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:<br>Hội đồng quản trị **kiểm phiếu** và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:<br>… | **Khoản 5 Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**<br>5. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:<br>Hội đồng quản trị **tổ chức** kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:<br>… | Căn cứ Khoản 5 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020. |
| 22 | **Khoản 4 Điều 40. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT**<br>4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty **theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;** | **Khoản 4 Điều 40. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT**<br>4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty; | Điều chỉnh lại nội dung |
| 23 | **Khoản 1 Điều 41. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT**<br>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị | **Khoản 1 Điều 41. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT**<br>1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. | công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. **Quy trình cung cấp thông tin theo quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.** | Bổ sung trích dẫn thực hiện |
| **24** | **Khoản 2 Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT**<br>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.. | **Khoản 2 Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT**<br>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. **Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.** | Căn cứ Khoản 3 Điều 154 Luật doanh nghiệp 2020 |
| **25** | **(Chưa quy định)** | **Bổ sung điểm c Khoản 3 Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT**<br>**c. Thành viên Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:**<br>**- Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực** | Bổ sung làm rõ quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị khi cần thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.**<br>**- Thành viên Hội đồng quản trị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.**<br>**- Hội đồng quản trị có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.** | |
| **26** | **Khoản 1 Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**<br>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. | **Khoản 1 Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**<br>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. **Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. **Văn bản đề cử ứng cử viên ghi rõ tên cổ đông hoặc nhóm cổ đông, số** | Bổ sung quy định, căn cứ theo Điểm a Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ.<br><br>Bổ sung quy trình hướng dẫn việc đề cử, |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại thời điểm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị và các thông tin liên quan đến ứng cử viên (hồ sơ ứng cử viên) theo quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty.**<br>**Việc đề cử ứng cử viên đối với hình thức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:**<br>**- Trường hợp Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đề nghị bằng văn bản về việc đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị trước 15 (mười lăm) ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét họp thông qua trong vòng 5 (năm) ngày kể từ khi nhận được đề nghị đề cử, ứng cử và công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu có quyết định từ chối ứng cử viên, Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày Hội đồng quyết định và phải nêu rõ lý do từ chối.**<br>**- Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử không đảm bảo tối thiểu 15 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị gửi thông báo thời gian xem xét hồ sơ ứng cử viên đến cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong vòng 3 (ba) ngày kể từ ngày nhận đề cử, ứng cử. Trong thời gian xem xét nêu trên, Hội đồng quản trị sẽ công bố thông tin ứng cử viên ngay khi Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ ứng cử viên. Trường hợp Hội đồng quản trị không có đủ thời gian xem xét như** | ứng cử thành viên Hội đồng quản trị. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | đã thông báo, Hội đồng quản trị sẽ trình thông tin để cử, ứng cử này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.<br>Việc đề cử ứng cử viên đối với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:<br>- Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Quy chế đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị (biểu mẫu và các thông tin liên quan đến việc đề cử, ứng cử) ngay khi Hội đồng quản trị quyết định thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bầu cử.<br>- Trường hợp Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đề nghị bằng văn bản về việc đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị trước 5 (năm) ngày Công ty phải gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét họp thông qua trong vòng 5 (năm) ngày kể từ khi nhận được đề nghị đề cử, ứng cử. Nếu có quyết định từ chối ứng cử viên, Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày Hội đồng quyết định và phải nêu rõ lý do từ chối.<br>- Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử không đảm bảo tối thiểu trước 5 (năm) ngày Công ty phải gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Hội đồng quản trị sẽ không tiếp nhận đề nghị đề cử ứng cử viên, và sẽ báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất (nếu có). | |
| 27 | Khoản 3 Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Hội | Khoản 3 Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Hội | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | **đồng quản trị**<br>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. | **đồng quản trị**<br>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, **Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.** Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. | Bổ sung quy định cụ thể để có căn cứ thực hiện trong trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| **28** | **Điều 48. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**<br>Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công | **Điều 48. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**<br>Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị **theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Quy chế này**, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ | Bổ sung trích dẫn quy định rõ để rõ ràng hơn. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. | một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. | |
| **29** | **Điều 52. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường**<br>*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)*<br>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:<br>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;<br>b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;<br>c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;<br>d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.<br>2. Đề nghị quy định tại **khoản 3** Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.<br>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải **triệu tập họp Hội đồng quản trị** trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch | **Điều 52. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường**<br>*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)*<br>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:<br>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;<br>b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;<br>c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;<br>d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.<br>2. Đề nghị quy định tại **khoản 1** Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.<br>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải **gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị** trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này **và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đề nghị.** Trường hợp không triệu tập họp | Bổ sung quy định cụ thể để phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. | Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị**, quy trình triệu tập tương tự như Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập theo đề nghị.** | |
| 30 | **Khoản 1 Điều 53. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát**<br>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. | **Khoản 1 Điều 53. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát**<br>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, **hình thức họp**, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. | Cập nhật phù hợp với Thông báo mời họp, phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| 31 | **Điều 54. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**<br>*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)*<br>Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại **khoản** này không đủ số thành viên dự họp theo quy định **thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.** Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số | **Điều 54. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**<br>*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)*<br>Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại **điều** này không đủ số thành viên dự họp theo quy định **thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp lần thứ hai đến thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 ngày kể từ ngày dự định** | Làm rõ vấn đề triệu tập họp Hội đồng quản trị khi không đủ điều kiện tiến hành; |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | thành viên Hội đồng quản trị dự họp. | **họp lần thứ nhất và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ hai phải được tổ chức không quá 12 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.** Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. | phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| **32** | **Khoản 1 Điều 55. Cách thức biểu quyết**<br>1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:<br>…<br>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định **tại Điều này**; | **Khoản 1 Điều 55. Cách thức biểu quyết**<br>1. **Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.** Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:<br>…<br>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định **tại Điều 57 Quy chế này**; | Bổ sung quy định để rõ ràng hơn |
| **33** | **Điều 56. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**<br>*(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)*<br>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. | **Điều 56. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**<br>*(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)*<br>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.<br>**Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu** | Căn cứ khoản 2 Điều 167 Luật doanh |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 42 Điều lệ công ty.** | nghiệp 2020 |
| **34** | **Điều 57. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**<br>*(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)*<br>Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. **Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.** | **Điều 57. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**<br>*(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)*<br>Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. **Thành viên được ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc cho người khác (không phải thành viên Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận) dự họp và biểu quyết.** | Căn cứ theo khoản 11 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020, làm rõ quy định về việc ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| **35** | **Khoản 3 Điều 67. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**<br>3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:<br>…<br>f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. **Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu** | **Khoản 3 Điều 67. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**<br>3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:<br>…<br>f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. | Điều chỉnh nội dung |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. | | |
| 36 | **Khoản 4 Điều 67. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**<br>(Chưa quy định) | **Khoản 4 Điều 67. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**<br>4. Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận các yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 1, Điều 45 Điều lệ Công ty và thực hiện việc các đề nghị cung cấp thông tin theo yêu cầu này đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc các người quản lý khác. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao. | Bổ sung quy định chi tiết khi cung cấp thông tin. |
| 37 | **Khoản 1, Khoản 3 Điều 70. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**<br>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.<br>…<br>3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương | **Khoản 1, khoản 3 Điều 70. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**<br>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% được đề cử đủ số ứng viên.<br>…<br>3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát công bố | Điều chỉnh lại để chặt chẽ hơn; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ.<br>Quy định cụ thể về |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. | **thông tin về việc số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.** Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. | việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| **38** | (Chưa quy định) | **Khoản 3 Điều 72. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**<br>**3. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và quyền nhận thù lao của thành viên Ban kiểm soát ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:**<br>**- Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.**<br>**- Thành viên Ban kiểm soát đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm** | Bổ sung làm rõ quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát khi cần thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **hành nghề hoặc làm công việc nhất định.**<br>**- Ban kiểm soát có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Ban kiểm soát, thực hiện tương tự quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.** | |
| **39** | **Điều 77. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc**<br>Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 76 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc. | **Điều 77. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc**<br>Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền **ứng cử,** đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 76 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc. | Bổ sung nội dung |
| **40** | **Khoản 6 Điều 87. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS**<br>6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS.<br>a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.<br>b. Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát. | **Khoản 6 Điều 87. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS**<br>6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS.<br>a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.<br>b. Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát**, trừ những thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của** | Bổ sung nội dung |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | Công ty. | |
| 41 | **Điểm c khoản 2 Điều 88. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên**<br>2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc:<br>BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.<br>…<br>c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;<br>… | **Điểm c khoản 2 Điều 88. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên**<br>2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc:<br>BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.<br>…<br>c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ, **nhằm mục đích thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao**;<br>… | Bổ sung quy định khi thực hiện cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát. |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# (Dự thảo)

# QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre)*

*Bến Tre, ngày 26 tháng 06 năm 2025*

# MỤC LỤC

**Chương I** ---- **6**
**QUY ĐỊNH CHUNG** ---- **6**
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng ---- 6
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt ---- 6
**Chương II** ---- **7**
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG** ---- **7**
**I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (TRỰC TIẾP, TRỰC TUYẾN, TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN)** ---- **7**
**Mục 1** ---- **7**
**QUY ĐỊNH CHUNG** ---- **7**
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông ---- 7
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông ---- 7
Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông ---- 8
Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông ---- 10
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông ---- 10
Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông ---- 11
Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông ---- 12
Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông ---- 13
Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ---- 13
Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ---- 13
Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua ---- 14
Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu ---- 15
Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông ---- 15
Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ---- 16
Điều 17. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ---- 16
**Mục 2** ---- **17**
**QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI TỪNG HÌNH THỨC HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP** ---- **17**
**Mục 2.1** ---- **17**
**QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TIẾP** ---- **17**
Điều 18. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp ---- 17
Điều 19. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp ---- 17
Điều 20. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp ---- 18
Điều 21. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp ---- 19
Điều 22. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp ---- 20
**Mục 2.2** ---- **20**
**QUY ĐỊNH RIÊNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TUYẾN** ---- **20**
Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến ---- 20
Điều 24. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử ---- 21
Điều 25. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến ---- 21
Điều 26. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến ---- 22

Điều 27. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến ----------22
Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến ----------22
Điều 29. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến ----------23
Điều 30. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến ----------23
**Mục 2.3 ----------23**
**QUY ĐỊNH RIÊNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN----------23**
Điều 31. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến --------23
Điều 32. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến ----------23
Điều 33. Hình thức thông qua nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến23
Điều 34. Cách thức bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến ----------24
Điều 35. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến ----------24
Điều 36. Lập biên bản họp tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến ----------24
**II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN ----------24**
Điều 37. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản----------24
Điều 38. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản----------24
Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản----------24
**Chương III ----------27**
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ----------27**
**Mục 1 ----------27**
**QUY ĐỊNH CHUNG----------27**
Điều 40. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT ----------27
Điều 41. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT ----------28
**Mục 2 ----------29**
**QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT ----------29**
Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT ----------29
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT----------30
Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị ----------30
Điều 45. Cách thức bầu thành viên HĐQT----------31
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ----------32
Điều 47. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ----------32
Điều 48. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị ----------33
Điều 49. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị ----------33
**Mục 3 ----------34**
**THÙ LAO, LƯƠNG THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ----------34**
Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị----------34
**Mục 4 ----------35**
**QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ -----35**
Điều 51. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm----------35

Điều 52. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường ----------35
Điều 53. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát ----------35
Điều 54. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị----------36
Điều 55. Cách thức biểu quyết ----------36
Điều 56. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị----------37
Điều 57. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị----------37
Điều 58. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị----------38
Điều 59. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị -------38
Điều 60. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị----------38
**Mục 5 ---------- 39**
**CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ---------- 39**
Điều 61. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT ----------39
**Mục 6 ---------- 39**
**LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 39**
Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty ----------39
Điều 63. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty----------39
Điều 64. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty ----------39
Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty----------39
Điều 66. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty----------40
**Chương IV ---------- 40**
**BAN KIỂM SOÁT ---------- 40**
**Mục 1 ---------- 40**
**QUY ĐỊNH CHUNG ---------- 40**
Điều 67. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát40
**Mục 2 ---------- 41**
**QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM KỲ, SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN, CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT ---------- 41**
Điều 68. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát----------41
Điều 69. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát ----------42
Điều 70. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát----------42
Điều 71. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát----------43
Điều 72. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ----------43
Điều 73. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ----------44
Điều 74. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát----------44
**Chương V ---------- 44**
**TỔNG GIÁM ĐỐC ---------- 44**
Điều 75. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc ----------44
Điều 76. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc ----------45
Điều 77. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc----------45
Điều 78. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc----45
Điều 79. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc ----------46
Điều 80. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc ----------46

**Chương VI** ---------- **46**
**CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC** ---------- **46**
**Mục 1** ---------- **46**
**QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC** ---------- **46**
Điều 81. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc ----------46
Điều 82. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát ---------46
Điều 83. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc--------46
Điều 84. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị ----------47
Điều 85. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao----------48
Điều 86. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc----------48
Điều 87. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát----------48
Điều 88. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên ----------49
**Mục 2** ---------- **51**
**QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**---- **51**
Điều 89. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác ----------51
Điều 90. Khen thưởng----------52
Điều 91. Kỷ luật ----------52
**Chương VII** ---------- **52**
**SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY** ---------- **52**
Điều 92. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty----------52
**Chương VIII** ---------- **53**
**NGÀY HIỆU LỰC**---------- **53**
Điều 93. Ngày hiệu lực----------53

# Chương I
# QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

## Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty;

2. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

3. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

4. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

5. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

6. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

7. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

8. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

9. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

10. *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên

11. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.

12. *Thành viên HĐQT không điều hành* là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

13. *Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu* là bộ phận phụ trách công tác xác định điều kiện tiến hành đại hội cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

14. *Công ty* là  Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre

15. *HĐQT* là Hội đồng quản trị

16. *Ứng cử* là tự đề cử

17. *BKS* là Ban kiểm soát

18. *VSDC* là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

19. *Đại biểu* là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)

20. *Người phụ trách quản trị công ty* là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

21. *Đại hội trực tuyến* là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

22. *Bỏ phiếu điện tử* là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử được quy định tại Quy chế này.

23. *Tên đăng nhập, mật khẩu truy cập* bao gồm thông tin tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được Công ty cấp duy nhất cho từng cổ đông.

24. *Địa chỉ liên lạc* là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc

25. *Bí mật kinh doanh* là những thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, lao động chưa được công bố và có khả năng được sử dụng trong kinh doanh

## Chương II
## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (TRỰC TIẾP, TRỰC TUYẾN, TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN)

### Mục 1
### QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ công ty.

**Điều 4.  Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Điều lệ công ty)*

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. HĐQT phải xác định ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;

3. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp;

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

5. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

6. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 20 Điều lệ công ty)*

**1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:**

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g. Đoàn Chủ tọa không quá 05 người, bao gồm 01 Chủ tịch và các thành viên.

h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

**2. Thư ký đại hội:**

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;

- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

**3. Ban kiểm phiếu:**

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

**4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:**

a. Người triệu tập đại hội cổ đông theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội bao gồm tối thiểu 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và một số thành viên.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Trưởng Ban kiển tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.
- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

**Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty; Quy chế thực hiện quyền của VSDC)*

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc các Quy định khác của pháp luật (áp dụng khi Công ty chưa đăng ký chứng khoán tại VSDC).

**Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 143 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14)*

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử. Lưu ý, trong trường hợp mời họp Đại hội cổ đông bằng hình thức trực tuyến thì Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

**Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp và Điều 18 Điều lệ công ty)*

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trong trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc người kiến nghị đề nghị trao đổi/thảo luận thì hai bên phải trao đổi/thảo luận trước khi người triệu tập họp trả lời bằng văn bản về việc từ chối. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp; Điều 16, Khoản 1, 2, 5 Điều 20 Điều lệ công ty)*

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này (trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được uỷ quyền cho mỗi đại diện).

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty;

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

**Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty)*

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

**Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 147 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 22 Điều lệ công ty)*

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:

a. Cuộc họp trực tiếp

b. Hội nghị trực tuyến

c. Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (Quy định tại Phần II – Chương này):

a. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng gửi thư, fax hoặc thư điện tử;

b. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử;

c. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng gửi thư, fax hoặc thư điện tử kết hợp bỏ phiếu điện tử.

**Điều 12. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 147 và Điều 167 Luật doanh nghiệp; Điều 15 Điều lệ công ty)*

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

2. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

3. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

4. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

5. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

6. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

7. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

8. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

9. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

10. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

11. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

12. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

13. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

14. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

15. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

16. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

17. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

18. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

19. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

20. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

21. Phê duyệt, bổ sung, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

22. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**Điều 13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

*(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)*

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty;

f. Gia hạn hoạt động công ty;

2. Các Nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị /Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị /Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ toạ/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

**Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 132, Điều 151 Luật doanh nghiệp)*

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật này;

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

**Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)*

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết;

h. Tổng hợp số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

**Điều 17. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

*(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)*

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản

(nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## Mục 2
## QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI TỪNG HÌNH THỨC HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP

### Mục 2.1
### QUY ĐỊNH RIÊNG VỚI HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TIẾP

**Điều 18. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

**Điều 19. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)*

1. Nguyên tắc chung:

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Thẻ biểu quyết :

- **Thẻ biểu quyết hợp lệ:** là thẻ theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,… không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho Thẻ này.

- **Thẻ biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Thẻ biểu quyết hợp lệ.

b. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,… không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này. Trường hợp bỏ phiếu trực tiếp/bỏ phiếu từ xa (thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ công ty) phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (được viết tay) của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ.

c. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu. Trường hợp bỏ phiếu trực tiếp/bỏ phiếu từ xa (thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ công ty) phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (được viết tay) của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu.

- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

• Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ

• Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;

• Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

• Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

**Điều 20. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)*

1. Nguyên tắc chung:

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng đại biểu Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết:

- Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp: đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (được viết tay) của đại biểu.

- Khi biểu quyết được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

**Điều 21. Cách thức bỏ phiếu bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)*

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Việc bầu cử được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp thay đổi ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể tại Quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông;

- Nguyên tắc trúng cử:

• Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

• Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

• Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 20 Quy chế này.

**Điều 22. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp**

*(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)*

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

## Mục 2.2
## QUY ĐỊNH RIÊNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TUYẾN

**Điều 23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.

- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật: Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet…).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 24 Quy chế này và đã thực hiện xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

**Điều 24. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử**

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp, gửi thư, thư điện tử, điện thoại hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Việc cung cấp thông tin đăng nhập được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ của Công ty.

3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

**Điều 25. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 điều 9 Quy chế này.

2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

- Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

- Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

• Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.

• Giấy ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên (được viết tay), đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.

• Giấy ủy quyền bản chính phải được gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Trường hợp cổ đông chưa tham dự đại hội và đã tiến hành ủy quyền trực tuyến thì việc ủy quyền có hiệu lực khi Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về cho đến khi bế mạc Đại hội.

- Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Trường hợp bên nhận ủy quyền đã tham dự Đại hội thì thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn

bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

**Điều 26. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến**

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;

- Chỉ có Đại biểu mới Được tham gia thảo luận;

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

**Điều 27. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

**Điều 28. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến**

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "không có ý kiến" với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:

- Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử theo hướng dẫn tại Quy chế bầu cử trực tuyến được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

- Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản 1 Điều này.

3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

**Điều 29. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến**

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.

**Điều 30. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

- Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.

- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

## Mục 2.3
## QUY ĐỊNH RIÊNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP TRỰC TIẾP KẾT HỢP TRỰC TUYẾN

**Điều 31. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 và Điều 23 Quy chế này.

**Điều 32. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 và Điều 25 Quy chế này.

**Điều 33. Hình thức thông qua nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 27 Quy chế này.

**Điều 34. Cách thức bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21 và Điều 28 Quy chế này.

**Điều 35. Cách thức kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 và Điều 29 Quy chế này.

**Điều 36. Lập biên bản họp tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 và Điều 30 Quy chế này.

## II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

**Điều 37. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

*(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)*

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

b. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

c. Định hướng phát triển Công ty;

d. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

g. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm

h. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

i. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

j. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

k. Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

**Điều 38. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản**

HĐQT được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong tất cả trường hợp khi xét thấy cần thiết trừ việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên.

**Điều 39. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

*(Căn cứ quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 18; Điều 22, 24 Điều lệ công ty)*

1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản tối thiểu mười (10) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có

quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- Phương án bầu cử (nếu có);

- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Hình thức gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a. Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử:

- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên (được viết tay), đóng dấu (nếu là tổ chức) của đại biểu.

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung

phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

b. Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử

i. Cung cấp tài khoản truy cập

- Thông tin tài khoản truy cập được Công ty thông báo cho đại biểu kèm theo Phiếu lấy ý kiến cổ đông qua hình thức gửi thư đảm bảo.

- Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin truy cập, Công ty có thể thông báo qua các hình thức: trực tiếp, gửi thư, thư điện tử, điện thoại hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Việc cung cấp thông tin truy cập được thực hiện dựa trên thông tin từ danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty.

ii. Thực hiện bỏ phiếu điện tử

- Nguyên tắc thực hiện

- Đại biểu chỉ có thể thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử kể từ khi nhận được Phiếu lấy ý kiến cổ đông cho đến thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến theo thông báo của Công ty.

- Trong thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Công ty, Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.

- Trong thời gian bỏ phiếu đã thông báo của Công ty, Đại biểu có thể thay đổi lại quyết định bỏ phiếu của mình trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết thúc thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Công ty, Đại biểu không được thay đổi kết quả bỏ phiếu của mình và kết quả cuối cùng này sẽ được Công ty kiểm phiếu và công bố thông tin.

- Cách thức thực hiện

- Đại biểu sử dụng tài khoản truy cập do Công ty cấp để truy cập trực tiếp vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung biểu quyết/bầu cử cần lấy ý kiến cổ đông.

- Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử kết hợp gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử.

- Thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này.

5. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);

- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

## Chương III
## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
### Mục 1
### QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 40. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Điều 278, 297 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;

2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;

3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;

4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty;

5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty;

9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

**Điều 41. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Điều 277 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. Quy trình cung cấp thông tin theo quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

## Mục 2
## QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT

**Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty)*

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

c. Thành viên Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:

- Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Thành viên Hội đồng quản trị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

- Hội đồng quản trị có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động

của Hội đồng quản trị.

d. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

e. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

**Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)*

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của 01 công ty đại chúng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

**Điều 44. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Khoản 1,2,3 Điều 25 Điều lệ công ty)*

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Văn bản đề cử ứng cử viên ghi rõ tên cổ đông hoặc nhóm cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại thời điểm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị và các thông tin liên quan đến ứng cử viên (hồ sơ ứng cử viên) theo quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty.

Việc đề cử ứng cử viên đối với hình thức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Trường hợp Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đề nghị bằng văn bản về việc đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị trước 15 (mười lăm) ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét họp thông qua trong vòng 5 (năm) ngày kể từ khi nhận được đề nghị đề cử, ứng cử và công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu có quyết định từ chối ứng cử viên, Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày Hội đồng quyết định và phải nêu rõ lý do từ chối.

- Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử không đảm bảo tối thiểu 15 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị gửi thông báo thời gian xem xét hồ sơ ứng cử viên đến cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong vòng 3 (ba) ngày kể từ ngày nhận đề cử, ứng cử. Trong thời gian xem xét nêu trên, Hội đồng quản trị sẽ công bố thông tin ứng cử viên ngay khi Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ ứng cử viên. Trường hợp Hội đồng quản trị không có đủ thời gian xem xét như

đã thông báo, Hội đồng quản trị sẽ trình thông tin đề cử, ứng cử này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc đề cử ứng cử viên đối với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Quy chế đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị (biểu mẫu và các thông tin liên quan đến việc đề cử, ứng cử) ngay khi Hội đồng quản trị quyết định thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bầu cử.

- Trường hợp Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đề nghị bằng văn bản về việc đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị trước 5 (năm) ngày Công ty phải gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét họp thông qua trong vòng 5 (năm) ngày kể từ khi nhận được đề nghị đề cử, ứng cử. Nếu có quyết định từ chối ứng cử viên, Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày Hội đồng quyết định và phải nêu rõ lý do từ chối.

- Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử không đảm bảo tối thiểu trước 5 (năm) ngày Công ty phải gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Hội đồng quản trị sẽ không tiếp nhận đề nghị đề cử ứng cử viên, và sẽ báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất (nếu có).

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

**Điều 45. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)*

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu

bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

**Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ Điều 160 Luật doanh nghiệp)*

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 47. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của Luật hiện hành.

**Điều 48. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Quy chế này, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

**Điều 49. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có

người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

## Mục 3
## THÙ LAO, LƯƠNG THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 50. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

*(Căn cứ quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty)*

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

## Mục 4
## QUY ĐỊNH VỀ TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Điều 51. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

**Điều 52. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, quy trình triệu tập tương tự như Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập theo đề nghị.

**Điều 53. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)*

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, hình thức họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo

đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

**Điều 54. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ công ty)*

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp lần thứ hai đến thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ hai phải được tổ chức không quá 12 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

**Điều 55. Cách thức biểu quyết**

*(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)*

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 57 Quy chế này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định pháp luật (nếu có).

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 42 Điều lệ công ty;

c. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp  trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

**Điều 56. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)*

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 42 Điều lệ công ty.

**Điều 57. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ Điều 30 Điều lệ công ty)*

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc cho người khác (không

phải thành viên Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận) dự họp và biểu quyết.

**Điều 58. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp)*

Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian, địa điểm họp;

c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 59 Quy chế này.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

**Điều 59. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điều 158 Luật doanh nghiệp)*

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều 58 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

**Điều 60. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị**

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện

thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

## Mục 5
## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 61. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

*(Căn cứ, Điều 31 Điều lệ công ty)*

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## Mục 6
## LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Điều 62. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

*(Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty)*

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

### Điều 63. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

*(Căn cứ Khoản 1 Điều 32 Điều lệ công ty)*

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

### Điều 64. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### Điều 65. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan

hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

**Điều 66. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty**

*(Căn cứ Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)*

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## Chương IV
## BAN KIỂM SOÁT
### Mục 1
### QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 67. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ Điều 287, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP )*

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định

tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

4. Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận các yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 1, Điều 45 Điều lệ Công ty và thực hiện việc các đề nghị cung cấp thông tin theo yêu cầu này đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc các người quản lý khác. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.

## Mục 2
## QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM KỲ, SỐ LƯỢNG, THÀNH PHẦN, CƠ CẤU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

**Điều 68. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 168 Luật doanh nghiệp, Khoản 1 Điều 37 Điều lệ công ty)*

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

**Điều 69. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 37 Điều lệ công ty)*

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy đinh tại khoản 02 Điều 169 của luật doanh nghiệp.

3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Điều 70. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ; Điều 36 Điều lệ công ty)*

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**Điều 71. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty)*

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử, Quy chế hoạt đông Ban kiểm soát hoặc Điều lệ công ty.

2. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

**Điều 72. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 174 Luật doanh nghiệp)*

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và quyền nhận thù lao của thành viên Ban kiểm soát ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:

- Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Thành viên Ban kiểm soát đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

- Ban kiểm soát có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Ban kiểm soát, thực hiện tương tự quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Điều 73. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

**Điều 74. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Điều 172 Luật doanh nghiệp)*

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

**3.** Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

## Chương V
## TỔNG GIÁM ĐỐC

**Điều 75. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc**

*(Căn cứ Khoản 2, 4 Điều 35 Điều lệ công ty)*

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g. Tuyển dụng lao động;

h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Điều 76. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty)*

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

**Điều 77. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền ứng cử, đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 76 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng Giám đốc.

**Điều 78. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

*(Căn cứ Khoản 1, Khoản 5 Điều 35 Điều lệ công ty)*

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

Hội đồng quản trị có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty.

**Điều 79. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

**Điều 80. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc**

*(Căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty)*

1. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

**2.** Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

## Chương VI
## CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC
### Mục 1
### QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

**Điều 81. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị được quy định tại Mục 4 Chương 3 Quy chế này.

**Điều 82. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật doanh nghiệp)*

Nghị quyết/ Quyết định, biên bản họp Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 83. Thông báo Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc**

Nghị quyết/ Quyết định Hội đồng quản trị (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 84. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị**

*(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Khoản 4 Điều 35, Điều 39 Điều lệ công ty)*

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị

a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi có yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp.

- Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 5 Điều 39 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;

- Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;

2. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

a. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

e. Xin ý kiến Hội đồng quản trị đối với Bảng Báo cáo tài chính kiểm toán (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua;

f. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

g. Xin ý kiến Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;

h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

**Điều 85. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

*(Căn cứ quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty)*

1. Báo cáo về tình hình thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;

4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;

5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;

6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

**Điều 86. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc**

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 75 Quy chế này, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc.

**Điều 87. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

*(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 42, Điều 44 Điều lệ công ty)*

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị.

a) Các nội dung theo Điều 84 Quy chế này;

b) Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.

c) Các nội dung khác cần xin ý kiến, báo cáo cho Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

d) Riêng trường hợp chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải

thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Ban kiểm soát.

a. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

b. Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát, trừ những thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của Công ty.

c. Cách thức thông báo cho Ban kiểm soát thực hiện như đối với Hội đồng quản trị.

**Điều 88. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên**

1. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị:

Ban kiểm soát có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:

a. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;

c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải thảo luận thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50%

trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;

g. Các nội dung kiến nghị đến Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc;

h. Hội đồng quản trị tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát.

a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc  để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải thảo luận thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ, nhằm mục đích thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao;

d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của Ban kiểm soát phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;

e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của Ban kiểm soát phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

f.  Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

a. Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;

d. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 84 Quy chế này Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi của Hội đồng quản trị.

## Mục 2

## QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

### Điều 89. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được Hội đồng quản trị cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v….

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

**Điều 90. Khen thưởng**

1. Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 89 của Quy chế này.

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do Hội đồng quản trị hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..

4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất Hội đồng quản trị phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Điều 91. Kỷ luật**

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

**3.** Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tuỳ theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## Chương VII

## SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

**Điều 92. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty**

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

## Chương VIII
## NGÀY HIỆU LỰC

**Điều 93. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 93 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre nhất trí thông qua ngày 26 tháng 06 năm 2025 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

# QUY TRÌNH CUNG CẤP THÔNG TIN

| Thứ tự thực hiện | Lưu đồ | Người thực hiện | Hướng dẫn/ Mẫu biểu |
|---|---|---|---|
| **Bước 1** | Đề nghị cung cấp thông tin | - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông[1]<br>- Ban kiểm soát[2]<br>- Thành viên Hội đồng quản trị[3]<br>- Thành viên Ban kiểm soát[4]<br>- Người điều hành[5] | - Đề nghị cung cấp thông tin bằng văn bản **(Mẫu 01).**<br>- Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin phải kèm theo bản gốc hoặc bản sao công chứng giấy ủy quyền theo đúng quy định Pháp luật**.** |
| **Bước 2** | Nhận được đề nghị cung cấp thông tin | Công ty | |
| **Bước 3** | **Không đồng ý**<br>Xem xét<br>**Đồng ý** | Hội đồng quản trị | - Thời gian xem xét tối đa 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị cung cấp thông tin.<br>- Thời gian phản hồi không đồng ý đề nghị cung cấp thông tin tối đa 02 ngày làm việc kể từ khi HĐQT quyết định từ chối cung cấp thông tin. |
| **Bước 4** | Cung cấp thông tin theo yêu cầu | Người quản lý | - Thời gian người quản lý cung cấp thông tin tối đa 7 ngày làm việc kể từ khi HĐQT đồng ý cung cấp thông tin.<br>- Cung cấp thông tin tại trụ sở chính/ văn phòng đại diện/ chi nhánh Công ty.<br>- Chi phí phát sinh do sao y hồ sơ (nếu có) từ việc cung cấp thông tin sẽ do người đề nghị cung cấp thông tin chi trả. |
| **Bước 5** | Báo cáo HĐQT về việc cung cấp thông tin | Người quản lý | |

*(1) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: theo quy định tại Điều 12, Điều 45 Điều lệ Công ty.*
*(2) Ban kiểm soát: theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.*
*(3), (4), (5) Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành: theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty.*

**MẪU 01**
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

**Kính gửi: Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre**

## I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN:

1. Người đề nghị:.....
   Người đại diện theo pháp luật *(Đối với cổ đông tổ chức)*:.....
2. Đối tượng đề nghị cung cấp thông tin:

☐ Cổ đông/nhóm cổ đông
☐ Thành viên Ban kiểm soát
☐ Ban kiểm soát
☐ Người điều hành
☐ Thành viên Hội đồng quản trị

3. Địa chỉ liên lạc/Trụ sở chính:.....
4. Quốc tịch:.....
5. Số CCCD/CMND/Hộ chiếu/CNĐKDN: …….Ngày cấp:……. Nơi cấp: ……
6. Điện thoại liên hệ:…..……..Email: .....
7. Số lượng cổ phần sở hữu/Đại diện sở hữu:……..cổ phiếu, tại ngày .....

## II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN:

Mục đích đề nghị cung cấp thông tin .....
.....
.....
Bằng văn bản này, Tôi/Chúng tôi đề nghị Công ty cung cấp thông tin sau: .....
.....
.....
Tôi/Chúng tôi cam kết các nội dung sau đây:

- Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật;
- Chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện đúng mục đích cho công việc được giao/bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình;
- Không phát tán hoặc sao chép, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định pháp luật;
- Chi trả đầy đủ các chi phí phát sinh do sao y hồ sơ (nếu có) từ việc cung cấp thông tin này;
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp sử dụng thông tin sai mục đích.

Xin trân trọng cảm ơn!

*……, ngày ……tháng ……năm 20..*
**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN**
*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

# BIÊN BẢN HỌP NHÓM
# ĐÍNH KÈM VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN

Hôm nay, ngày ...../...../20…, tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre, cùng nhau nắm giữ .....cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

| STT | Tên cổ đông | CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN | Địa chỉ liên lạc | Số lượng cổ phần sở hữu | Chữ ký cổ đông/ Chữ ký, đóng dấu nếu là tổ chức |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| … | | | | | |
| **Tổng cộng** | | | | | |

**Chúng tôi cùng nhất trí cử:**

- Họ và Tên: .....
- Số CCCD/CMND/Hộ chiếu/CNĐKDN: .....

Ngày cấp:…….Nơi cấp: .....

**Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề nghị cung cấp thông tin tại Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre, nội dung cụ thể như sau:**

Mục đích đề nghị cung cấp thông tin: .....

.....

.....

.....

Bằng văn bản này, Chúng tôi đề nghị Công ty cung cấp thông tin sau:.....

.....

.....

.....

.....

Chúng cam kết các nội dung sau đây:

- Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật;
- Chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình;
- Không phát tán hoặc sao chép, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định pháp luật;
- Chi trả đầy đủ các chi phí phát sinh do sao y hồ sơ (nếu có) từ việc cung cấp thông tin này;
- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp sử dụng thông tin sai mục đích.

Xin trân trọng cảm ơn!

*……, ngày ……tháng ……năm 20..*

**NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ CỬ ĐẠI DIỆN NHÓM**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

*(1) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: theo quy định tại Điều 12, Điều 45 Điều lệ Công ty.*
*(2) Ban kiểm soát: theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.*
*(3), (4), (5) Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành: theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Công ty.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (075) 3826 358 ; Website: www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

Số: 31/TTr-HĐQT

*Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

# TỜ TRÌNH
## Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*

*- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;*

*- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*

*- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị lần 2 năm 2025 ngày 02/06/2025.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre để phù hợp với quy định hiện hành.

(***Đính kèm Nội dung sửa đổi*** và ***Toàn văn Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre***).

Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công trình Đô Thị Bến Tre.

Các nội dung được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

**NGUYỄN TẤN VŨ**

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2019);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định 155/2020/NĐ-CP);*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (Thông tư 116/2020/TT-BTC).*

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| **1.** | Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng<br>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng<br>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, **Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty** và các quy định khác của pháp luật có liên quan. | Bổ sung nội dung đầy đủ hơn |
| **2.** | | **Bổ sung Điểm i Khoản 1 Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ:**<br>1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:<br>…<br>i) ***Bí mật kinh doanh* là những thông tin thu được** | Làm rõ các thuật ngữ để tránh xung đột, ảnh |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, lao động chưa được công bố và có khả năng được sử dụng trong kinh doanh.** | hưởng đến lợi ích chung của các cổ đông, phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| **3.** | **Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**<br>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.<br>2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin tại **điểm q khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty**. | **Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**<br>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty **có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Hội đồng quản trị nếu được Hội đồng quản trị thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.**<br>2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định chi tiết tại **Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty**. | Bổ sung quy định khi thực hiện cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị.<br>Điều chỉnh nội dung trích dẫn phù hợp hơn |
| **4.** | **Khoản 4, Khoản 5 Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị** | **Khoản 4, Khoản 5 Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị** | Điều chỉnh câu từ |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc **bị bãi miễn**, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc **bị bãi miễn**.<br><br>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị. | 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc **bị bãi nhiệm, miễn nhiệm**, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc **bị bãi nhiệm, miễn nhiệm**.<br>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác **của Hội đồng quản trị** thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị. | Bổ sung nội dung đầy đủ hơn |
| **5.** | **(Chưa quy định)** | **Bổ sung Khoản 2 Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**<br>**2. Thành viên Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đầy đủ** | Bổ sung làm rõ quyền |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:**<br>**- Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.**<br>**- Thành viên Hội đồng quản trị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.**<br>**- Hội đồng quản trị có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều này.**<br>**3. Trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ nhiệm/từ chức, trình tự và thủ tục tiếp nhận cụ thể như sau:**<br>**a) Để thông báo từ nhiệm/từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức phải gửi Đơn từ nhiệm/từ chức đến Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:**<br>**- Chức vụ từ nhiệm/từ chức;**<br>**- Lý do từ nhiệm/từ chức;** | và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị khi cần thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ.<br><br>Bổ sung Quy trình cụ thể |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | - Thời điểm có hiệu lực (ghi rõ ngày bắt đầu có hiệu lực);<br>- Chữ ký và ghi rõ họ tên (được viết tay) của thành viên Hội đồng quản trị.<br>b) Quy trình xử lý đơn từ nhiệm/từ chức của thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điểm a khoản này như sau:<br>- Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn từ nhiệm/từ chức.<br>- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đơn từ nhiệm/từ chức và chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.<br>- Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đơn từ nhiệm/từ chức.<br>+ Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức vẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị.<br>+ Trường hợp Hội đồng quản trị không thông | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức đến thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc sau ngày có quyết định.**<br>**- Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức phải được công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có quyết định.**<br>**c) Thành viên Hội đồng quản trị không được rút đơn từ nhiệm/từ chức, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định không tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức.** | |
| **6.** | **Điểm a Khoản 1 Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**<br>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:<br>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số | **Điểm a Khoản 1 Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**<br>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:<br>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. | quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. **Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 44 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.** | Bổ sung trích dẫn cụ thể |
| **7.** | **Khoản 4 Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**<br>4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. | **Khoản 4 Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**<br>4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, **Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ.** Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. | Bổ sung quy định cụ thể để có căn cứ thực hiện trong trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm vẫn không đủ số lượng cần thiết; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| **8.** | **Khoản 1 Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị** | **Khoản 1 Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị** | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. | 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị **theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty**, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. | Bổ sung trích dẫn cụ thể |
| **9.** | **Khoản 2 Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**<br>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:<br>…<br>s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể **tại điểm q khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty**. | **Khoản 2 Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**<br>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:<br>…<br>s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể **tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.** | Bổ sung trích dẫn cụ thể |
| **10.** | **Khoản 2 Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng** | **Khoản 2 Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng** | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | **quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**<br>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường<br>Hội đồng quản trị phải **triệu tập họp** Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này; | **quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**<br>2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường<br>Hội đồng quản trị phải **phải xác định ngày khai mạc họp** Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này; | Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020; Làm rõ từ "triệu tập", đồng thời thay đổi mốc thời gian phù hợp với quy trình tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| **11.** | **Khoản 5, Khoản 6, Khoản 8, Khoản 11 Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị**<br>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải **triệu tập họp** Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.<br>… | **Khoản 5, Khoản 6, Khoản 8, Khoản 11 Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị**<br>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải **gửi thông báo mời họp** đến các thành viên họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này **và chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đề nghị**. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.<br>… | Làm rõ vấn đề triệu tập họp Hội đồng quản trị sau khi nhận được đề nghị; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.<br>…<br>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định **thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.**<br>…<br>**(Chưa quy định)** | 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, **hình thức họp**, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.<br>…<br>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định **thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp lần thứ hai đến thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ hai phải được tổ chức không quá 12 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.**<br>…<br>**11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc cho người khác (không phải thành viên Hội đồng quản trị** | Cập nhật phù hợp với Thông báo mời họp; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ.<br><br>Làm rõ vấn đề triệu tập họp Hội đồng quản trị khi không đủ điều kiện tiến hành; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ.<br><br>Căn cứ theo khoản 11 Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020, làm rõ quy định về việc ủy quyền tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị; |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận) dự họp và biểu quyết.** | phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| | 11. Biểu quyết | 12. Biểu quyết | |
| | a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 16 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; | a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 16 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; **Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá ½) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Lưu ý, Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty.** | Khoản 12 Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020<br>Khoản 2 Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020 |
| | b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 42 Điều lệ công ty; | b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 42 Điều lệ công ty; | |
| | c) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. | c) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. | |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# (Dự thảo)

# QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre)*

*Bến Tre, ngày 26 tháng 06 năm 2025*

# MỤC LỤC

**CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG ..... 3**
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng ..... 3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị ..... 3
Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ ..... 3
**CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..... 4**
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị ..... 4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị ..... 4
Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị ..... 5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị ..... 5
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị ..... 5
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ..... 7
Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ..... 9
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 10
**CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..... 11**
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị ..... 11
Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch ..... 13
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ..... 13
Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. ..... 14
**CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..... 15**
Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị ..... 15
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị ..... 17
**CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH ..... 18**
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm ..... 18
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ..... 19
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan ..... 20
**CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..... 20**
Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị ..... 20
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành ..... 21
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát ..... 21
**CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH ..... 21**
Điều 24. Hiệu lực thi hành ..... 21

# Chương I
# QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

## Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;

b) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

c) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

e) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

f) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

g) *Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên;

h) *Thành viên HĐQT không điều hành* là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

i) *Bí mật kinh doanh* là những thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, lao động chưa được công bố và có khả năng được sử dụng trong kinh doanh.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

## Chương II
## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

### Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong

Công ty có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Hội đồng quản trị nếu được Hội đồng quản trị thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

**Điều 6. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là **05 người**.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc..

4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

**Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

**Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

**Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:

- Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Thành viên Hội đồng quản trị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

- Hội đồng quản trị có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ nhiệm/từ chức, trình tự và thủ tục tiếp nhận cụ thể như sau:

a) Để thông báo từ nhiệm/từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức phải gửi Đơn từ nhiệm/từ chức đến Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Chức vụ từ nhiệm/từ chức;
- Lý do từ nhiệm/từ chức;
- Thời điểm có hiệu lực (ghi rõ ngày bắt đầu có hiệu lực);
- Chữ ký và ghi rõ họ tên (được viết tay) của thành viên Hội đồng quản trị.

b) Quy trình xử lý đơn từ nhiệm/từ chức của thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điểm a khoản này như sau:

- Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn từ nhiệm/từ chức.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đơn từ nhiệm/từ chức và chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.

- Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đơn từ nhiệm/từ chức.

+ Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức vẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị.

+ Trường hợp Hội đồng quản trị không thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức đến thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc sau ngày có quyết định.

- Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức phải được công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có quyết định.

c) Thành viên Hội đồng quản trị không được rút đơn từ nhiệm/từ chức, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định không tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức.

4. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

6. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 44 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty và khoản 1 Điều 6 Quy chế này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội

đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

6. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

7. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

**Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản

lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

## Chương III
## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

s) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

t) Phê chuẩn các vấn đề khác theo quy định tại khoản 3, Điều 27, Điều lệ Công ty.

u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua

nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

**Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

3. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

**Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải phải xác định ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

**Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

## Chương IV
## CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này và chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đề nghị. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, hình thức họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp lần thứ hai đến thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ hai phải được tổ chức không quá 12 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc cho người khác (không phải thành viên Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận) dự họp và biểu quyết.

12. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 16 Quy chế này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (quá ½) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Lưu ý, Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với

giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty.

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 42 Điều lệ công ty;

c) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

14. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

c) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp  trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

**Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## Chương V
## BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

### Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

**Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## Chương VI
## MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài

liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

**Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

**Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## Chương VII
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre bao gồm 7 Chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 06 năm 2025.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (075) 3826 358 ; Website: www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

Số : 02/TTr-BKS

*Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

# TỜ TRÌNH
## Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*

*- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;*

*- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*

*- Căn cứ Biên bản cuộc họp Ban kiểm soát lần 2 năm 2025 ngày 02/06/2025.*

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre để phù hợp với quy định hiện hành.

(***Đính kèm Nội dung sửa đổi*** và ***Toàn văn Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre***).

Đại hội đồng cổ đông giao cho Trưởng Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Công trình Đô Thị Bến Tre.

Các nội dung được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ thời điểm được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**
**TRƯỞNG BAN**

**TRỊNH VĂN ĐẤU**

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 17/6/2020 (Luật Doanh nghiệp 2020);*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV thông qua ngày 26/11/2019 (Luật Chứng khoán 2019);*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Nghị định 155/2020/NĐ-CP);*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng (Thông tư 116/2020/TT-BTC).*

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| **1.** | **(Chưa quy định)** | **Bổ sung Điểm I khoản 1 Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ**<br>1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:<br>**i) *Bí mật kinh doanh* là những thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, lao động chưa được công bố và có khả năng được sử dụng trong kinh doanh** | Làm rõ các thuật ngữ để tránh xung đột, ảnh hưởng đến lợi ích chung của các cổ đông, phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| **2.** | **Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**<br>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông | **Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**<br>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; **trên** 30% được đề cử đủ số ứng viên.<br><br>3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. | nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; **từ** 30% được đề cử đủ số ứng viên. **Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 70 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.**<br><br>3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, **Ban kiểm soát công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.** Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. | Bổ sung quy định cụ thể để có căn cứ thực hiện trong trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm vẫn không đủ số lượng cần thiết; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ.<br><br>Điều chỉnh lại để chặt chẽ hơn; phù hợp với nội dung sửa đổi Điều lệ. |
| **3.** | **(Chưa quy định)** | **Bổ sung Khoản 2 Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**<br>**2. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên** | Bổ sung làm rõ quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát khi |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | | **Ban kiểm soát, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và quyền nhận thù lao của thành viên Ban kiểm soát ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:**<br>**- Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.**<br>**- Thành viên Ban kiểm soát đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.**<br>**- Ban kiểm soát có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Ban kiểm soát, thực hiện tương tự quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.** | cần thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế. |
| **4.** | **Khoản 1 Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**<br>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về | **Khoản 1 Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**<br>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát **theo khoản 1 Điều 70 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty**, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng | Bổ sung trích dẫn cụ thể |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. | cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. | |
| **5.** | **Khoản 16 Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**<br>**(Chưa quy định)**<br><br>16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. | **Khoản 7, Khoản 17 Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**<br>**7. Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận các yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 1, Điều 45 Điều lệ Công ty và thực hiện việc các đề nghị cung cấp thông tin theo yêu cầu này đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc các người quản lý khác. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.**<br>17. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. **Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.** | Bổ sung quy định chi tiết khi cung cấp thông tin; phù hợp Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty đang sửa đổi.<br><br>Bổ sung quy trình cung cấp thông tin cụ thể. |
| **6.** | **Khoản 2, Khoản 3 Điều 13. Quyền được cung cấp** | **Khoản 2, Khoản 3 Điều 13. Quyền được cung cấp** | |

| STT | NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH | NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|
| | **thông tin của Ban kiểm soát**<br>2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. | **thông tin của Ban kiểm soát**<br>2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác **có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao;** có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. **Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.** | Bổ sung quy định chi tiết khi cung cấp thông tin; phù hợp Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty đang sửa đổi. |
| | 3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát. | 3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát. **Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.** | Bổ sung quy trình cung cấp thông tin cụ thể. |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# (Dự thảo)

# QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG
# CỦA BAN KIỂM SOÁT

## CÔNG TY CỔ PHẦN
## CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre)*

*Bến Tre, ngày 26 tháng 06 năm 2025*

# MỤC LỤC

**CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG ..... 3**
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng ..... 3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát ..... 3
Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ ..... 3
**CHƯƠNG II - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT ..... 4**
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát ..... 4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát ..... 4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát ..... 4
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát ..... 5
Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát ..... 5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát ..... 5
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .. 6
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát .. 7
**CHƯƠNG III - BAN KIỂM SOÁT ..... 8**
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát ..... 8
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát ..... 10
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông ..... 10
**CHƯƠNG IV - CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT ..... 11**
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát ..... 11
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát ..... 11
**CHƯƠNG V - BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH ..... 11**
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm ..... 11
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác ..... 12
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan ..... 12
**CHƯƠNG VI - MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT ..... 13**
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát ..... 13
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành ..... 13
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị ..... 13
**CHƯƠNG VII - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH ..... 13**
Điều 23. Hiệu lực thi hành ..... 13

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

### Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

### Điều 3. Định nghĩa và các thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

*a) Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;

*b) Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

*c) Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

*d) Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

*e) Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

*f) Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

*g) Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;

*h) Thành viên Ban kiểm soát* là Kiểm soát viên;

*i) Bí mật kinh doanh* là những thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, lao động chưa được công bố và có khả năng được sử dụng trong kinh doanh.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

## Chương II
## THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

### Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

### Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đảm bảo đủ các điều kiện theo quy đinh tại Khoản 2 Điều 169 của luật doanh nghiệp.

**Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

**Điều 8. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% được đề cử đủ số ứng viên. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 70 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát không đủ số

lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

3. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban Kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

**Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty quy định.

2. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và quyền nhận thù lao của thành viên Ban kiểm soát ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:

- Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất

năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Thành viên Ban kiểm soát đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

- Ban kiểm soát có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Ban kiểm soát, thực hiện tương tự quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát theo khoản 1 Điều 70 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

## Chương III
## BAN KIỂM SOÁT

### Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận các yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 1, Điều 45 Điều lệ Công ty và thực hiện việc các đề nghị cung cấp thông tin theo yêu cầu này đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc các người quản lý khác. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.

8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

13. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

14. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

15. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

17. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

18. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

19. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

20. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

21. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

22. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

23. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

24. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

25. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm

việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

**Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

## Chương IV
## CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

**Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

**Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát**

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

## Chương V
## BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

**Điều 17. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

**Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

**Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải

thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## Chương VI
## MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

**Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

**Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

**Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị**

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

## Chương VII
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 06 năm 2025.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**
**TRƯỞNG BAN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (075) 3826 358 ; Website: www.congtrinhdothibentre.vn - bentrepco.vn

Số : 34/TTr-HĐQT

*Bến Tre, ngày 16 tháng 6 năm 2025*

# TỜ TRÌNH
## Về việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030

*- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*

*- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;*

*- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*

*- Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị lần 2 năm 2025 ngày 02/6/2025;*

*- Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030,*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 với các nội dung như sau:

**1. Hội đồng quản trị:**

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 người
- Nhiệm kỳ: 2025 – 2030
- Số lượng ứng viên HĐQT tối đa: Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

**2. Ban Kiểm soát:**

- Số lượng Kiểm soát viên: 03 người
- Nhiệm kỳ: 2025 – 2030
- Số lượng ứng viên KSV tối đa: Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (Theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

Các nội dung khác liên quan đến bầu cử TV HĐQT và KSV được áp dụng theo quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và KSV tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

**3. Thông qua danh sách ứng viên:**

**a. Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị**

| STT | HỌ VÀ TÊN |
|---|---|
| 1 | Nguyễn Tấn Vũ |
| 2 | Lê Văn Vũ |
| 3 | Đào Mạnh Hùng |

| STT | HỌ VÀ TÊN |
|---|---|
| 4 | Nguyễn Thanh Phong |
| 5 | Huỳnh Thanh Hải |

**b. Ứng viên Kiểm soát viên**

| STT | HỌ VÀ TÊN |
|---|---|
| 1 | Trịnh Văn Đấu |
| 2 | Võ Minh Hùng |
| 3 | Phạm An Huy |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua,
Xin chân thành cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH**

**NGUYỄN TẤN VŨ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358 Email: **ctdt_bt@yahoo.com**
Website: **www.congtrinhdothibentre.vn**

# GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ
# THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 – 2030
*(Áp dụng cho cổ đông)*

***Kính gửi:*** ***Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre***

- Họ tên cổ đông: Uỷ ban Nhân dân tỉnh Bến Tre
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN: số1686/QĐ-UBND Ngày cấp: 23/5/2025 Nơi cấp: UBND tỉnh Bến Tre
- Người đại diện vốn: Lê Văn Vũ
- Hiện đang đại diện sở hữu: 360.000 cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 3.600.000.000 đồng

**Đề nghị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre cho tôi đề cử:**

1. **Ông: Lê Văn Vũ.**
   CCCD số: 083077002 822; ngày cấp: 07/03/2024; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
   Địa chỉ thường trú: 619B10 đường Ca Văn Thỉnh KP6 P. Phú Khương TP. Bến Tre tỉnh Bến Tre
   Trình độ học vấn: TN cấp 3 Chuyên ngành: Kỹ sư Xây dựng, cử nhân Quản trị kinh doanh
   Hiện đang sở hữu và đại diện sở hữu: 411.400 cổ phần
   Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 4.114.000.000 đồng

**Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre nhiệm kỳ 2025 – 2030**

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

Bến Tre, ngày 16 tháng 06 năm 2025
**Người đề cử**

**Lê Văn Vũ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
------o0o------

# SƠ YẾU LÝ LỊCH

| | |
|---|---|
| 1/ Họ và tên: | **Lê Văn Vũ** |
| 2/ Giới tính: | Nam |
| 3/ Ngày tháng năm sinh: | 19/09/1977 |
| 4/ Nơi sinh: | Phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre |
| 5/ CMND/CCCD/Hộ chiếu: | 083077002 822; ngày cấp: 07/03/2024 |
| 6/ Quốc tịch: | Việt Nam |
| 7/ Dân tộc: | Kinh |
| 8/ Địa chỉ thường trú: | 619B10 đường Ca Văn Thỉnh KP6 Phường Phú Khương thành phố Bến Tre tỉnh Bến Tre |
| 9/ Số điện thoại công ty:<br>10/ Địa chỉ email: | *Số điện thoại di động:0903353601*<br>*vanvule1909@gmail.com* |
| 11/ Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư Xây dựng, cử nhân Quản trị kinh doanh |
| 12/ Quá trình công tác:<br>+ Từ 12/2003 đến 04/2005<br>+ Từ 04/2005 đến 07/2007<br>+ Từ 07/2007 đến 12/2009<br>+ Từ 12/2009 đến 02/2015<br>+ Từ 02/2015 đến 07/2015<br>+ Từ 07/2015 đến 10/2016<br>+ Từ 10/2016 đến 28/6/2024<br>+ Từ 29/6/2024 đến nay | <br>- Nhân viên Kỹ thuật - phòng Kỹ thuật – Công ty Công trình đô thị thị xã Bến Tre.<br>- Phó phòng Kỹ thuật Công ty Công trình đô thị Bến Tre.<br>- Q. Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty TNHH 1TV Công trình đô thị Bến Tre.<br>- Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty TNHH 1TV Công trình đô thị Bến Tre.<br>- Trưởng phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre.<br>- Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre.<br>- Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre.<br>Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre. |
| 13/ Các chức vụ công tác hiện nay: | Tổng Giám đốc công ty |
| 14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày 26/5/2025): 411.400 *cổ phần, chiếm* 11,4277% *vốn điều lệ*, trong đó: | |
| + Đại diện phần vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre: | *360.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ* |


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
Citizen Identity Card

Số / No.: 083077002822
Họ và tên / Full name:
LÊ VĂN VŨ
Ngày sinh / Date of birth: 19/09/1977
Giới tính / Sex: Nam Quốc tịch / Nationality: Việt Nam
Quê quán / Place of origin:
Thạnh Phú Đông, Giồng Trôm, Bến Tre
Nơi thường trú / Place of residence: 619B10, KP 6
Phú Khương, TP. Bến Tre, Bến Tre
Có giá trị đến: 19/09/2037
Date of expiry


Đặc điểm nhân dạng / Personal identification:
Seo chữ nhật 1.8cmx1cm C:5cm
sau cánh mũi trái
Ngày, tháng, năm / Date, month, year: 07/03/2024
CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
- DIRECTOR GENERAL OF THE POLICE DEPARTMENT FOR ADMINISTRATIVE MANAGEMENT OF SOCIAL ORDER

Ngón trỏ trái
Left index finger

Ngón trỏ phải
Right index finger

Nguyễn Ngọc Cương

IDVNM077002822408307700282 2<<1
7709195M3709197VNM<<<<<<<<<<<4
LE<<VAN<VU<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 2589 quyển số: 01 -SCT/BS

Ngày 10 tháng 06 năm 2025

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN HỘI**

U.B.N.D PHƯỜNG AN HỘI T.P BẾN TRE T. BẾN TRE

Lê Kim Châm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

.....ĐẠI HỌC DÂN LẬP VĂN LANG.....

cấp

# BẰNG TỐT NGHIỆP
# ĐẠI HỌC



loại hình đào tạo..... CHÍNH QUY .....

ngành....XÂY DỰNG DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP

hạng.....TB Khá năm tốt nghiệp.....2003.

và công nhận danh hiệu

.....KỸ SƯ XÂY DỰNG.....

cho.....Lê Văn Vũ.....

sinh ngày.....19/09/1977 tại BẾN TRE.....

TP.HCM ngày 17 tháng 02 năm 2003

Số hiệu bằng

B.....0399745

Số vào sổ

....8931

Chữ ký của người được cấp bằng

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2589 quyển số: 01/BS
Ngày 10 tháng 06 năm 2025
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN HỘI

Lê Kim Châm

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

**RECTOR**

**HO CHI MINH CITY OPEN UNIVERSITY**

has conferred

# THE DEGREE OF BACHELOR

**Business Administration**

Upon: *Mr Le Van Vu*

Date of birth: 19/09/1977

Year of graduation: 2011

Degree classification: **Average good**

Mode of study: Part - time

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

cấp

# BẰNG CỬ NHÂN

**Quản Trị Kinh Doanh**

Cho: *Ông Lê Văn Vũ*

Ngày sinh: 19/09/1977

Năm tốt nghiệp: 2011

Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình khá**

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2589 quyển số 01-SCT/BS
Ngày 10 tháng 06 năm 2025
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN HỘI
U.B.N.D PHƯỜNG AN HỘI T.P BẾN TRE
Lê Kim Châm

*Ho Chi Minh City, Tp. Hồ Chí Minh , ngày 09 tháng 08 năm 2011*

**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP. HỒ CHÍ MINH

**PGS-TS. Lê Bảo Lâm**

Reg. No: **24 - 11/VLVH - QT2**

Số hiệu:

Số vào sổ cấp bằng: **24 - 11/VLVH - QT2**

SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre; Thời gian ký: 2025-05-23T10:44:27+07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BẾN TRE | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1686 /QĐ-UBND | *Bến Tre, ngày 23 tháng 5 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc cử lại Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Quy định số 740-QĐ/TU ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;*

*Căn cứ Công văn số 248-CV/ĐU ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về trích nội dung Biên bản Hội nghị Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lệ kỳ tháng 4 năm 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2187/TTr-SNV ngày 17 tháng 5 năm 2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cử lại ông Lê Văn Vũ, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre làm Người đại diện 16,67% vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre (chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ của Công ty, tương ứng 360.000 cổ phần).

Thời hạn làm Người đại diện phần vốn nhà nước của ông Lê Văn Vũ thực hiện theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre (nhiệm kỳ 2025 - 2030).

**Điều 2.** Ông Lê Văn Vũ thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và ông Lê Văn Vũ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chánh, các Phó CVPUBND tỉnh;
- Các sở: Nội vụ, Tài chính, Xây dựng;
- Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre;
- Phòng: TH, KT, TCĐT;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, LNK.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Tam**

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358 Email: ctdt_bt@yahoo.com
Website: www.congtrinhdothibentre.vn

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**
**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**
**NHIỆM KỲ 2025 – 2030**
*(Áp dụng cho cổ đông)*

***Kính gửi:** Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre*

- Họ tên cổ đông: Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN: số1687/QĐ-UBND Ngày cấp: 23/5/2025 Nơi cấp: UBND tỉnh Bến Tre
- Người đại diện vốn: Nguyễn Tấn Vũ
- Hiện đang đại diện sở hữu: 1.800.000 cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 18.000.000.000 đồng

**Đề nghị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre cho tôi đề cử:**

**I. Ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre nhiệm kỳ 2025 – 2030 như sau:**

1. **Ông: Nguyễn Tấn Vũ.**

CCCD số: 083078009572; ngày cấp: 18/12/2022; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 63 ấp Long Thuận, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

Trình độ học vấn: TN cấp 3; Chuyên ngành: Cử nhân kinh tế ngành Tài chính- Kế toán các doanh nghiệp

Hiện đang sở hữu và đại diện sở hữu: 1.850.000 cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 18.500.000.000 đồng

2. **Bà: Huỳnh Thanh Hải.**

CCCD số: 083181000993; ngày cấp: 25/03/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 595B9 Khu phố 3, P. Phú Khương, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Trình độ học vấn: TN cấp 3; Chuyên ngành: Cử nhân kinh tế

Hiện đang sở hữu: 1.400 cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 14.000.000 đồng

**II. Ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre nhiệm kỳ 2025 – 2030 như sau:**

1. **Ông: Trịnh Văn Đấu.**

CCCD số: 083069009987; ngày cấp: 10/05/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 376F Nguyễn Thị Định, Khu phố 2, P. Phú Khương, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Trình độ học vấn: TN cấp 3; Chuyên ngành: Cử nhân kinh tế

Hiện đang sở hữu và đại diện sở hữu: 100 cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 1.000.000 đồng

2. **Ông: Võ Minh Hùng.**

CCCD số: 083079000654; ngày cấp: 15/04/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 209K, Khu phố 3, P. Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Trình độ học vấn: TN cấp 3; Chuyên ngành: Thạc sỹ quản lý công

Hiện đang sở hữu và đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 0 đồng

**3. Ông: Phạm An Huy.**

CCCD số: 083076012274; ngày cấp: 29/12/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: 610D ấp Phú Chiến, xã Phú Hưng, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Trình độ học vấn: TN cấp 3; Chuyên ngành: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Hiện đang sở hữu và đại diện sở hữu: 3.500 cổ phần

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 35.000.000 đồng

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

Bến Tre, ngày 16 tháng 06 năm 2025

**Người đề cử**

**Nguyễn Tấn Vũ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# SƠ YẾU LÝ LỊCH

| | |
|---|---|
| 1/ Họ và tên: | **Nguyễn Tấn Vũ** |
| 2/ Giới tính: | Nam |
| 3/ Ngày tháng năm sinh: | 09/02/1978 |
| 4/ Nơi sinh: | Xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre |
| 5/ CMND/CCCD/Hộ chiếu: | 083078009572; ngày cấp: 18/12/2022 |
| 6/ Quốc tịch: | Việt Nam |
| 7/ Dân tộc: | Kinh |
| 8/ Địa chỉ thường trú: | Số 63, ấp Long Thuận, xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre |
| 9/ Số điện thoại công ty: 02753 826358<br>10/ Địa chỉ email: | Số điện thoại di động: 0918.529.588<br>Nguyentanvu.ctdtbt@gmail.com |
| 11/ Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kinh tế |
| 12/ Quá trình công tác:<br>- Từ 06/2002 đến 09/2003<br>- Từ 10/2003 đến11/2004<br>- Từ 12/2004 đến 12/2005<br>- Từ 01/2006 đến 04/2007<br>- Từ 05/2007 đến 01/2014<br>- Từ 02/2014 đến 01/2015<br>- Từ 02/2015 đến 08/2020<br>- Từ 09/2020 đến 06/2024<br>- Từ 7/2024 đến nay | <br>Kế toán viên - Phòng Kế toán - Tài vụ - Công ty Công trình đô thị TX Bến Tre<br>Kế toán tổng hợp - Phòng Kế toán - Tài vụ - Công ty Công trình đô thị TX Bến Tre<br>Quyền Trưởng phòng Kế toán - Tài vụ - Công ty Công trình đô thị Thị xã Bến Tre<br>Trưởng phòng Kế toán - Tài vụ - Công ty Công trình đô thị Bến Tre<br>Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên Công trình đô thị Bến Tre<br>Phó Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Công trình đô thị Bến Tre<br>Phó Tổng Giám đốc CTy cổ phần Công trình đô thị Bến Tre, nhiệm kỳ 2015-2020<br>Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre, nhiệm kỳ 2020-2025<br>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre, nhiệm kỳ 2020-2025 |

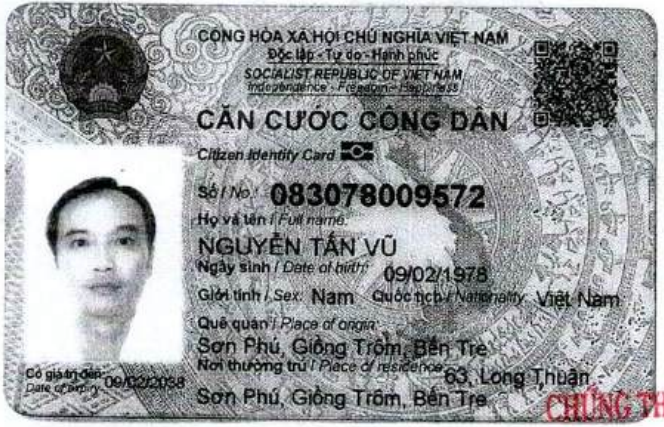
| | |
|---|---|
| 13/ Các chức vụ công tác hiện nay: | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày 26/5/2025) 1.850.000 cổ phần, chiếm 51,39% vốn điều lệ, trong đó: | |
| + Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): | Đại diện Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre 1.800.000 cổ phần, chiếm 50% vốn điều lệ |
| + Cá nhân sở hữu: | 50.000 cổ phần, chiếm 1,39% vốn điều lệ |
| 15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có) | |
| 16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty: | Không có |
| 17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| 18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không có |

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

*Bến Tre, ngày 12 tháng 6 năm 2025*

**Người khai**

**Nguyễn Tấn Vũ**


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
Citizen Identity Card

Số / No.: 083078009572
Họ và tên / Full name:
NGUYỄN TẤN VŨ
Ngày sinh / Date of birth: 09/02/1978
Giới tính / Sex: Nam Quốc tịch / Nationality: Việt Nam
Quê quán / Place of origin:
Sơn Phú, Giồng Trôm, Bến Tre
Nơi thường trú / Place of residence: 63, Long Thuận,
Sơn Phú, Giồng Trôm, Bến Tre
Có giá trị đến: 09/02/2038


Đặc điểm nhận dạng / Personal identification:
Sẹo bỏng 0,4cm cách 3cm trên
sau cánh mũi trái
Ngày, tháng, năm / Date, month, year: 18/12/2022
CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
Nguyễn Quốc Hùng
Ngón trỏ trái
Ngón trỏ phải
IDVNM078009572608307800957 2<<3
7802096M3802098VNM<<<<<<<<<<<2
NGUYEN<<TAN<VU<<<<<<<<<<<<<<<

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2641 quyển số: 01-SCT/BS
Ngày 13 tháng 06 năm 2025
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN HỘI

Lê Kim Châm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh

cấp

# BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC



loại hình đào tạo ..... TẠI CHỨC .....

ngành Tài chính kế toán và doanh nghiệp

hạng ..... Khá ..... năm tốt nghiệp ..2001...

và công nhận danh hiệu

..... Cử nhân kinh tế .....

cho ..... Nguyễn Trần Yến .....

sinh ngày 9 - 2 - 1978 tại Bến Tre

Tp Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 6 năm 2001

Hiệu trưởng

GS. NGUYỄN THANH TUYỀN

Khoa trưởng

TS. Phương Bảo

Số hiệu bằng

C 65957

Số vào sổ

92/102 QĐ/201

K26BT

Chữ ký của người được cấp bằng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 264 quyển số 01 SCT/BS

Ngày 19 tháng 06 năm 2025

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN HỘI

U.B.N.D PHƯỜNG AN HỘI T.P BẾN TRE T. BẾN TRE

Lê Kim Châm

SAO Y; Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre; Thời gian ký: 2025-05-23T10:42:00+07:00

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BẾN TRE | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1687 /QĐ-UBND | *Bến Tre, ngày 23 tháng 5 năm 2025* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc cử lại Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Quy định số 740-QĐ/TU ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;*

*Căn cứ Công văn số 2870-CV/TU ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cho chủ trương về công tác cán bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2187/TTr-SNV ngày 17 tháng 5 năm 2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cử lại ông Nguyễn Tấn Vũ, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre làm Người đại diện phụ trách chính phần vốn Nhà nước, trực tiếp đại diện 83,33% vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre (chiếm tỷ lệ 50% vốn điều lệ của Công ty, tương ứng 1.800.000 cổ phần).

Thời hạn làm Người đại diện phần vốn Nhà nước của ông Nguyễn Tấn Vũ thực hiện theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre (nhiệm kỳ 2025 - 2030).

**Điều 2.** Ông Nguyễn Tấn Vũ thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và ông Nguyễn Tấn Vũ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Chánh, các Phó CVPUBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính, Xây dựng;
- Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre;
- Phòng: TH, KT, TCĐT;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, LNK.

**CHỦ TỊCH**

**Trần Ngọc Tam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
------o0o------

# SƠ YẾU LÝ LỊCH

| | |
|---|---|
| 1/ Họ và tên: | **Huỳnh Thanh Hải** |
| 2/ Giới tính: | Nữ |
| 3/ Ngày tháng năm sinh: | 15/4/1981 |
| 4/ Nơi sinh: | Bệnh viện Thị xã |
| 5/ CMND/CCCD/Hộ chiếu: | 083181000993, ngày cấp 25/03/2021 |
| 6/ Quốc tịch: | Việt Nam |
| 7/ Dân tộc: | Kinh |
| 8/ Địa chỉ thường trú: | 595B9 khu phố 3 Phường Phú Khương, TP. Bến Tre |
| 9/ Số điện thoại công ty:<br>10/ Địa chỉ email: | *Số điện thoại di động: 0908887733*<br>*huynhthanhhaictdt@gmail.com* |
| 11/ Trình độ chuyên môn: | Cử nhân kinh tế |
| 12/ Quá trình công tác:<br>+ Từ tháng 9/2003 đến tháng 9/2009:<br>+ Từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2011:<br>+ Từ tháng 11/2011 đến tháng 12/2011:<br>+ Từ tháng 01/2012 đến tháng 11/2013:<br>+ Từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2014:<br>+ Ngày 01/01/2015:<br>+ Ngày 01/02/2015:<br>+ Ngày 15/7/2015 đến nay:<br>+ Ngày 17/01/2018 đến 27/6/2024:<br>+ Ngày 28/6/2024:<br>+ Ngày 01/10/2024: | <br>Nhân viên Phòng TC-HC Công ty.<br>Phó Phòng TC-HC Công ty.<br>Quyền Trưởng Phòng TC-HC Công ty.<br>Trưởng Phòng TC-HC Công ty;<br>Chuyên viên nghiên cứu tổng hợp Công ty.<br>Trưởng Phòng TC-HC Công ty.<br>Thư ký kiêm phụ trách Phòng TC-HC Công ty.<br>Trưởng Phòng TC-HC Công ty.<br>Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty.<br>Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.<br>Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng TC-HC. |
| 13/ Các chức vụ công tác hiện nay: | Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Tổ chức - hành chính, Thành viên Hội đồng quản trị. |
| 14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày 26/5/2025): *12.400 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ*, trong đó: | |
| + Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): | *.... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ* |
| + Cá nhân sở hữu: | *12.400 cổ phần, chiếm 0,034 % vốn điều lệ* |
| 15/Các cam kết nắm giữ (nếu có) | |
| 16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty: | *Huỳnh Văn Lực - Mối quan hệ: Cha ruột; nắm giữ: 22.900 CP, chiếm 0,0636% vốn điều lệ* |

| | |
|---|---|
| | *Huỳnh Thị Kim Hương - Mối quan hệ: Chị ruột; nắm giữ: 1.700 CP, chiếm 0,0047% vốn điều lệ.*<br>*Nguyễn Văn Lai - Mối quan hệ: Anh rể; nắm giữ: 3.200 CP, chiếm 0,0089% vốn điều lệ.*<br>*Cao Quốc Thống - Mối quan hệ: Anh rể; nắm giữ: 2.000 CP, chiếm 0,0055% vốn điều lệ.* |
| 17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không có |
| 18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không |

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

**Người khai**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

**Huỳnh Thanh Hải**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

# CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

Citizen Identity Card



Số / No.: 083181000993

Họ và tên / Full name:
HUỲNH THANH HẢI

Ngày sinh / Date of birth: 15/04/1981

Giới tính / Sex: Nữ Quốc tịch / Nationality: Việt Nam

Quê quán / Place of origin:
Hữu Định, Châu Thành, Bến Tre

Nơi thường trú / Place of residence: 595B9, Khu Phố 3
Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Bến Tre

Có giá trị đến: 15/04/2041
Date of expiry

Đặc điểm nhân dạng / Personal identification:
Sẹo thẳng 1cm C 3,5cm
dưới sau đuôi mắt trái
Ngày, tháng, năm / Date, month, year 25/03/2021

CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
DIRECTOR GENERAL OF THE POLICE DEPARTMENT
FOR ADMINISTRATIVE MANAGEMENT OF SOCIAL ORDER



Ngón trỏ trái
Left index finger

Ngón trỏ phải
Right index finger

Phạm Công Nguyên

IDVNM181000993508318100099 3<<2
8104155F4104157VNM<<<<<<<<<<<0
HUYNH<<THANH<HAI<<<<<<<<<<<<<<

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực 2669 quyển số 01-SCT/BS
Ngày 16 tháng 06 năm 2025
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN HỘI

U.B.N.D PHƯỜNG AN HỘI T.P BẾN TRE ★ BẾN TRE

Huỳnh Thị Tuyết Minh



Số hiệu bằng

A .....

Số vào sổ
1874/QĐ-ĐHKT-ĐTTC/TN
5/TN04BTE

Chữ ký của người được cấp bằng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 05 - - - 01 quyển số.....-SCT/BS
Ngày 02 tháng 01 - năm 2025
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN HỘI

U.B.N.D PHƯỜNG AN HỘI T.P BẾN TRE T. BẾN TRE

Lê Kim Châm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

cấp

# BẰNG TỐT NGHIỆP
# ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo **TẠI CHỨC**

ngành **Quản trị Kinh doanh**

hạng **Khá** năm tốt nghiệp **2008**

và công nhận danh hiệu

**Cử nhân Kinh tế**

cho **HUỲNH THANH HẢI**

sinh ngày **15/04/1981** tại **Bến Tre**

*Tp.HCM, ngày 12 tháng 11 năm 2008*

Hiệu trưởng

PGS.TS. Hoàng Đức

Khoa trưởng

PGS.TS. Phạm Văn Nông

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

------o0o------

# SƠ YẾU LÝ LỊCH

| | |
|---|---|
| 1/ Họ và tên: | **Trịnh văn Đấu** |
| 2/ Giới tính: | Nam |
| 3/ Ngày tháng năm sinh: | 10 tháng 11 năm 1969 |
| 4/ Nơi sinh: | Huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre |
| 5/CMND/ CCCD/Hộ chiếu: | 083069009987, ngày cấp: 10/05/2021 |
| 6/ Quốc tịch: | Việt Nam |
| 7/ Dân tộc: | Kinh |
| 8/ Địa chỉ thường trú: | 376F, Nguyễn Thị Định, Khu phố 2, Phường Phú Khương, TP Bến Tre |
| 9/ Số điện thoại liên lạc: :<br>10/ Địa chỉ email: | *Số điện thoại di động:0949339465*<br>*dautv68@gmail.com* |
| 11/ Trình độ chuyên môn: | Cử nhân Kinh tế |
| 12/ Quá trình công tác:<br>*+ Từ 1/1/1991 đến 12/1992:*<br>*+Từ 1/1/1993 đến 8/2008:*<br>*+Từ 9/2008 đến 3/2016:*<br>*+ Từ 3/2016 đến nay :* | <br>Sở Y tế Bến Tre<br>Công ty CP ĐT XD Bến Tre<br>Công ty CP XNK Bến Tre<br>Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre |
| 13/ Các chức vụ công tác hiện nay: | ***Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre*** |
| | |
| | |
| 14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày 26/05/2025) *100 cổ phần, chiếm 0.003% vốn điều lệ*, trong đó: | |
| + Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): | *.... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ* |
| + Cá nhân sở hữu: | *100 cổ phần, chiếm 0.003% vốn điều lệ* |
| 15/Các cam kết nắm giữ (nếu có) | |
| 16/Những người liên quan có nắm giữ | *…… – Mối quan hệ: ……; nắm giữ: …… CP,* |

| | |
|---|---|
| cổ phiếu của công ty: Không | *chiếm …… vốn điều lệ* |
| | *…… – Mối quan hệ:……; nắm giữ: ……. CP, chiếm …….% vốn điều lệ* |
| 17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: | |
| 18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | |

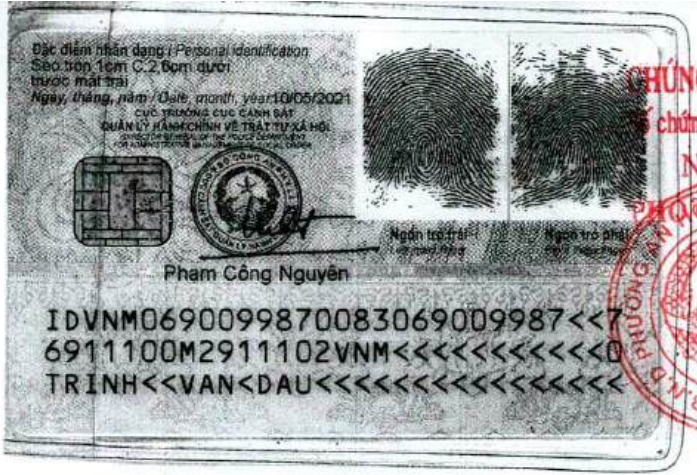
Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Bến Tre, ngày …… tháng 06 năm 2025*

**Người khai**

**Trịnh Văn Đấu**


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness
CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
Citizen Identity Card
Số / No.: 083069009987
Họ và tên / Full name:
TRỊNH VĂN ĐẤU
Ngày sinh / Date of birth: 10/11/1969
Giới tính / Sex: Nam
Quốc tịch / Nationality: Việt Nam
Quê quán / Place of origin:
Phú Sơn, Chợ Lách, Bến Tre
Nơi thường trú / Place of residence: 376F, Khu Phố 2
Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Bến Tre
Có giá trị đến / Date of expiry: 10/11/2029




CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2627 quyển số: 05CT/BS

Ngày 11 tháng 06 năm 2025

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN HỘI

Bùi Thiên Chương



Số hiệu bằng

C 0016135

Số vào sổ

[illegible]

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 2627 quyển số [illegible]-SCT/BS

Ngày 11 tháng 06 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN HỘI

Chữ ký của người được cấp bằng

Bùi Chiến Chương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế

cấp

# BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo TẠI CHỨC

ngành Tài chính kế toán các doanh nghiệp

hạng trung bình năm tốt nghiệp 2000

và công nhận danh hiệu

Cử nhân kinh tế

cho Trịnh Văn Đấu

sinh ngày 10 11 1969 tại Bến Tre

TP. Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 5 năm 2000

Hiệu trưởng

TS. HOÀNG ĐỨC

Khoa trưởng

GS. NGUYỄN THANH TUYỀN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

------o0o------

# SƠ YẾU LÝ LỊCH

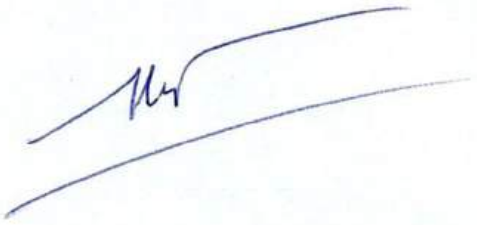
| | |
|---|---|
| 1/ Họ và tên: | **VÕ MINH HÙNG** |
| 2/ Giới tính: | Nam |
| 3/ Ngày tháng năm sinh: | 29/11/1979 |
| 4/ Nơi sinh: | Xã Hòa Nghĩa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre |
| 5/ CMND/CCCD/Hộ chiếu: | 083079000654 cấp ngày 15/4/2021 |
| 6/ Quốc tịch: | Việt Nam |
| 7/ Dân tộc: | Kinh |
| 8/ Địa chỉ thường trú: | 209K khu phố 3 phường Phú Tân TP Bến Tre tỉnh Bến Tre |
| 9/ Số điện thoại công ty: :<br>10/ Địa chỉ email: | *Số điện thoại di động: 0916.701.379*<br>*hungstcbtr@gmail.com* |
| 11/ Trình độ chuyên môn: | Thạc sĩ Quản lý công |
| 12/ Quá trình công tác:<br>+ *Từ 01/9/2004 đến nay* | Sở Tài chính tỉnh Bến Tre |
| 13/ Các chức vụ công tác hiện nay: | Chuyên viên phòng Phát triển doanh nghiệp và Kinh tế tập thể Sở Tài chính tỉnh Bến Tre |
| 14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày 26/5/2025) 0 *cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ*, trong đó: | |
| + Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): | không |
| + Cá nhân sở hữu: | không |
| 15/Các cam kết nắm giữ (nếu có): không | |
| 16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty: | không |
| 17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: | không |

| | |
|---|---|
| 18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | không |

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

*Bến Tre, ngày 02 tháng 6 năm 2025*

**Người khai**



**Võ Minh Hùng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

MẪU

# CĂN CƯỚC CÔNG DÂN

*Citizen Identity Card*



Số / *No.*: **083079000654**

Họ và tên / *Full name:*
VÕ MINH HÙNG

Ngày sinh / *Date of birth:* 29/11/1979

Giới tính / *Sex:* Nam Quốc tịch / *Nationality:* Việt Nam

Quê quán / *Place of origin:*
Hòa Nghĩa, Chợ Lách, Bến Tre

Nơi thường trú / *Place of residence:* 209K, Khu Phố 3
Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Bến Tre

Có giá trị đến / *Date of expiry:* 29/11/2039




CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 222 Quyển số: 02-SCT/BS

Bến Tre, ngày 16 tháng 6 năm 2025

CÔNG CHỨNG VIÊN

M.S.K.H.Đ: 01 - C.T.H.Đ
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG BÙI TRỌNG TÂM
T.P BẾN TRE - T. BẾN TRE

Trần Thị Xuân Vệ

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence - Freedom - Happiness

VIET NAM NATIONAL UNIVERSITY HO CHI MINH CITY

INTERNATIONAL UNIVERSITY

has conferred the degree of

# Master of Public Management

Upon: *Mr Vo Minh Hung*

Date of birth: **November 29th, 1979**

Ho Chi Minh City, July 17th, 2019

Given under the seal of

INTERNATIONAL UNIVERSITY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

cấp bằng

# Thạc sĩ Quản lý Công

Cho: *Ông Võ Minh Hùng*

Ngày sinh: **29/11/1979**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 117 Quyển số: 01-SCT/BS

Bến Tre, ngày 16 tháng 6 năm 2023

CÔNG CHỨNG VIÊN

Bùi Trọng Tâm

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

★Trần Tiến Khoa

Số hiệu/ No: **QH13201700025**

Sổ vào sổ cấp bằng/ Reg. No: **03/MPM/2019**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

------o0o------

# SƠ YẾU LÝ LỊCH

| | |
|---|---|
| 1/ Họ và tên: | **Phạm An Huy** |
| 2/ Giới tính: | Nam |
| 3/ Ngày tháng năm sinh: | 26/11/1976 |
| 4/ Nơi sinh: | Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu |
| 5/ CMND/CCCD/Hộ chiếu: | 083076012274, ngày cấp: 29/12/2021 |
| 6/ Quốc tịch: | Việt Nam |
| 7/ Dân tộc: | Kinh |
| 8/ Địa chỉ thường trú: | 610D Ấp Phú Chiến xã Phú Hưng, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre. |
| 9/ Số điện thoại công ty:<br>10/Địa chỉ email:: | *02753 826358; Số điện thoại di động: 0913645438*<br>phamanhuy26111976@gmail.com.vn |
| 11/ Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư xây dựng cầu đường |
| 12/ Quá trình công tác:<br>Từ 08/1998 đến 4/2027<br>Từ 05/2007- đến 09/2010<br>Từ 10/2010 đến 05/2011<br>Từ 06/2011 đến 04/2012<br>Từ 05/2014 đến 02/2015<br>Từ 05/2015 đến 04/2016<br>Từ 04/2016 đến 02/2017<br>Từ 03/2017đến 04/2017<br>Từ 05/2017 đến 07/2019<br>Từ 08/2019 đến 06/2024<br>Từ 07/2024- đến nay | Nhân viên phòng Kế toán - Tài vụ - Công ty Công trình đô thị Bến Tre<br>Nhân viên Phòng Kinh doanh tổng hợp Công ty Công trình đô thị Bến Tre<br>Cửa hàng phó cửa hàng hoa Kiểng Công ty Công trình đô thị Bến Tre<br>Nhân viên Phòng Kinh doanh tổng hợp Công ty Công trình đô thị Bến Tre<br>Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Công trình đô thị Bến Tre<br>Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre<br>Kiểm soát viên, Nhân viên phòng Kế hoạch Tài chính<br>Phó phòng Kế hoạch Tài Chính, Kiểm soát viên,<br>Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre<br>Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre<br>Phó phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre |
| 13/ Các chức vụ công tác hiện nay: | Phó phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre |
| | |
| | |
| 14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày 26/5/2025) *3.500 cổ phần, chiếm 0.0972 % vốn điều lệ*, trong đó: | |
| + Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): | *.... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ* |
| + Cá nhân sở hữu: | *3.500 cổ phần, chiếm 0.0972 % vốn điều lệ* |

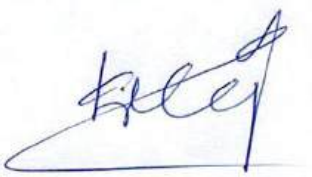
| | |
|---|---|
| 15/Các cam kết nắm giữ (nếu có) | |
| 16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty: | ……. – *Mối quan hệ: ……; nắm giữ: …… CP, chiếm …… vốn điều lệ* |
| | ……. – *Mối quan hệ:……; nắm giữ: …… CP, chiếm ……% vốn điều lệ* |
| 17/Lợi ích liên quan đối với Công ty: | không |
| 18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | không |

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Thành phố Bến Tre ngày 02 tháng 6 năm 2025*

**Người khai**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*



**Phạm An Huy**


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIỆT NAM
Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
Citizen Identity Card

Số / No.: 083076012274
Họ và tên / Full name:
PHẠM AN HUY
Ngày sinh / Date of birth: 26/11/1976
Giới tính / Sex: Nam Quốc tịch / Nationality: Việt Nam
Quê quán / Place of origin:
Phú Nhuận, Thành phố Bến Tre, Bến Tre
Nơi thường trú / Place of residence: 610D, Phú Chiến
Phú Hưng, Thành phố Bến Tre, Bến Tre
Có giá trị đến: 26/11/2036
Date of expiry


Đặc điểm nhân dạng / Personal identification:
Seo chấm C 1,8cm dưới sau
đuôi mắt trái
Ngày, tháng, năm / Date, month, year: 20/12/2021
CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
Ngón trỏ trái
Ngón trỏ phải
Tô Văn Huệ
IDVNM076012274108307601227 4<<8
7611267M3611269VNM<<<<<<<<<<<0
PHAM<<AN<HUY<<<<<<<<<<<<<<<<<<<

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2634 quyển số: 05 SCT/BS
Ngày 12 tháng 06 năm 2025
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN HỘI

U.B.N.D PHƯỜNG AN HỘI T.P BẾN TRE

Bùi Thiên Chương

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

Bridge and Highway Engineering

Upon: *Mr. Pham An Huy*

Date of birth: *26 November 1976* In: *Ben Tre*

Year of graduation: *2013*

Degree classification: *Average good*

Mode of study: *Part-time*

*Hanoi, 02 July 2013*

Reg. No: 3886/K50

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

BẰNG KỸ SƯ

Xây dựng Cầu - Đường

Cho: *Ông Phạm An Huy*

Ngày sinh: *26-11-1976* Tại: *Bến Tre*

Năm tốt nghiệp: *2013*

Xếp loại tốt nghiệp: *Trung bình khá*

Hình thức đào tạo: *Vừa làm vừa học*

*Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2013*

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: 168768

Số vào sổ cấp bằng: 3886/K50

TS.TS. Trần Đức Sơn

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 137 - - 01 - quyển số.....-SCT/BS

Ngày 15 tháng 01 năm 2025

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN HỘI

U.B.N.D PHƯỜNG AN HỘI T.P BẾN TRE T. BẾN TRE

Lê Kim Châm

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770
Website: **www.congtrinhdothibentre.vn** Email: **ctdt_bt@yahoo.com**

# GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ
# THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 – 2030

*(Áp dụng cho cổ đông)*

***Kính gửi:** Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre*

- Họ tên cổ đông: Công ty cổ phần Tập đoàn ôtô Hiệp Hòa.
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số: 0101033072 Ngày cấp: 05/06/2023 Nơi cấp: Phòng ĐKKD – Sở KH & ĐT Hà Nội
- Người đại diện theo pháp luật *(nếu có):* Đào Mạnh Hùng.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 529.700 cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 5.297.000.000 đồng

**Đề nghị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre cho tôi đề cử:**

1. **Ông/Bà: Đào Mạnh Hùng.**

   CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 001055003913, Ngày cấp: 26/03/2025, Nơi cấp: Bộ Công an

   Địa chỉ thường trú: Lô D5D 106 Khu D5 dự án đấu giá QSDĐ, P. Phú Thượng, Q. Tây Hồ, Hà Nội.

   Trình độ học vấn: Cử nhân Chuyên ngành: Đại học Thương mại.

   Đại diện Công ty cổ phần Tập đoàn ô tô Hiệp Hòa sở hữu: 529.700 (cổ phần)

   Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 5.297.000.000 (đồng)

**Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre nhiệm kỳ 2025 – 2030**

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2025

Người đề cử

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

M.S.D.N: 0101033072 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN Ô TÔ HIỆP HÒA - Q. TÂY HỒ - TP. HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT

Đào Mạnh Hùng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

------o0o------

# SƠ YẾU LÝ LỊCH

| | |
|---|---|
| 1/ Họ và tên: | Đào Mạnh Hùng |
| 2/ Giới tính: | Nam |
| 3/ Ngày tháng năm sinh: | 10/11/1955 |
| 4/ Nơi sinh: | Hà Nội |
| 5/ CMND/CCCD/Hộ chiếu: 001055003913 | ngày cấp: 26/03/2025 |
| 6/ Quốc tịch: | Việt Nam |
| 7/ Dân tộc: | Kinh |
| 8/ Địa chỉ thường trú: | Lô D5D 106 Khu D5 dự án đấu giá quyền sử dụng đất, P. Phú Thượng, Q. Tây Hồ, Hà Nội |
| 9/ Số điện thoại công ty: 19008687<br>10/ Địa chỉ email: Office@hiephoa.com.vn | *Số điện thoại di động:* 0903407620 |
| 11/ Trình độ chuyên môn: | Đại học Thương mại |
| 12/ Quá trình công tác:<br>+ Từ 1974 đến 1981:<br>+ Từ 1982 đến 1988:<br>+ Từ 1989 đến 1999:<br>+ Từ 06/2000 đến nay: | <br>- Phục vụ QĐND Việt Nam tại Miền Nam và Campuchia<br>- Trưởng phòng kinh doanh công ty ăn uống Đống Đa<br>- Làm việc tại Công ty Trường An – Ban TCQT Trung ương<br>- Tổng giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty Hiệp Hòa |
| 13/ Các chức vụ công tác hiện nay: | Tổng giám đốc - Công ty CP ô tô Chuyên dùng Hiệp Hòa |
| | Chủ tịch HĐQT- Công ty CP Tập Đoàn ô tô Hiệp Hòa |
| | Thành viên HĐQT - Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre |
| | Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Công trình đô thị Sóc Trăng |
| | Thành viên HĐQT – Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh |
| 14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày 26/5/2025) *529.700 cổ phần, chiếm 14,71% vốn điều lệ*, trong đó: | |

| | |
|---|---|
| + Đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Tập đoàn ôtô Hiệp Hòa: | *529.700 cổ phần, chiếm 14,71% vốn điều lệ,* |
| + Cá nhân sở hữu: | *…… CP, chiếm ……% vốn điều lệ* |
| 15/Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không | |
| 16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty: | *…… CP, chiếm ……% vốn điều lệ* |
| | *…… – Mối quan hệ:……; nắm giữ: …… CP, chiếm ……% vốn điều lệ* |
| 17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không |
| 18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không |

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2025*

**Người khai**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

Đào Mạnh Hùng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIỆT NAM
Independence - Freedom - Happiness

CĂN CƯỚC
IDENTITY CARD

Số định danh cá nhân /Personal identification number:
001055003913

Họ, chữ đệm và tên khai sinh / Full name:
ĐÀO MẠNH HÙNG

Ngày, tháng, năm sinh / Date of birth: 10/11/1955
Giới tính / Sex: Nam
Quốc tịch / Nationality: Việt Nam

Nơi cư trú / Place of residence: Lô D5d 106 D5 DẬĐG QSDĐ, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội

Nơi đăng ký khai sinh / Place of birth:
Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội

Ngày, tháng, năm cấp / Date of issue
26/03/2025

Ngày, tháng, năm hết hạn / Date of expiry
Không thời hạn

BỘ CÔNG AN/MINISTRY OF PUBLIC SECURITY

IDVNM055003913200105500391 3<<3
5511101M9912315VNM<<<<<<<<<<<4
DAO<<MANH<HUNG<<<<<<<<<<<<<<<<

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

24 -04- 2025

SỐ CHỨNG THỰC: 00001404 QUYỂN SỐ: 01-SCT/BS

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH
Lê Thị Thanh Trà

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
THƯƠNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC TẠI CHỨC

Họ và tên: Đào Mạnh Hùng

Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1955, tại: Hà nội

đã tốt nghiệp đại học tại chức.

Hệ: Dài hạn

Ngành học: Kinh tế và kế hoạch ăn uống công cộng

Khóa: 1984 – 1989, xếp loại: Khá

Hà nội Ngày 15 tháng 9 năm 1989

Hiệu trưởng



07142 ĐHTC

Quyết định số: 119 TN/ĐT

ngày 22 tháng 8 năm 1989

của Trường ĐH Thương nghiệp

Trần Minh Tuấn

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
01-10-2021
SỐ CHỨNG THỰC: 000528 QUYỂN SỐ: 01 SCT/BS
000528 - 01
PHÓ CHỦ TỊCH
Đỗ Ngọc Hoa

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358 Fax: (0275) 3817 770
Website: **www.congtrinhdothibentre.vn** Email: **ctdt_bt@yahoo.com**

# GIẤY ĐỀ NGHỊ TỰ ĐỀ CỬ
# THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2025 – 2030

***Kính gửi:*** ***Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre***

- Tôi tên là: NGUYỄN THANH PHONG
- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 083066015298 Ngày cấp: 15/08/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Số lượng cổ phần sở hữu: **180.000** cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 1.800.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng)

Đề nghị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre cho tôi được tự đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

Bến Tre, ngày 9 tháng 06 năm 2025

**Người tự đề cử**

**Nguyễn Thanh Phong**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**
------o0o------

# SƠ YẾU LÝ LỊCH

| | |
|---|---|
| 1/ Họ và tên: | NGUYỄN THANH PHONG |
| 2/ Giới tính: Nam | Nam |
| 3/ Ngày tháng năm sinh: | 09/03/1966 |
| 4/ Nơi sinh: | Tường Đa, Châu Thành, Bến Tre |
| 5/ CMND/CCCD/Hộ chiếu: | 083066015298, ngày cấp: 15/08/2022 |
| 6/ Quốc tịch: | Việt Nam |
| 7/ Dân tộc: | Kinh |
| 8/ Địa chỉ thường trú: | Số 238/2, khu phố 2, P. An Hội, Tp Bến Tre, tỉnh Bến Tre |
| 9/ Số điện thoại công ty:<br>10/ Địa chỉ email: | Số điện thoại di động: 0918212936<br>phucthinhbtre@gmail.com |
| 11/ Trình độ chuyên môn: | Sơ cấp xây dựng |
| 12/ Quá trình công tác:<br>+ Từ 05/1984 đến 09/1987:<br>+ Từ 09/1987 đến 09/1989:<br>+ Từ 10/1989 đến 06/1998:<br>+ Từ 07/1998 đến 07/2010:<br>+ Từ 07/2010 đến nay: | <br>Công tác tại Công ty Xây lắp Bến Tre<br>Đi nghĩa vụ Campuchia<br>Công tác tại Công ty Xây Dựng Bến Tre<br>Công tác tại Công ty CP Phát triển Nhà Bến Tre<br>công tác tại Công ty TNHH MTV Phúc Thịnh |
| 13/ Các chức vụ công tác hiện nay: | Giám đốc Công ty TNHH MTV Phúc Thịnh |
| 14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày 26/05/2025) 180.000 *cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ*, trong đó: | |
| + Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): | *Không* |
| + Cá nhân sở hữu: | **180.000** *cổ phần, chiếm 5% vốn điều lệ* |
| 15/Các cam kết nắm giữ (nếu có) | |
| 16/Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty: | *Không* |
| 17/ Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Không |
| 18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không |

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Bến Tre, ngày 9... tháng 6 năm 2025*

**Người khai**



**Nguyễn Thanh Phong**


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness
CĂN CƯỚC CÔNG DÂN
Citizen Identity Card
Số / No.: 083066015298
Họ và tên / Full name:
NGUYỄN THANH PHONG
Ngày sinh / Date of birth: 09/03/1966
Giới tính / Sex: Nam Quốc tịch / Nationality: Việt Nam
Quê quán / Place of origin:
Tường Đa, Châu Thành, Bến Tre
Nơi thường trú / Place of residence: 238/2, Khu Phố 2
Phường 4, Thành phố Bến Tre, Bến Tre
Có giá trị đến: 09/03/2026
Date of expiry

Đặc điểm nhân dạng / *Personal identification:*
Sẹo tròn 0,4cm C:1,7cm trên sau mép trái
*Ngày, tháng, năm / Date, month, year:*15/08/2022

CỤC TRƯỞNG CỤC CẢNH SÁT
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI
DIRECTOR GENERAL OF THE POLICE DEPARTMENT
FOR ADMINISTRATIVE MANAGEMENT OF SOCIAL ORDER



Ngón trỏ trái
*Left index finger*

Ngón trỏ phải
*Right index finger*

Tô Văn Huệ

IDVNM066015298108306601529 8<<8
6603090M2603092VNM<<<<<<<<<<<0
NGUYEN<<THANH<PHONG<<<<<<<<<<

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2518 quyển số: 01 SCT/BS
Ngày 06 tháng 06 năm 2025
PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG AN HỘI

U.B.N.D PHƯỜNG AN HỘI T.P BẾN TRE T.BẾN TRE

Lê Kim Châm

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, P. An Hội, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3826 358; Website: www.congtrinhdothibentre.vn -bentrepco.vn

**(DỰ THẢO)**

# QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

## (Nhiệm kỳ 2025 – 2030)

**Căn cứ:**

- *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;*
- *Điều lệ của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*
- *Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre.*

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế ứng cử, đề cử, bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên nhiệm kỳ III (2025 - 2030) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre như sau:

### I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt:

- Công ty : Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

### II. Chủ tọa tại đại hội:

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách ứng cử và đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu.
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

### III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT:

1. Số lượng thành viên HĐQT : 05 người
2. Nhiệm kỳ : 2025-2030
3. Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị *(Theo Khoản 1 Điều 155 của Luật doanh nghiệp)*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác..

- Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

## IV. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm kiểm soát viên

1. Số lượng kiểm soát viên : 03 người
2. Nhiệm kỳ : 2025 - 2030
3. Số lượng ứng viên BKS tối đa : Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (Theo Điều 169 của Luật doanh nghiệp)

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

## V. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị.

**VI. Quy định ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:** *(Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)*

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục sáu (06) tháng (tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội cổ đông thường niên năm 2025) có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

Số lượng ứng cử viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số ứng viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông trên đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc các cổ đông khác đề cử.

**VII. Qui định đề cử kiểm soát viên** (Theo Khoản 2 Điều 35 Điều lệ)

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.

**VIII. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu cử vào HĐQT và BKS**

**1. Hồ sơ ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.**

*(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tại địa chỉ: www.congtrinhdothibentre.vn )*

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử vào Hội đồng quản trị (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu)
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có)
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có)
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện ứng cử, đề cử theo Quy chế này quy định

Người ứng cử, đề cử vào Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

**2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ ứng cử, đề cử.**

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về **trước 15h ngày 13/06/2025**

**Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre**
Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
Điện thoại: 075 3826 358
Website: www.congtrinhdothibentre.vn
Liên hệ: Bà Trần Thị Vân Nghi – ĐTDĐ: (0914) 716 878)

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

## IX. Danh sách ứng cử viên:

- Dựa vào Hồ sơ ứng cử, đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên.
- Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

## X. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu *(Theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp)*
- Theo đó, mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, kiểm soát viên.[
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Trường hợp viết sai, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

## XI. Phiếu bầu cử:

### 1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát hai (02) loại Phiếu bầu: phiếu bầu Hội đồng quản trị và phiếu bầu Ban kiểm soát. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các

thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

**2. Cách ghi Phiếu bầu cử**

Mỗi đại biểu được phát hai (02) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử
- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một ứng viên, đại biểu đánh dấu "X" vào ô "Bầu dồn đều phiếu" của ứng viên tương ứng.
- Nếu bầu số phiếu không hết tối đa số phiếu được quyền bầu cho một ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của ứng viên tương ứng.

***Lưu ý:***

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô "Số phiếu bầu".

**3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử**

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
  - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu; Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
  - Gạch tên các ứng cử viên;
  - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
  - Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
  - Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết được phép bầu;
  - Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
  - Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

**4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu**

- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ toạ giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

**5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:** *(Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp)*

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên Hội đồng quản trị thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

## XII. Hiệu lực thi hành

- Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại Hội Cổ Đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre kết thúc.
- Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu Hội đồng quản trị, kiểm soát viên của Công ty nhiệm kỳ (2025 - 2030) tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

***Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.***

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
**CHỦ TỊCH HĐQT**

**NGUYỄN TẤN VŨ**

| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /NQ-ĐHĐCĐ | *Bến Tre, ngày 26 tháng 6 năm 2025* |

**DỰ THẢO**

# NGHỊ QUYẾT
# ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE NĂM 2025

**Căn cứ:**

*- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*

*- Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre;*

*- Biên bản họp đại hội cổ đông ngày 26/06/2025,*

## QUYẾT NGHỊ:

Ngày 26/06/2025, tại Khách sạn Hàm Luông - 200C, đường Hùng Vương, Phường An Hội, Thành Phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ Phần Công trình Đô thị Bến Tre được tổ chức với sự tham gia của … cổ đông sở hữu … cổ phần chiếm … tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

**Nội dung 1. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025.**

- ***Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ……*** *Cổ phần chiếm …… % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

**Nội dung 2. Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện năm 2024 – Kế hoạch hoạt động năm 2025.**

- ***Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ……..****Cổ phần chiếm …… % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

**Nội dung 3. Báo cáo của Ban kiểm soát về Kết quả thực hiện năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025.**

- ***Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ……..****Cổ phần chiếm …… % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

**Nội dung 4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 (tóm tắt kết quả Kiểm toán).**

- ***Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ……..****Cổ phần chiếm …… % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

**<u>Nội dung 5</u>. Tờ trình phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2024 và Kế hoạch năm 2025.**

**Báo cáo về tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025:**

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | KH 2024 | TH 2024 | KH 2025 |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vốn điều lệ | Tr/đồng | 36.000,00 | 36.000,00 | 36.000,00 |
| 2 | Tổng doanh thu | Tr/đồng | 78.000,00 | 107.860,93 | 110.000,00 |
| 3 | Tổng chi phí | Tr/đồng | 70.200,00 | 94.420,84 | 96.300,00 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | *Tr/đồng* | 7.800,00 | 13.440,09 | 13.700,00 |
| 5 | Lợi nhuận chưa phân phối | *Tr/đồng* | 6.780,00 | 11.765,84 | 11.782,00 |
| 6 | Trích lập các quỹ | *Tr/đồng* | 3.384,09 | 7.871,79 | 7.493,56 |
| | *- Quỹ Đầu tư phát triển* | *Tr/đồng* | *2.034,00* | *3.529,75* | *3.181,14* |
| | *- Quỹ Khen thưởng phúc lợi* | *Tr/đồng* | *1.017,00* | 3.953,97 | 3.521,52 |
| | *- Quỹ thưởng NQL chuyên trách* | *Tr/đồng* | *333,09* | 388,08 | 790,90 |
| 7 | Lợi nhuận còn lại chia cổ tức | *Tr/đồng* | 3.395,91 | 3.894,05 | 4.288,44 |
| 8 | Lợi nhuận còn lại chia cổ tức /(*VĐL)* | % | 9,43 | 10,82% | 11,91% |
| 9 | Chi cổ tức/(*VĐL)* | % | 7 | 20 | 12 |
| 10 | Lợi nhuận còn lại lũy kế | tr/đồng | 4.223,70 | 41,84 | 10,28 |
| 11 | Tỷ lệ Lợi nhuận còn lại lũy kế/ VĐL | % | 11,73 | 0,12 | 0,03 |

- Quỹ đầu tư phát triển: mức trích kế hoạch và thực hiện 2024 tương đương 30% lợi nhuận sau thuế, mức trích kế hoạch 2025 tương đương 27% lợi nhuận sau thuế;

- Quỹ khen thưởng phúc lợi: mức trích kế hoạch 2024 tương đương 15% lợi nhuận sau thuế, mức trích thực hiện 2024 tương đương 2 tháng lương thực hiện, mức trích kế hoạch 2025 tương đương 1,5 tháng lương thực hiện;

- Quỹ thưởng Người quản lý chuyên trách và Quỹ khen thưởng - phúc lợi cho Người lao động năm 2024 được trích lập theo Quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; Quỹ thưởng Người quản lý chuyên trách và Quỹ khen thưởng - phúc lợi cho Người lao động kế hoạch năm 2025 được trích lập theo Quy định tại Nghị định 44/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

- Tổng chi phí đã bao gồm chi phí mang tính chất phúc lợi (không quá 01 tháng lương thực hiện) chi trực tiếp cho người lao động theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC và Điều 63 Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

- ***Tỷ lệ biểu quyết thông qua: ……..****Cổ phần chiếm …… % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

**<u>Nội dung 6</u>. Tờ trình tiền lương, thù lao của người quản lý.**

**Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua tiền lương, thù lao của người quản lý như sau:**

| STT | Chức vụ | Số người | Thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Tiền lương chuyên trách** | | **3.104.611.428** | **4.745.388.000** |
| 1 | - Chủ tịch HĐQT | 1 | 494.251.932 | 744.000.000 |
| 2 | - Trưởng Ban kiểm soát | 1 | 384.362.760 | 624.000.000 |
| 3 | - Quản lý chuyên trách | 6 | 2.225.996.736 | 3.377.388.000 |
| **II** | **Tiền thù lao** | | **302.400.000** | **256.800.000** |
| 1 | - Thành viên HĐQT | 2 | 146.400.000 | 124.800.000 |
| 2 | - Thành viên Ban kiểm soát | 2 | 114.000.000 | 96.000.000 |
| 3 | - Thư ký | 1 | 42.000.000 | 36.000.000 |

**Chi tiết kế hoạch tiền thù lao HĐQT, BKS và thư ký năm 2025 như sau:**

- Thành viên HĐQT: 2 người x 5.200.000đ x 12 tháng
- Thành viên Ban KS: 2 người x 4.000.000đ x 12 tháng
- Thư ký HĐQT: 1 người x 3.000.000đ x 12 tháng

- ***Tỷ lệ biểu quyết thông qua: …….****Cổ phần chiếm …… % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

**<u>Nội dung 7</u>. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.**

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre theo quy định pháp luật, với công ty kiểm toán được lựa chọn là:
    - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
    - Mã số thuế: 0303128175
    - Địa chỉ: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.Hồ Chí Minh

- ***Tỷ lệ biểu quyết thông qua: …….****Cổ phần chiếm …… % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.*

**<u>Nội dung 8</u>. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.**

- ***Tỷ lệ biểu quyết thông qua: …*** *Cổ phần chiếm … % số cổ phần có quyền biểu quyết.*

**<u>Nội dung 9</u>. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.**

- ***Tỷ lệ biểu quyết thông qua: …*** *Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.*

**<u>Nội dung 10</u>. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.**

- ***Tỷ lệ biểu quyết thông qua: …*** *Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.*

**<u>Nội dung 11</u>. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.**

- ***Tỷ lệ biểu quyết thông qua: …*** *Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.*

**<u>Nội dung 12</u>. Tờ trình bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2025-2030.**

- ***Tỷ lệ biểu quyết thông qua: …*** *Cổ phần chiếm ... % số cổ phần có quyền biểu quyết.*

**<u>Nội dung 13.</u> Thông qua kết quả bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030:**

- **Danh sách ứng viên:**
  - **Danh sách ứng viên Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:**
    1. Nguyễn Tấn Vũ
    2. Lê Văn Vũ
    3. Đào Mạnh Hùng
    4. Nguyễn Thanh Phong
    5. Huỳnh Thanh Hải
  - **Danh sách ứng viên Thành viên Ban kiểm soát bao gồm:**
    1. Trịnh Văn Đấu
    2. Võ Minh Hùng
    3. Phạm An Huy
- **Kết quả bầu Thành viên HĐQT, Thành viên Ban kiểm soát cụ thể như sau:**

| STT | Họ và tên | Chức danh | Số phiếu bầu | Tỷ lệ bầu cử |
|---|---|---|---|---|
| **I** | **Thành viên Hội đồng quản trị** | | | |
| 1 | Nguyễn Tấn Vũ | Thành viên HĐQT | ... | ... |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Lê Văn Vũ | Thành viên HĐQT | ... | ... |
| 3 | Đào Mạnh Hùng | Thành viên HĐQT | ... | ... |
| 4 | Nguyễn Thanh Phong | Thành viên HĐQT | ... | ... |
| 5 | Huỳnh Thanh Hải | Thành viên HĐQT | ... | ... |
| **II** | **Thành viên Ban kiểm soát** | | | |
| 1 | Trịnh Văn Đấu | Thành viên BKS | ... | ... |
| 2 | Võ Minh Hùng | Thành viên BKS | ... | ... |
| 3 | Phạm An Huy | Thành viên BKS | ... | ... |

Nghị quyết được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận*:**
- Cổ đông,
- HĐQT,
- Ban điều hành,
- Thư ký công ty,
- UBCKNN, HNX, Website,
- Lưu.

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Nguyễn Tấn Vũ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**
---

**MẪU**

# THẺ BIỂU QUYẾT

## MÃ ĐẠI BIỂU: BTU.000…

Họ và tên Đại biểu: **….**
Số lượng cổ phần sở hữu: **…** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **…** cổ phần
**Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: … cổ phần**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**
---

# PHIẾU BIỂU QUYẾT
# MÃ ĐẠI BIỂU: BTU.000…

**MẪU**

Họ và tên Đại biểu: **…**
Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: **…** phiếu biểu quyết
Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: **…** phiếu biểu quyết
**Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: … phiếu biểu quyết**

*(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)*

| NỘI DUNG | Tán thành | Không tán thành | Không có ý kiến |
|---|---|---|---|
| **Nội dung 01:** Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 | | | |
| **Nội dung 02:** Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả thực hiện năm 2024 – Kế hoạch hoạt động năm 2025 | | | |
| **Nôi dung 03:** Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025 | | | |
| **Nội dung 04:** Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 (đã Kiểm toán) | | | |
| **Nội dung 05:** Tờ trình phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2024 và Kế hoạch năm 2025 | | | |
| **Nội dung 06:** Tờ trình về việc thông qua tiền lương, thù lao năm 2024 và kế hoạch năm 2025 của người quản lý Công ty | | | |
| **Nội dung 07:** Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 | | | |
| **Nội dung 08:** Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre | | | |
| **Nội dung 09:** Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre | | | |
| **Nội dung 10:** Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre | | | |
| **Nội dung 11:** Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre | | | |
| **Nội dung 12:** Tờ trình về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030 | | | |

**Hướng dẫn:**

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô: **Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến** đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 26 tháng 06 năm 2025
**ĐẠI BIỂU**
*(Ký và Ghi rõ họ tên)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

---

**MẪU**

# PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
# MÃ ĐẠI BIỂU: BTU.000…

Họ và tên Đại biểu: **…**
Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: **…** phiếu biểu quyết
Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: … phiếu biểu quyết
Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: **…** phiếu biểu quyết
**Tổng số lượng phiếu bầu: … phiếu bầu**

**Tôi đồng ý Bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:**

| STT | Họ và tên ứng viên | Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên) | Số phiếu bầu (cho từng ứng viên) |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |
| 4 | | | |
| 5 | | | |

**Hướng dẫn:**

1. Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu. (05 người)
2. Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" của các ứng viên tương ứng.
3. Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.

Ngày 26 tháng 06 năm 2025
**ĐẠI BIỂU**
*(Ký và Ghi rõ họ tên)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

---

**MẪU**

# PHIẾU BẦU CỬ BAN KIỂM SOÁT
# MÃ ĐẠI BIỂU: BTU.000…

Họ và tên Đại biểu: **…**
Số lượng phiếu biểu quyết sở hữu: **…** phiếu biểu quyết
Số lượng phiếu biểu quyết nhận ủy quyền: … phiếu biểu quyết
Tổng số lượng phiếu biểu quyết đại diện: **…** phiếu biểu quyết
**Tổng số lượng phiếu bầu: … phiếu bầu**

**Tôi đồng ý Bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:**

| STT | Họ và tên ứng viên | Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên) | Số phiếu bầu (cho từng ứng viên) |
|---|---|---|---|
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| 3 | | | |

**Hướng dẫn:**

1. Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu. (03 người)
2. Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô "Bầu dồn đều phiếu" của các ứng viên tương ứng.
3. Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng.

Ngày 26 tháng 06 năm 2025
**ĐẠI BIỂU**
*(Ký và Ghi rõ họ tên)*